

HEPATIC

Ai đau gan?

NÊN DÙNG THUỐC

HEPATIC

CÓ BÀN KHÁP CÁC NHÀ THUỐC AU MỸ

HEPATIC

Chuyên trị bệnh đau gan rất công hiệu

Kiểm nhận số 38/Q.C.D.P.BY.T. ngày 22-7-60

PHỔ THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHÂN XÂY DỰNG VĂN HÓA VIỆT NAM
PHỔ BIẾN VĂN HÓA ĐÔNG TÂY KIM CÔ

Giám-đốc, Chủ-bút: Nguyễn-Vũ

Tòa-soạn: 233, đường Phạm-Ngũ-Lão, Sài-gon — Đ.T. 25.861

Ty Quản-lý: 531, Đại-lộ Trần-hưng-Đạo — Saigon

NĂM THỨ VI ★ số 123 ★ 1 - 4 - 1964

1.— Đề xúc tiến việc thành lập	Hàn Lâm Viện V.N.	Nguyễn-Vũ	7 — 9
2.— CIA, vén màn bí mật		Chiến-Thắng	10 — 16
3.— Tuổi thơ của Jean Paul Sartre		Kiên-Thông	17 — 21
4.— Thần thoại Hy-lạp — La-mã		Đàm-quang-Thiện	22 — 24
5.— Duy-tân (thơ)		Bích-Khê	25
6.— Tuấn, chàng trai nước Việt		Nguyễn-Vũ	26 — 29
7.— Trường Đại-học Canterbury		Hùng-Minh	30 — 33
8.— Tiếng vọng mờ sâu (thơ)		Quỳnh-Hoa	34
9.— Thời sự khoa học		Võ-quang-Yến	35 — 40
10.— Đời lãng tử (thơ)		Hoài-viên-Phượng	41
11.— Ngàn ngại (thơ)		Hà-Phượng	42
12.— Bức thư Paris		Cô Minh-Đức	43 — 46
13.— Bức họa bằng da người		Phượng-Chi	47 — 52
14.— Đã mấy thu rồi (thơ)		Tôn nữ Sao-Mai	53
15.— Những bí mật trong thế chiến		Thiếu-Son	54 — 57
16.— Một khoa học mới		Thăng Tiến	58 — 62

PHỔ-THÔNG — 123

17.— Ngây cuối cùng của nhà văn Lê-văn-Trương.	Trần-tuấn-Kiệt	63 — 67
18.— Le Cygne (thơ).	N.	68 — 69
19.— Một vài chuyện tình phương Án	Nguyễn-văn-Côn	70 — 75
20.— Quần đảo Côn-Son	Sơn-Vương	76 — 83
21.— Anh ơi anh nghĩ gì (T.Đ.B.N).	Anh-Tuấn	84
22.— Định mệnh (truyện ngắn)	Đặng-hữu-Hỗ	85 — 87
23.— Sinh hoạt văn nghệ V.N. ở Paris.	Cô Minh-Đức	88 — 91
24.— Minh ơi !	Diệu-Huyền	92 — 98
25.— Nói với thành-già (thơ).	Yên-Duy	99
26.— Phụ nữ Việt-Nam.	Ngô-bá-Thành	100 — 105
27.— Tiếng nói gái trai thế hệ.	Phồ-Thông	106 — 114
28.— Người tù 69	Nguyễn-Vỹ	115 — 119
29.— Sách báo mới	P.T.	120
30.— Mối tình vô vọng của Bernardin	Hoàng-Thắng	121 — 130
• Tranh vẽ	Ngọc-Dũng	



- * Chúng tôi hoàn-toàn không chịu trách-nhiệm về những bài lai cảo của bạn đọc, (theo thể-lệ chung của các tạp-chí quốc-tế).
- * Bài lai cảo không đăng, không trả lại.
- * Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chí PHỒ-THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ: « Trích Tạp-chí PHỒ-THÔNG » và đừng viết tắt.
- * Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
- * Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays. Copyright by PHỒ-THÔNG, printed in Việt-Nam.

Tổng-phát-hành PHỒ-THÔNG ở Âu-Châu và Phi-châu
 • Notre représentant général pour l'Europe et l'Afrique
 • Our general agent in Europa & Africa

LONG-HIỆP

13, Rue de la Montagne Ste Geneviève — PARIS Vê
 (vente — abonnements — Publicité)

đề xúc - tiến sự thành lập Hàn Lâm - viện Việt - nam

LÀM một việc gì dù hay dù phải đến đâu, dù lợi ích thiết thực cho xã hội, cũng có kẻ đứng ngoài công kích, cũng có người tìm cách chỉ trích, xoi bói, phá hoại. Đó là những kẻ không muốn làm gì cả, và họ cũng không muốn thấy ai làm gì cả. Tại sao họ không muốn làm? Điều đó, chúng ta không hiểu được. Tại sao họ không muốn thấy ai làm? Điều đó, chúng ta cũng không thể hiểu được.

Nhưng chúng ta không cần tìm hiểu. Việc phải làm, chúng ta cứ làm. Ai công kích, xoi bói, là những kẻ thiếu thiện chí. Chúng ta cứ xây dựng lẽ phải và lý tưởng tốt đẹp trên nền tảng vững chắc. Những người có thiện chí đều ủng hộ việc làm của chúng ta, và mong muốn công việc chóng thành kết quả.

Việc lập **Hàn Lâm Viện Việt-Nam** cũng đã bị một vài tờ báo chỉ trích. Họ bảo trong lúc nước nhà đang gấp rút chống cộng, sao không lo chống cộng mà lại lo lập **Hàn-Lâm-Viện**? Nhưng chính những kẻ chỉ trích đó đã có làm gì để chống cộng đâu?

Họ công kích suông vậy thôi, công kích để mà công kích, chứ không tìm hiểu công việc lập **Hàn-Lâm-Viện** của Bộ Quốc-gia Giáo-dục là một việc rất quan trọng và rất cấp bách trên phương diện Văn Hóa.

Trừ một vài người muốn « phá đám », chúng tôi có thể nói rằng đại đa số các giới trí thức, ở quốc-nội cũng như quốc-ngoại, đều nhiệt-liệt hưởng-ứng việc lập **Hàn-Lâm-Viện**, để khởi công biên-soạn bộ Tự-diễn Việt-Nam, và nhiều công việc cấp bách khác về Văn-ngệ, Tư-tưởng, Học-thuật.

Chính-phủ cách-mạng đã thấy rõ sự cần thiết ưu-tiên ấy nên đã đặt ra một chức-vị Phó-Thủ-Tướng đặc-nhiệm Văn-hóa, và ông Tổng-Trưởng Quốc-Gia Giáo-Dục, vừa bắt tay vào nhận việc, đã đặc biệt lưu-ý đến việc thành lập một **Hàn-Lâm-Viện** quốc-gia.

Nói về danh-từ, chúng tôi không đồng-ý với bạn Hiếu-Chân, trên báo Ngày Nay, bạn đề nghị thay thế ba chữ **Hàn Lâm Viện** bằng danh từ « **Viện Văn-Hóa** ». Chúng tôi muốn tránh cái nạn « cái suông về danh-từ » đã mất thì giờ vô ích mà không đem đến kết-quả hợp lý. Trong lúc tất cả các quốc-gia văn-minh trên thế-giới đều có **Hàn-Lâm-Viện**, *Académies*, thì chúng ta không cần phải đặt ra một danh từ khác. Và lại, **Viện Văn-Hóa** còn gồm nhiều **Hàn-Lâm-Viện** về nhiều bộ môn khác nhau, âm-nhạc, y-học, khoa-học, khoa học chính-trị, v.v...

Riêng danh-từ **Hàn-Lâm-Viện Việt-Nam** chỉ bao gồm các ngành hoạt-động về văn-chương, tư-tưởng, học-thuật mà thôi.



Trong một cuộc hội-kiến vừa rồi tại Bộ Giáo-dục, ông Tổng-trưởng Bùi-tường-Huân có nhã-ý trao-đổi với tôi nhiều quan-diểm thiết-thực về nhiệm-vụ và tầm hoạt-động của **Hàn-lâm-viện Việt-Nam**, mà ông đang chuẩn-bị thành lập trong một ngày gần đây. Chúng tôi đã xét qua các khía cạnh của vấn-đề, và nhận thấy công việc sơ khởi sẽ có phần khó-khăn. Nhưng ông Tổng-Trưởng có nhiều thiện-chí xây dựng. Trên lĩnh-vực văn-hóa và giáo-dục ông đã tỏ ra một lòng quả-cảm hiếm có, quyết vượt mọi trở ngại để thành công.

Nước Pháp thế kỷ XVIII, nếu không có một người cương-quyết hành-động và tha-thiết yêu-chuộng văn-ngệ và văn-ngệ-sĩ như **Richelieu**, thì làm gì có **Hàn-lâm-viện** Pháp lừng lẫy tiếng-tầm trên Thế-giới ngày nay. Lúc bấy giờ trong giới văn-học Pháp, không phải không có một vài kẻ mĩa mai, phá hoại, nhưng vua **Louis XIV** là một bậc anh quân trẻ tuổi, rất yêu chuộng văn-ngệ và tôn-kính các nhà văn-ngệ-sĩ, cho nên ông không thềm nghe lời dèm pha, và đề đức Hồng-y **Richelieu** hoàn-toàn tự-do tổ chức **Hàn-lâm-viện**.

Tôi thành thật mong ông Tổng-trưởng Bùi-tường-Huân sẽ thành công như **Richelieu**.

N. V.



Kỳ sau: Một **Hàn-lâm-viện** trẻ.

C.I.A

VĂN MÀN BÍ MẬT

★ Chiến - Thắng

Bạn đọc thân mến sẽ theo dõi trên mục này những phát giác mới mẻ nhất của cơ quan Trung Ương Tình Báo Mỹ C.I.A. về các hoạt động gián điệp, phản gián điệp ly kỳ hấp dẫn nhất qua các âm mưu, các cuộc chính biến trong những năm gần đây được tiết lộ lần đầu.

● Một thắng lợi

MỘT buổi sáng đẹp trời mùa hạ năm 1951, Viên Giám Đốc hãng sản xuất khuy áo Otto Bauer (đặt tên ông) nhắc ông điện thoại mời ông Hans Hauptman (Hộp men) tới. « Chào ông. Tôi có chuyện cần thương lượng với ông. Mời ông mang qua đây những mẫu hàng cho tôi coi.

Một giờ sau, ông Hauptman đã tới bàn giấy để thảo luận với ông Bauer, ông này

cũng cho vời đến văn phòng của mình một chuyên viên về phát tích để tham khảo ý kiến. Cuộc tranh luận diễn ra tới gần hai tiếng về vấn đề giá cả và cách thức giao hàng.

Khi ra về, ông Hauptman mang theo một bản giao và một bức thư dán kín bỏ trong túi. Sau khi đã khóa kỹ cửa phòng giấy làm việc, ông Hộp men suy nghĩ triền miên mãi về nội dung bức thư ấy tới một giờ sáng. Ông lại mất thêm một tiếng đồng hồ nữa

VĂN MÀN BÍ MẬT

để duyệt lại điều mà ông mới khám phá ra, sau cùng ông giải đoán được ý nghĩa chứa đựng trong đó, nhưng thấy nó chả liên quan gì đến mình cả, nhưng nó có liên hệ đến nơi khác kia.

Nơi khác đó, trong trường hợp này là văn phòng của một người buôn sỉ các đồ trang phục như áo khoác và áo lót mình, một văn phòng nhỏ bé và nhor nhóp chẳng thấm mỷ chút nào. Chính ở đó, ít ngày sau ông này nhận được một bức thư của ông Hộp men gửi tới để nghị bán một thiên liệu với một giá cố lời. Chỉ trong một tuần bức thư đó đã nằm trên bàn giấy của ông Allen Welsh Dullis (Đơn Lốt) lúc đó đang làm Giám đốc cơ quan Trung Ương Tình Báo Mỹ (C.I.A.) với giòng chữ : « Chỉ để ông Đơn Lốt coi » trên bao thư. Bức thư đó phát giác ra cho Hoa-Kỳ biết địa điểm của một ổ gián điệp không lồ ngay sát nách Bà Linh. Đó là nơi tập trung những đường dây điện thoại dùng cho các viên chức quân dân chính của Đông Đức (Cộng Sản) — có thể gọi đi và tiếp nhận cùng lúc tới 432 lần.

Ồ-tô-Bô-ơ, Hộp men và nhà buôn sỉ đồ trang phục ở Mạc xây (Pháp) thật ra chỉ là nhân viên của cơ quan Tình Báo Trung Ương Mỹ. Dĩ nhiên đó không phải là tên thật của họ, cũng như những ngành họ hoạt động chẳng phải là nghề chuyên môn. Bô-ơ trước đây đã từng làm gián điệp cho phe Đồng-Minh. Ông mang quốc tịch Đức kể từ khi cơ quan Tình Báo Anh chỉ định và cấp vốn để gây dựng một nhà sản xuất khuy nhỏ bé tại Bá-Linh.

Rồi thì trên năm năm, do chỉ thị của các thượng cấp ông đành chỉ hẩn mọi sự tiếp xúc sau khi ông đến Đức. Nhưng kể từ đó suốt trong những năm Đệ nhị Thế Chiến, ông không ngừng cung cấp tin tức cho cơ quan Tình Báo Anh về sự sụp đổ của nền Cộng Hòa Weimar về sự lên nắm chính quyền của Hitler (nhà độc tài Đức quốc xã), về sự xâm lăng Ba-Lan cũng như về sách lược chiến tranh của Đức. Chỉ trừ ra hai cơ quan Tình Báo Anh và Mỹ biết còn ngoài ra không ai biết, tại sao ông chuyển qua danh sách nhân viên của cơ quan Trung Ương Tình Báo Mỹ kể từ ngày V.E. Dù sao thì dưới

chiều bài một nhà kinh doanh tại vùng Cộng sản Đông Đức, ông đã có danh nghĩa để hoạt động gần như chính thức; và từ trên mười lăm năm ông vẫn đều đều thông tin tức về Hoa-Thịnh-Đôn.

Điểm tập trung cái đường dây điện thoại chính là một kẻ hở mới khám phá để cho cơ quan Tình Báo Mỹ khai thác. Và vì trong phạm vi gián điệp, người ta không thể xem một việc gì như là đã chắc chắn, nên phải kiểm điểm lại mật gần 3 tháng.

Vấn đề được đặt ra là làm thế nào để nắm được địa điểm đó một cách êm thấm bằng một cách giản dị là đào sâu đất xuống. Cơ hội đã đến tay nhưng không thể khai thác tại chỗ được. Các điệp viên của Mỹ phỏng đoán có thể nới một đường giây vào điểm tập trung các đường giây điện thoại của cộng sản Đông Đức, nhưng nó không cho phép họ hoạt động có an toàn trong lúc ghi vào máy thu âm những lời âm thoại trao đổi giữa các viên chức quân, dân chính Đông Đức.

Địa điểm trên đã được các thám tử thám sát và bố túc

bằng bản đồ. Đầu mỗi giây điện thoại chôn sâu dưới đất 1 thước rưỡi, nằm dưới làng Alt-Glienicke do Nga.só kiểm soát, cách xa bìa rừng của làng Rudow thuộc phạm vi kiểm soát của Mỹ trên 500 thước.

Nếu nới được một đường giây và những đường điện thoại này cơ quan Tình Báo Hoa Kỳ chẳng những nghe lén được những cuộc hội đàm trao đổi giữa cơ quan quân sự Cộng sản mà còn chặn nghe cả được những công điện đánh đèn Mạc-tư.khoa và Mạc tư.khoa đánh về.

Khoảng cuối năm 1954 dưới sự đôn đốc của ông An-Lân Đôn-Lót, giám đốc cơ quan Tình Báo Mỹ, tổ chức này bắt đầu tiến hành xây một đường hầm. Nhiều ý kiến được đem ra tranh luận, nhiều ý kiến thực hiện bị gạt đi. Sau cùng, chỉ còn lại cách duy nhất là xây một con đường xuyên dưới đất để thông tới điểm tập trung các giây điện tuyến kẻ trên.

Cơ quan tình báo Mỹ không cho biết phải đào con đường hầm dài bao xa, vì về chuyện này không có một chỉ thị chính thức nào cả. Nhưng

đã phải mất gần 4 tháng để hoàn thành, thực là một thành công về kiến trúc đã thực hiện được với tất cả tiện nghi tân kỳ. Công việc được xúc tiến mỹ mãn, ban đầu một đài Ra-đa của không lực Mỹ được xây lên. Nhiều bìn-đinh khác tất cả đều có tháp canh để bảo vệ đài Ra-đa. Rồi người ta bắt đầu đào đất.

Khởi sự từ căn cứ không lộ và khoảng khoát của căn cứ không quân, cát được máy khoan sâu xuống 6 thước để lấy lên, theo chiều dọc thoải thoải ngấm xuyên dưới con đường Achenfeld lót nhựa nới làng Rudow (vùng Mỹ kiểm soát) với Alt-Glienicke (vùng Nga kiểm soát) và dẫn mãi cho tới phi trường của quân đội Nga và của phi đoàn Đông Đức xử dụng. Hàng ngàn tấn đất sét cũng được đưa lên chuyển đến các bìn-đinh xây rải rác chung quanh căn cứ đài ra-đa cốt để đánh lạc hướng sự rình rập của các điệp viên cộng sản ở khu kẻ cận.

Công tác cứ tiếp tục trong 5 tuần liền mà không gây ra một sự nghi ngờ nào. Rồi một ngày kia các công nhân đào

sâu mãi xuống đến dưới đường Schoenfeld bỗng nhiên họ sững sờ vì nghe thấy những tiếng động khả nghi trên mặt đường ngay trên đầu. Lập tức họ báo động đến sở Trung Ương của đài. Một mặt các hoạt động đều phải đình chỉ lại, ai nấy đều toát mồ hôi và muộn phiền đầu. Chắc chắn là có ai đang nghe ngóng thám sát và chắc chắn không thể là một người của Mỹ, vì lúc này, hầm đất đã đào sâu vào đến nội địa do Cộng Sản kiểm soát.

Ở trên đường, một trạm điện thoại được thiết lập cho một người ở Tây Đức — vốn là một điệp viên hàng hai — một gián điệp hoạt động cho chính phủ Đông Đức và cung cấp tin tức cho các cấp chỉ huy trực tiếp của mình bằng âm thoại núp dưới danh nghĩa ấy ông ta đã đánh cắp tài liệu bí mật cho Đông Minh. Lúc đó, ông ta được thượng cấp chỉ định đi xem xét người ta đào cái gì ở trên đường Schoenfeld.

Người điệp viên nói trên lái xe qua biên cảnh ranh giới giữa hai khu vực kiểm soát của Nga và Mỹ và lái vào làng

Alt-Gliencke đề mua một khúc đất không có bán ở vùng Mỹ kiểm soát. Ông ta thả xe đi rong tà tà để đủ thời gian uống một hai chai bia, và trên đường trở về ông ta trao đổi với đám thợ đang làm việc một nhọc trong một đường mương dọc theo con đường vài ba câu hài hước thô lỗ. Khi ông ta tiếp xúc bằng điện thoại trong trạm kể trên ở vùng Mỹ kiểm soát, trời đã tối.

Khi trở về ông ta báo cáo những công nhân làm việc trên đường Schoenfold lúc đó đang thay những ống dẫn nước.

Sau đó công việc đào hầm lại tiếp tục ngay. Đó là lần duy nhất công việc đào hầm bị ngưng trệ lại mà khi công tác hoàn thành xong không ai có thể ngờ được.

Vì với bản tính kỹ lưỡng và sự làm việc hữu hiệu vẫn là những cái tính rất độc đáo của người Mỹ đã khiến cho họ xây cái hầm này với một vẻ tuyệt mỹ. Đường hầm này đường kính rộng gần 2 thước có mấy lạnh điều hòa không khí và có máy hút điện để

ngừa nước mưa thâm vào. Nó gồm có những nứm tiếp điện, chỉnh lưu, máy khuếch đại 432 đơn vị để tiện liên lạc với bất cứ một đường giây nào trong hệ thống điện thoại của Cộng-sản, khi cần, một cái máy điều chỉnh tầm nghe cho rõ hơn ở xa cũng như để ghi vào những cuộn băng giấy nhận điện tín.

Những đường dây có quấn vài băng keo được bảo vệ bằng những lớp da dày chạy qua một vách ngăn bằng gỗ rồi xuyên qua hai cánh cửa thép gắn vào với điểm tập trung các đường giây điện thoại, công việc khó khăn này được thực hiện rất tỉ mỉ khiến cho Cộng sản không ngờ. Máy khuếch đại làm tăng thêm điện lực chạy qua một máy phân-phát tới đài ra-đa, tại đó đã tập trung sẵn 432 máy thu âm để ghi những bức điện-tín của Cộng-Sản.

Gần trọn cả năm những viên chức có thẩm quyền đã xử dụng hầm bí mật này để nghe trộm những cuộc điện-đàm trao đổi giữa giới quân sự Đông Đức, chính phủ Đông Đức và giới hữu quyền Sô-Việt, cũng như là những bức

điện tín từ Mạc-tư-khoa đánh tới và từ Đông Đức đánh về. Hàng triệu tiếng Nga và Đức đã được ghi lại, xếp loại, phân hạng.

Ở Hoa-thịnh-Đôn, gồm chừng 20 chuyên viên ở sở Trung Ương Tình Báo CIA đã bận rộn bù đầu bao nhiêu tháng để phân tích, rồi gửi tới những cơ quan hữu trách những đề nghị và luận giải của họ.

Rồi đến ngày 22 tháng 4, 1956, một toán lính đặc biệt của Nga-sô đã khám phá ra cái hầm đó. Sự khám phá cũng chỉ do một việc kiểm điểm theo thường lệ do một hạ sĩ quan trẻ tình cờ kiểm ra sợi giây lạc lỏng đó. Người quân nhân này đứng sột trước một tấm cửa sắt có mang một tấm biển đề: « Cầm vào nếu không có lệnh của Chỉ huy Trưởng » viết bằng chữ Nga. Tấm biển với hàng chữ đó đã được những người đào hầm treo lên cột để lính Nga phải ngừng lại ngay cả khi họ khám phá ra đầu mối sợi giây chấp nối kia.

Sau một hồi bồi rồi và cãi vã kịch liệt, sau cùng 2 kíp lính đặc biệt được phép đi

trả cánh cửa bí mật kia, họ đã phá đổ cánh cửa thép xuống để ngạc nhiên thấy mình đứng trước một đường hầm. Tuy nhiên, cùng lúc mà bàn tay đầu tiên chạm tới đường giây kia thì đồng thời còi báo động cũng vang lên và tất cả những chuyên viên ở dưới hầm đã biến đi đâu mất.

Chính phủ Sô-Việt lập tức gửi một công điệp phản kháng và đòi trừng trị những kẻ đã đào hầm và đã nhúng tay vào những hoạt động gián điệp bí mật.

Báo chí Cộng Sản lên án các đường giây tời nguy hiểm kia đã xâm phạm vào quyền lợi tối cao của nền Cộng Hoà dân chủ Đức.

Nhưng kỳ lạ nhất là cả báo chí Nga Sô và Đông Đức đều không hết lời tán dương bằng những danh từ như: « mạo hiểm, tuyệt hảo, dũng cảm, tuyệt diệu... »

Ít lâu sau, Nga cho lệnh mở đường hầm cho du khách đến coi như là một thắng-cảnh quyền rũ vậy, lại cho các hướng dẫn viên giải thích những cái phức tạp và vô cùng khó khăn trong công cuộc thiết lập đường hầm và đường giây được gắn vào kia.

Đến ngày 9 tháng 6, 1956, công chúng không còn được vào coi nữa và họ công bố đã có tới 40.000 nghiệp đoàn viên công nhân từ Đông Đức và từ Liên Bang Xô Viết đến chứng kiến một thành công rực rỡ của gián điệp Mỹ, ngõ hầu gây một xúc động tập thể.

Quả thực là đường hầm gián điệp Bá-Linh là một thành quả vẻ vang trong ngành gián điệp tân tiền. Dù nó giá trị tồn kém bao nhiêu chăng nữa, vẫn là không đắt, vì nó đã cung cấp cho giới hữu trách Hoa-kỳ biết bao nhiêu tin tức bí mật. Hơn nữa, nó cũng đã cứu được bao nhiêu sinh mạng — sinh mạng của những gián điệp ngoại quốc hoạt động cho

Hoa-Kỳ, nhờ cái hầm bí mật này những điện tin thông tin đã được bảo đảm an toàn.

Đường hầm bí mật Bá-Linh, một công trình tuyệt hảo, dấu sao cũng chỉ là một thành quả nhỏ bé so với biết bao nhiêu những công trình gián điệp thực hiện khác, sẽ được tiết lộ ra trong những chương kế tiếp.

C. I. A. là nơi tập trung những tay chuyên môn, những nhà trí thức, những gián điệp lành nghề để thấu góp nhiều thắng lợi, nhiều thành công hơn vào những kỹ lược đã tạo được cho tổ chức đầu não của Hoa-Kỳ, và được cả thế giới biết tới.

• *



* ĐÔI NỢ VÀ MẮC NỢ

Honoré de Balzac ngày nào cũng được hân hạnh tiếp một vài chủ nợ, trong số hàng mấy trăm chủ nợ của mình.

Một hôm, một chủ nợ đến đòi ông rất gay gắt. Hắn nói :

— Ông phải trả gấp món tiền ấy cho tôi. Trễ lắm là ngày mai, vì tôi có một món nợ rất khẩn.

Balzac giận dữ bảo :

— Ô, ông này rắc rối thật. Ông có nhận thấy ông vô lý không ? Nợ của ông thì mặc ông chứ, tại sao ông bắt tôi phải trả ? !!!

P.C.

tuổi thơ của J. P. SARTRE

* Kiên-Thông

TRONG tác phẩm cuối vừa mới xuất bản, nhan-đề là « les Mots », triết gia hiện sinh Jean Paul Sartre đã kể lại cuộc đời của một đứa bé nhỏ, đứa bé ấy là hình ảnh của Jean Paul Sartre khi ông hãy còn bé nhỏ. Trong quyển « les Mots », Jean Paul Sartre cho đứa bé ấy mang tên là Poulou ; ông để đứa bé ấy chào đời nơi trang 8 quyển sách, và được chín tuổi ở cuối quyển sách. Và trọn 213 trang giấy của tác phẩm, cậu bé Poulou đã sống qua những giây phút khó khăn trong thời thơ ấu

của cậu, bởi vì bất cứ đoạn văn nào trong quyển sách cũng cho ta thấy cậu bị tác giả mắng rầy quở phạt, bị bắt phải đi, đứng, ăn, nói cho đúng đắn đàng hoàng và bị kéo tai một cách đáng thương. Không có chương nào trong quyển sách mà cậu bé không bị đối đãi tồi tệ như là một tên đòi trả, lặc cặc, quỉ quái, lằng nhằng, láo nháo

Khi đọc quyển « Les mots » ta khó lòng không cảm thấy xót thương cậu bé, khi đọc những lời thông trách quở mắng, ta cảm thấy mang tâm

trạng của những kẻ đi đường muốn xen vào bên vực một đứa bé nhỏ dễ thương đang bị một kẻ vũ phu đánh đập tới tấp. Ta muốn la hét cùng Jean-Paul Sartre : « Thôi chứ, hãy để yên đứa nhỏ đáng thương này ! ông cũng thấy rằng nó chưa đến tuổi khôn » !

Nhưng thực ra, Jean-Paul Sartre cũng sẽ có quyền trả lời chúng ta như vậy : « Anh xen vào làm chi vậy ? Tôi có thể hành hạ bé Poulou, bởi vì Poulou chính là tôi, Poulou là tôi lúc năm tuổi, tôi lúc 7 tuổi, tôi lúc 9 tuổi ».

Jean Paul Sartre sinh trong một gia đình mà thân phụ thuộc về một gia đình công giáo ở Périgord và thân mẫu thuộc dòng họ Schweitzer ở miền Alsace, một dòng họ trứ danh đã hiến cho Giáo hội cải cách nhiều vị mục sư lỗi lạc, trong số đó có mục sư lừng danh Albert Schweitzer, vị bác sĩ (đậu ba bằng tiến sĩ) đã hiến đời mình để phụng sự nhân loại tại vùng rừng Lambaréné ở Phi Châu; Albert Schweitzer là ông cậu của Jean Paul Sartre.

Khi vừa chào đời được vài tháng, cậu bé Jean-Paul Sartre

đã phải mất cha ; ông thân sinh của Jean-Paul Sartre tốt nghiệp ở trường Bách Nghệ và là sĩ quan hải quân; ông mất vì bị một cơn sốt quá nặng. Thê là cậu bé Jean Paul phải chịu mồ côi cha mãi mãi và được lòng yêu thương của mẹ và gia đình mẹ chăm sóc. Cả gia đình ở tại Meudon, rồi dời lại số 1 đường Le Goff, trong một gian nhà gồm 4 phòng ở tầng thứ năm, gần Panthéon.

Một hình ảnh uy nghiêm ngự trị không khí của gia đình bé nhỏ ; đó là ông ngoại, tên là Charles Schweitzer. Cậu là giáo sư Đức ngữ và cậu cũng tự hào rằng đã phát minh ra phương pháp trực tiếp để dạy tiếng Đức. Cậu trông phương phi, to lớn, oai nghi, râu dài rậm cả mặt. Cậu rất nuông chiều và yêu quý đứa cháu ngoại bé nhỏ.

Sao lại không thể yêu quý đứa nhỏ được ? Bé Poulou là một đứa bé toàn bích. Quá toàn bích nữa. Poulou chỉ là con chó nhỏ được huấn luyện, Poulou không bao giờ khóc, không hề cười và ít khi làm ồn ào.

Buổi chúa nhật, vào lúc lễ

mì-sa, bé Poulou cố gắng làm một đứa nhỏ gương mẫu, cậu ta tự ý ngồi yên như một bức tượng. Biết bao nhiêu lần trong một thời gian khá lâu, cậu ta ngồi im lìm lặng lẽ, không động đậy, không nháy mắt, không nhúc nhích, ngay cả ngón chân cũng không động đậy, mặc dù kiên bu cần chân cậu ta.

Rồi bé Jean Paul lại ăn nói lập bập điệu bộ trẻ con, làm cả gia đình hơn hờ vui vẻ. Gia đình tình cờ bắt gặp cậu ta mê man ngồi đọc quyển « Những gian truân của một người Tàu ở nước Tàu ». Mọi người hơn hờ kinh ngạc. Ai cũng tưởng rằng cậu ta tự học đọc lấy một mình. Không. Không phải thế. Cậu ta chỉ giả vờ thế thôi. Nhưng rồi vài tuần sau, cậu ta tự học lấy và đọc luôn quyển đó.

Bé Poulou sống tuổi thơ của cậu trong một thiên đường mà làm thiện thì luôn luôn được thưởng và còn làm việc ác thì chỉ dành cho những đứa trẻ hoang đường du thủ du thực. Ông ngoại cho bé Poulou vào học trường Montaigne, học lớp 8è (lớp nhất). Cậu bé mồ côi, không anh, không chị, bắt đầu vui đùa gặp gỡ những

bạn học đồng lứa. Ngày đầu nhập học, giáo sư đọc chính tả : « le lapin sauvage aime le thym » (con thỏ rừng thích cây thym). Bé Poulou viết : « le lapin çovache ème le ten ». Ông hiệu trưởng gửi thư mời cụ Charles Schweitzer. Đáng lẽ cháu ngoại của cụ không được học ở lớp 8è (lớp nhất) mà phải học lớp dixième préparatoire (lớp tư gần lên lớp ba). Cụ ngoại bất bình và kêu âm lên :

— Bé Poulou của tôi là một thần đồng, nhưng một thần đồng không biết chính tả, chỉ có thể thôi !

Thê rồi cụ đem Poulou ra khỏi trường Montaigne. Nhưng một mối họa mới khác lại xảy ra. Cụ ngoại kín đáo cho người thợ cúp cắt tóc từng lọn tóc dài óng ánh của đứa bé. Mẹ cậu bé không nhìn ra con nứa. Bà từng nghĩ rằng đứa bé kháu khỉnh xinh đẹp, nhưng bây giờ bà lại thấy đứa bé cắt tóc trông xấu xí kỳ lạ. Bà ta đóng cửa phòng lại và khóc nức nở. Bé Poulou không hiểu sao mẹ lại khóc.

Ngày nay, nhìn lại tuổi thơ của mình, Sartre tỏ vẻ khó tính. Bé Poulou lại phải bị

Sartre làm một cuộc phân tâm học hiện sinh thực là tàn nhẫn.



Bé Poulou cũng có làm thơ.

Năm 1963 Jean Paul Sartre nhìn lại cậu bé nhỏ thì si hồi năm 1912, Sartre tỏ vẻ tàn nhẫn đối với tuổi nhỏ của mình. Mượn lại lời nói của thi hào Cocteau : « Tất cả những đứa bé đều có thiên tài, chỉ trừ ra Minou Drouet. (*Tous les enfants ont du génie, sauf Minou Drouet*) » Sartre nói lại là : « Tất cả những đứa bé đều đã có thiên tài, chỉ trừ ra tôi ».

Bé Poulou không thích thi sĩ La Fontaine. Bé ta viết lại những bài ngụ ngôn trên theo thể thơ alexandrins.

Nhưng bé lại quá tự hào về khả năng của bé. Bé ta bỏ hết mọi niềm vận và viết bằng văn xuôi. Trong một tập đề tên là « cahier de romans » bằng mực xanh lá cây, bé ta đã viết như sau : « đề cho một con bướm ».

Sartre lại cho rằng bé Poulou chỉ là kẻ đạo văn. Câu chuyện do bé ta viết kể về một nhà thông thái và đứa con gái của ông đi tìm kiếm một con bướm

quí giá trong những vùng hiểm hóc ở Amazone, câu chuyện ấy chép theo một chuyện bằng ảnh.

Mặc dù vay mượn như thế, bé Poulou từ đó tự cho mình là một văn sĩ. Rồi sau đó, bé ta đã tìm ra được thiên chức của đời mình.

Vào tháng 10 năm 1915, bé Poulou vào trường Henri IV và học ngoại trú.

Bài luận văn đầu tiên, bé ta đứng chót. Nhưng bé lại sung sướng vì được vui đùa với bạn bè vào lúc ra chơi.

Quyển « Les mots », một quyển sách phong phú dồi dào chẳng những cho ta thấy tuổi thơ của Jean Paul Sartre mà còn cho ta thấy nhiều khía cạnh khác, như giấc mộng thâm kín : Sartre đã từng muốn là một nhà văn khó hiểu, ít độc giả và chỉ được vài người hiểu, một loại tác giả bị đời nguyên rủa (*en quelque sorte un auteur maudit*).

Năm 1940, sự nghiệp của Sartre đã xoay về hướng đó. Quyển tiểu thuyết đầu tiên « La Nausée » (nôn mửa) đã gây nhiều tiếng vang lớn nhưng chỉ trong một phạm vi hẹp.

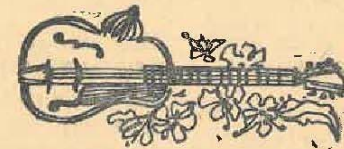
Thế rồi đến thời hậu chiến, vùng Saint-Germain-des-Prés mang một phong trào thời thượng mới. Một quyển sách dày cộm khó hiểu, « L'être et le Néant » (Bản thể và Hư vô) xuất bản. Vài ngày sau, quán cà phê Flore trở nên nổi tiếng vì sự năng nổ tới của Sartre cùng những môn đệ hiện sinh.

Quyển « Les mots » chấm dứt với giọng điệu bàng hoàng :

« Tôi vẫn viết luôn... Làm gì khác bây giờ?.. »

Đó là thói quen của tôi, rồi trở thành nghề nghiệp tôi. Từ lâu tôi đã dùng bút tôi như là thanh kiếm : bây giờ tôi đã ý thức nổi bất lực của chúng ta ».

Con người Jean Paul Sartre luôn luôn suốt đời bất mãn và luôn luôn chối từ quá khứ mình Sartre lớn chê trách Sartre nhỏ, rồi đây nhất định Sartre già cũng sẽ chê trách Sartre lớn. Chung thân bất mãn, đó là số phận của con người nghệ sĩ thời đại.



★ KHI QUANG TUYẾN X MỚI PHÁT MINH

Năm 1895, khi quang tuyến X mới phát minh, người ta biết hiệu lực của nó có thể thấy suốt thân thể con người qua lớp áo quần. Do đó mà nhiều người đàn bà Anh đâm hoảng là vì một hãng nọ phao lên rằng sẽ làm những cặp mắt kính có quang tuyến X để cho những ông có máu 35 dùng để thám hiềm những nơi bí hiềm của phái đẹp.

Trong khi phái phụ-nữ Anh đang lo sợ tránh những anh chàng mang mắt kính, khi đi ra đường, thì một hãng khác làm quảng cáo rùm ben là đã phát minh được một loại áo quần lót kỳ quang tuyến X. Phụ nữ Anh lúc bấy giờ thờ ra một cái phào sung sướng và kéo nhau đi mua quần áo lót kỳ quang tuyến X.

Thật ra chẳng có cặp mắt kính nào trông suốt qua được thân thể người đàn bà và những bộ quần áo lót kỳ quang tuyến, chỉ là một lối quảng cáo với danh từ bịp để hàng bán chạy như tôm tươi.

P.C.



TRUYỆN THẦN THOẠI GULAP-LAMIA

★ Đàm-quang-Thiên

Arès hay Mars

Arès, vị thần chiến tranh, là con của Zeus và Héra.

Cao đàm một cách mù quáng, ông lăn xả vào các cuộc chém giết một cách say sưa. Ông đi đến đâu là gieo rắc sự tang tóc đến đấy. Ông có một ngọn giáo dài có thể đâm thủng được những mộc giấy nhất. Mỗi lần đánh nhau ông kêu hét to bằng hàng vạn người. Nhiều khi ngồi trên cỗ xe có giầy cương bằng vàng và có những con tuấn mã rất hung hăng kéo, ông làm tan tác những hàng ngũ chặt chẽ nhất, làm tan

tàn những chiến xa và phá hủy những tường bao bọc các thành trì. Lúc đó, Eris hay Discorde cảm được nhóm ngòi tức giận trong lòng các chiến sĩ. Rồi những Kères hay Génies voraces du Carnage có cánh, quần áo đầm máu, xuống tranh nhau hút máu những chiến sĩ bạc phận và đẩy linh hồn họ xuống sông Tartare. Xe của Arès có hai người kéo là Terreur và Effroi.

Vì tính tình hung bạo nên Arès bị các vị thần ghét vô cùng. Trong bọn có Athéna

THẦN THOẠI HY LẠP

là kẻ thù số một của Arès. Chính bà cũng là vị nữ thần hiền chiến, nhưng bà chỉ che chở những bậc anh hùng phụng sự chánh nghĩa, nên bà thường có dịp chống lại Arès uôn.

Trong bọn con của Arès, người độc ác nhất là Kyknos. Tên giặc đó thường núp ở những cạnh đường rình cướp của và giết người. Người ta kể lại rằng nó giết hại nhiều người đến nỗi với sự của những kẻ xấu số đó, nó có thể xây hẳn được một ngôi đền thờ cha nó. Một hôm ở trong rừng nó gặp Héraclès, vị anh hùng chuyên môn đi trừ khử bọn cướp đường. Kyknos trông thấy cái mộc tuyệt đẹp ở tay Héraclès nảy lòng tham muốn chiếm lấy. Thề là một cuộc xô xát dữ dội diễn ra làm rung chuyển cả trời đất. Kyknos sau bị Héraclès đâm chết. Arès nghe tin con bị giết nổi cơn thịnh nộ chạy đến báo thù. Ông ta nhảy xổ vào Héraclès như một con sư tử vỗ con hươu vậy. Ngọn thương của ông đang nhắm thẳng Héraclès mà bay tới thì may đâu bà Athéna đến kịp làm chệch

sang một cây tùng. Trong khi Arès mãi rút mũi thương thì Héraclès đâm vào đùi ông ta làm ông ta bị thương nặng ngã xuống đất. Trước khi trở về Olympe chữa bệnh, Arès hóa phép con thành một con thiên nga trắng như tuyết.

Ở bờ Lybie còn có một người con khác của Arès tên là Lycastos giữ tợn không kém gì Kyknos. Ai không biết mà đến vùng ấy liền bị hắn bắt giết. Khi Diomède đi đánh trận Trois về, tàu của chàng gặp bão bị đánh rạt vào bờ Lybie. Lycastos liền bắt vị anh hùng đó giam vào trong ngục tối. Hắn định sẽ làm một buổi lễ long trọng mổ Diomède mà dâng cho cha hắn. Nhưng Diomède đẹp làm động lòng Callirrhoe con gái của Lycastos. Nàng thường lên vào thăm và đem lương thực cho chàng. Diomède nhận tất cả và hứa là nếu nàng cứu chàng thoát thì chàng sẽ lấy nàng làm vợ. Tin là thật Callirrhoe một đêm tối trời cứu chàng, nhưng Diomède vừa thấy thoát khỏi xiềng xích liền chạy trốn một mạch ra tàu của mình, dương buồm trở về nhà. Callirrhoe thất vọng tự vẫn chết.

Arès vị thần gây ra mọi sự tàn phá lại được bà Aphrodite vị nữ thần của mọi sự sinh sản, thương yêu. Chồng bà chính là Héphaestos, vị thần Lửa. Muốn được lòng người yêu, Arès thường biếu bà những quà hết sức quý giá. Khi đã được đi lại thân mật rồi, ông cứ đêm đến là lên lại thăm bà trong khi chồng bà mãi làm việc ở xưởng. Vì sợ lộ chuyện, mỗi lần Arès đi lại đem theo một thanh niên tên là Alectryon hay Coq. Trong khi ông ở trong nhà bà Aphrodite thì Alectryon canh gác ngoài cửa mỗi khi mặt trời đến sẽ báo cho ông biết. Một buổi sáng Alectryon ngủ quên không gọi để Mặt Trời trông thấy Arès trong giường Aphrodite. Lập tức Mặt Trời đi báo cho Héphaestos biết. Ông này liền nghĩ cách trả thù. Ông liền rèn một cái mạng hết sức mảnh, mắt người ta không thể nào trông thấy được. Ông đem lưới đó về nhà, chờ lúc Aphrodite ở trong nhà tắm, liền mắc nó vào chân giường. Xong xuôi ông vờ đi vắng. Arès rình thấy Héphaestos đi rồi liền vội vàng vào với Aphrodite. Nhưng hai người vừa ngồi xuống giường liền bị lưới chụp giữ chặt lấy không thể sảy dây hay gỡ ra được. Liền

đó Héphaestos đến và mở toang tất cả các cửa buồng ra, rêu rao mời tất cả các vị thần đến chứng kiến. Các vị thần kéo nhau đến đủ mặt duy có các nữ thần ngược lại không tới. Lúc trông thấy hai người bị trói, tất cả phá lên cười. Vì thế khen Héphaestos khôn khéo, vị thì ghen tỵ với Arès và ước được ở vào địa vị ông ta. trói buộc trước mặt mọi người nhưng với bà nữ thần xinh đẹp. Lúc người con giận và nê lời các vị thần, Héphaestos liền cời trói cho hai người. Aphrodite xâu hồ ra cù lao Chypre lỏ. Còn Arès thì phạt Alectryon hoá phép hẳn thành con gà sòng với nhiệm vụ ngày ngày phải báo cho người ta lúc mặt trời mọc. Sau ông ta về ở Thrace.

Arès thường được diễn tả là một người có sức lực cho xứng với chức thần chiến tranh. Trán ông thấp tóc ngắn và bù sù. Ông ta thường mang: giáo, đoản kiếm, mộc hay một cái gậy chỉ huy. Mũ của ông) thường có một con sư tử quý hay một con quái vật có cánh chim kên kên, chóp sọc: gà sòng, chó mà tiếng sủa tựa như tiếng reo hò ngoài chiến trận, là những vật dùng để cổ vũ cho ông.

(còn tiếp)

duy tân

★ BÍCH-KHÊ

Đường kiến trúc nhịp nhàng theo điệu mới
Của lời thơ lóng đẹp. Hạt châu trong
Hạt châu trong ngời nhỏ giọt vô lòng
Trần âm hưởng như chiều thu sóng nằng
Trong vòm xanh. Màu cười màu, bình lặng.
Cây phượng phi: chiều sáng ngả sang mờ
Vị hình dung những sắc mát, non, tơ
Như mặt trời lọc qua khóm liễu, một
Hoàng hôn. Ôi dân môi, chim bầu tốt:
Chữ biển hình ảnh mới, lúc trong ngâm
Chữ điêu khắc, tia nghệ thuật sâu cảm,
Đầy thâm mỹ như một pho thần-tượng.
Lúc trong ngâm, giữa kho vàng mộng tưởng,
Múa song song khiêu vũ dưới đêm hồng:
Những con cừu tìm trẻ lướt như lông
Men đa thịt lên làn sa lụa mỏng,
Một con cừu bốc lên men hy-vọng..
Thơ nhịp nhàng ý nhị nhịp theo thơ
Tôi cần vào trái bồ vỏ xanh mơ
Tìm chất quý thơm tình mùi khoái lạc
Bằng hơi mộng, trọn hàm răng, tận mác
Mộng?

Thiên tài?

— Trên hồn rộn động khóa thân

Đẹp tỉ-mỉ, hỡi Rung Động truyền thần,
Rộng âm nhạc của lòng trai ắp mái,
Người họa điệu với thiên nhiên, ân ái
Buồn, và xanh trời. (Tôi trôi với bờ
Êm biếc-khóc với thu: lời ủa ngô
Vàng... khi cách biệt — giữa hồn xây mộ —
Tình hôm qua — dài hôm nay thương nhớ
Im lặng nhìn bông ý, lặng lẽ lên
Những dáng hình thanh khí...) giữa mộng mênh
Đường nhiếp ảnh sắc khuya mau — tiếng thờ,
Hỡi Hội Họa, đến muôn đời nước nở.
Ta nhịp nhàng ý-nhị nhịp theo ta
Lời nói lời bỏ thí lộc Tinh Hoa
Của Âm-Điệu, mơ màng run lay bấy,
Một hồn rộn đẹp xô bờ say dậy
Bằng cảm tình, bằng hình ảnh, yêu thương!
Và mới mẻ — trên viên cổ đồng phương!
Ai có nghe sức tiềm tàng bí mật?
Thơ loa thể! — giai nhân tuần trăng mặt
Nữ thần ơi! Ta nô lệ bên người!

(Trong tập Tinh Hoa — chưa xuất bản)



Tuấn

DANH CHƯNG
LỊCH SỬ
XÃ HỘI HIỆN ĐẠI

CHÀNG TRAI NƯỚC VIỆT 1910-1960

★ Nguyễn-Vỹ

(Tiếp theo P.T. 122)

TUẤN đi đò qua sông An-Thái, đề sang phố Chợ... Đò qua mới được nửa con sông thì có tiếng gọi vọng lại từ trên bến cũ. Tuấn quay lại, thấy An, một thiếu nữ xinh đẹp mà chàng quen biết chưa được hai tháng. An là một bạn đồng chí, do Tuấn huấn luyện về văn thơ và tư tưởng cách mạng. An khóc nức nở, tay cầm khăn vẫy Tuấn lia lịa !

— Anh ! Anh ! Qua bên đó, chờ em.

Tuấn cũng định chờ. Nhưng

chỉ có một con đò, An phải đợi đò trở lại bến mới sang sông được, trong khi ấy người tài xế chiếc xe cam nhông của hãng Rượu đã được lệnh chờ Tuấn đi ngay về Qui-nhơn dừng đờ ở lại An Thái một phút nào.

Ngồi trên chiếc xe gập ghềnh chạy kéo-cà kéo-kẹt, trên con đường gồ ghề chật hẹp. Tuấn tức giận ông Tây thương chánh Henri Rossignol, và ông Tây chủ hãng Rượu André Bouillon. Phải công bằng nhìn nhận rằng ông Phó giám đốc Rocca dễ thương hơn. Trước khi Tuấn vĩnh biệt hãng rượu,

TUẤN CHÀNG TRAI NƯỚC VIỆT

ông Rocca lấy trong túi ra cho Tuấn 50 đồng, và bảo : « Anh thông minh, nên tiếp tục đi học nữa, đừng đi làm thư ký quèn, uổng thì giờ ! Tôi biểu anh tiền lộ phí ». Tuấn ứa nước mắt cảm ơn ông Tây Rocca.

Tuấn lại băn khoăn nhớ An, Trần-thị-An, người đẹp An-Thái, võ nghệ giỏi. Chính nàng đã dạy cho Tuấn học những bài võ Bình-Định đầu tiên. Tuấn nhớ lại những đêm sáng trăng, trước sân nàg, trong lúc mọi người hàng xóm đã đóng cửa ngủ, An mặc áo cụt, quần đen, tóc bới, chỉ cho Tuấn những ngón võ lợi hại của xứ An-Thái. Làng này, trai gái đều giỏi võ. Có lần nàng kể chuyện một cô em bạn dì vì giỏi võ mà bị tù.

Lài mới có 18 tuổi, nhưng xác cao lớn, đầy đà. Thân-sinh Lài là một võ sư danh tiếng cả Bình Định. Môn đệ của ông nhiều lắm, từ các làng xa đến học. Nhưng biết Lài có tính nóng, và hung hăng, ông Cụ không bao giờ dạy võ cho con gái của ông, và những đêm ông dạy cho môn đệ, ông cấm Lài không được xem. Ông nhất cô gái nghịch ngợm trong nhà. Nhưng đứng sau song cửa sổ gian nhà tối om, Lài chăm chú ngó bọn

con trai học võ ngoài sân. Đêm nào cô cũng lén cha, đứng sau song cửa sổ, học võ nghệ bằng mắt và bằng trí nhớ. Ông cụ không hay biết gì cả. Một đêm ông cụ có khách, một ông Chánh Tổng cỡi ngựa đến chơi, đâm dao uống rượu rồi ở lại nghỉ. Con ngựa ô của ông đẹp lắm, nhốt trong chuồng ngựa sau nhà.

Nửa đêm, hai ông già ngủ say, cô Lài lén ra chuồng ngựa, cô mở cửa chuồng, dắt ngựa, ra rồi nhảy lên lưng ngựa, quất ngựa phi ra cổng. Cổng đã cài then, cô không cần mở, cứ ngồi trên lưng ngựa mà bay vọt qua cổng. Cô cỡi ngựa chạy chơi tận làng xa, mãi sáng mới về. Cổng vẫn còn cài then. Cô và ngựa bay qua...

Cha cô và ông khách dậy sớm, ngồi uống trà trên ghế tràng kỷ ngoài hè, đều kinh ngạc chứng kiến kỳ công võ nghệ của cô. Đêm ngựa vào chuồng xong, cô trở ra lạy cha và khách 3 lạy đề xin lỗi rồi ung dung xuống bếp.

Một đêm, có chàng võ-sĩ ở phương xa đến xem môn đệ của ông dượt võ. Hắn phách lối, thách hết 5 cậu học trò của ông ra thử tài với hắn. Lần lượt cả 5 cậu đều bị hắn đánh cho liềng

xiềng. Ông Thầy tức mình và mặc cỡ, chỉ ngồi uống rượu. Nhất định cứu danh dự của cha, và của Võ-trưởng, cô Lài từ trong bếp ra, bảo gã kia :

— Chú lại đây thử với tôi.

Hắn cười ngạo-mạn :

— Tôi không nỡ chạm vào ngọc-thề của nữ nhi.

Lài tiến đến cho một cú vào mặt, gã đàn ông vô giáo dục dám khinh nàng là nữ nhi. Gã kia trả miếng. Thế hai người hăng máu trở hết tài võ nghệ giữa sân trường dưới ánh trăng sáng tỏ. Một lát sau, gã bị kẻ « nữ nhi » đá cho lăn nhào. Nàng đã trả được cái hận cho cha và cho cả năm môn đệ.

Tiếng cô Lài từ đây vang khắp cả xứ Bình Định. Một hôm, vào buổi trưa mùa Hè, Cha cô đi vắng, gió mát, Lài nằm ngủ lim dim trong chiếc võng treo ngoài vườn giữa hai cây mít... Một người lính tập (lính Bảo-An ngày nay) từ ngoài cổng bước vào. Cô trông thấy, lên tiếng hỏi :

— Chú là ai, đi đâu đó ?

Người lính lạ, cười :

— Cô không biết tui sao, cô Hai ? Tui là Lính Tập của Nhà nước, được phép về thăm nhà

hai bữa, sẵn đi ngang qua đây ghé thăm cô Hai đó mà !

— Xin lỗi chú Lính tập, cha tui đi vắng ; chỉ có một mình tui ở nhà, không có ai tiếp chú.

— Thì cô tiếp tui không được sao ?

— Tui là con gái, không được phép tiếp người lạ.

Chú Lính tập tiến đến gần võng, cười cợt-nhà chọc thiếu-nữ :

— Nghe thiên hạ đồn cô Hai võ giỏi lắm, đến coi cô giỏi cách nào ! Tui xin phép cô Hai cho tui bóp vú cô một cái nè !

Vừa nói, chú lính dùng võ-thuật chụp vào ngực Lài, bị Lài đá cho một đá té nhào xuống đất. Hắn nằm trợn mắt, miệng sùi bọt máu, đây dựa mấy cái rồi chết ngoẻo luôn.

Cô Lài bị tù.

Tuấn ngồi trong xe bị dẫn lên đặt xuống, nhớ lại câu chuyện của Lài do cô An kể lại cho chàng nghe một đêm trời không trăng, Tuấn vừa học xong một ngón hiem. Trong xe cũng có một thiếu nữ buôn bán ở chợ An-Thái xin quá giang xuống Qui-nhơn mua hàng. Cô ngồi đối diện với Tuấn. Tuấn nghĩ thăm :

— Biết đâu cô gái đẹp này cũng là một môn-đệ của cô Lài ?

Chàng tìm tìm cười một mình, nhớ chuyện người lính tập gặp giờ xui-xẻo đã làm hờn vào bộ ngực hấp dẫn của nàng.

Cô gái đẹp hỏi Tuấn :

— Sao « Thầy ký » cười em ?

Tuấn sờ tay lên cằm..., nhovn một nụ cười hiền lành :

— Tôi cười người Lính Tập, chứ không phải cười cô.

Cô gái dịu dàng đáp :

— Em không phải là chị Lài.

Câu trả lời bí hiểm đó đủ cho Tuấn biết giai nhân không thẹn với uy danh gái An-Thái.

Về Qui-nhơn, Tuấn vào trọ tạm nhà thầy Phạm-đào-Nguyên. Kể chuyện bị sa thải cho Nguyên nghe, thầy ký hạng Descours & Cabaud cười :

— Đi học bị nhà trường đuổi, đi làm bị hãng đuổi... Tôi ráng sống lâu để coi đời anh ra sao !

Tuấn nằm khóc suốt đêm. Chàng muốn đi Hà-nội, tiếp tục học thi Tú tài, nhưng không có tiền. Muốn vô Saigon để nhập vào « Đảng Nguyễn An-Ninh », nhưng tiền cũng không có. Chàng thấy con đường tiến thủ bị nghẽn, mà máu nóng cứ sùng sục trong tim, chỉ muốn lồng lên như con ngựa hăng máu.

Ba hôm nằm nhà Phạm-đào-Nguyên đã không làm gì, lại buổi tối nghe Phạm-đào-Nguyên nói nhỏ cho nghe : « Ngoài Hà-nội, có một đảng tên là « Việt-Nam Quốc-Dân Đảng » đang hoạt động mạnh, có nhiều đồng-chí, anh nên đi Hà-nội ».

Cũng đêm ấy, đi lang thang ngoài bờ sông, Tuấn gặp một thầy trợ giáo quen thân, tên là Phạm-cự-Hải, người Quảng-Nam.

Thầy Hải nhét vào tay Tuấn một tờ truyền đơn in bằng đồng sừng, ký tên « Đông Dương Cộng Sản đảng ». Thầy hỏi Tuấn :

— Tuấn học lớp Nhì, hay lớp Nhứt ?

Tuấn không hiểu, ngơ ngác hỏi thầy Hải :

— Tôi sắp học thi Tú-Tài, sao Thầy hỏi lạ vậy ?

Thầy Hải cười :

— Lớp Nhì là *Cours Moyen*, Lớp nhứt là *Cours Supérieur*, Anh hiểu không ?

— Không hiểu, thầy muốn nói bóng cái gì ?

— *Cours Moyen*, viết tắt là **C.M.** là Cách - Mạng. *Cours Supérieur*, viết tắt là **C. S.** là Cộng Sản.

Tuấn cười :

— Vậy thì tôi học *Cours Moyen*.

(còn tiếp)

Trường
Đại Học

CANTERBURY,
CHRISTCHURCH

TÂN
TÂY
LAN

HÙNG trở mắt nhìn lối kiến trúc cổ kính Gothic xưa của khu trường Đại-Học. Cái gì cũng làm Hùng ngạc nhiên cả, màu đá xám đen, cũ kỹ như muốn nói ra những thành tích, khoe ra một dĩ vãng; tháp chuông cao vút như nóc nhà thờ, nghiêm trang đến thời gian bằng những tiếng ngân nhẹ và trong; thảm cỏ xanh mướt, điểm vài hoa đại trắng, cạnh đó chiếc thân cây gầy nhưng rắn chắc tự hào đã biết mặt mấy chục thế hệ sinh viên.

Một vài giáo sư đi qua, Hùng lên tiếng chào, họ ngoảnh đầu lại mỉm cười rồi tiếp tục đi.

Xung quanh Hùng một vài sinh viên Á Châu, đủ màu da, đang bàn luận. Một cặp nam nữ sinh viên Tân Tây Lan cầm

* Hùng-Minh
(Đại học Canterbury — New-Zealand)

tay nhau, mắt nhìn nhau, im lặng nhưng Hùng hiểu họ đang nói rất nhiều.

Rồi những tiếng cười đùa rộn lên, một toán sinh viên vừa ra

TRƯỜNG ĐẠI-HỌC

khỏi lớp, về mặt vô tư, và hồn nhiên họ sống.

Đây trường Đại Học Canterbury.

Sáng lập năm 1873.

Trong tám năm đầu, trường đã đào tạo ra được người nữ sinh viên thứ hai tốt nghiệp trong Liên Hiệp Anh, và là người đầu tiên đậu với cấp Danh dự (graduated with honors).

Cũng trong hai chục năm đầu, với những phương tiện thô sơ, trường đã đào tạo ra được nhà Bác học nguyên tử lòng danh Ernest Rutherford, người đầu tiên bắn phá vỡ hạt nhân nguyên tử.

Trường được xây cất theo lối kiến trúc Gothic xưa của người Anh, với sân vuông, với đá xám, với tháp chuông, với lối đi ngoằn ngoèo. Những tòa nhà cổ kính ấy được lờn giữ ại bên cạnh những tòa nhà mới đề nhắc nhở cho thế hệ sinh viên trẻ đều là nguồn gốc xưa.

Đến năm 1887 một trường kỹ sư được thành lập và trường Đại học Canh nông Lincoln cách Christchurch 14 dặm cũng được sát nhập vào trường Đại học Canterbury.

Đến nay, trường đại học Canter-

bury đã trưởng thành và trở nên cổ kính. Trường có đủ phân khoa, từ âm nhạc, luật, văn chương, khoa học, mỹ nghệ, giáo dục và tất cả những ngành kỹ sư v.v...

Phân khoa khoa-học và kỹ sư rất được nổi tiếng vì sự khắt khe trong lối học và thi cử và thành tích của những người tốt nghiệp.

Giá trị tương đương của bằng cấp đã được công nhận ngang hàng với những đại học lớn ở Anh-Cát-Lợi.

Sinh viên có thể khảo cứu đến trình độ Tiến-sĩ ở mỗi phân khoa và những sự trợ cấp của chính phủ và các cơ quan kỹ nghệ thật là đáng kể.

Số sinh viên ban Tấn-sĩ những năm gần đây tăng lên một cách nhanh chóng.

Năm học bắt đầu từ tháng hai dương-lịch và mùa thi cử năm vào khoảng hạ tuần của tháng Mười dương lịch.

Niên khóa được chia ra làm ba tam cá nguyệt, sau mỗi tam cá nguyệt sinh viên được nghỉ ba tuần để học bài ôn, và bỏ túc hiểu biết cần thiết trong Tam cá nguyệt trước cùng sửa soạn cho tam cá nguyệt sắp đến.

Cuối mỗi tam cá nguyệt, sinh-

viên phải dự những kỳ thi sát hạch mà số điểm nếu ba lần đều dưới điểm trung bình thì sẽ không được dự kỳ thi cuối năm.

Hàng tuần sinh viên phải làm bài, nộp bài cho giáo sư chấm và điểm chuyên cần cũng liên hệ trực tiếp đến kỳ thi cuối năm, một kỳ thi được tổ chức rất chu đáo để khảo sát hiểu biết của sinh viên từ đầu đến cuối chương trình, tuy được chọn tám câu trong số mười câu, nhưng hạn học từ hầu như không có.

Ngoài giờ học ở lớp buổi sáng, buổi chiều sinh viên được chia ra từng toán nhỏ để đi làm thực tập trong phòng thí nghiệm hoặc đi Tutorial, một lối học đặc biệt của trường Đại học Anh, mỗi toán nhỏ sinh viên làm bài chung và thảo luận các đề thi cử dưới sự hướng dẫn của một giáo sư và hai sinh viên các lớp trên, vì thế sinh viên tránh được nạn bí bài mà không biết hỏi ai.

Với một mức sống tương đối cao, với phương tiện dồi dào, với sự trợ giúp của các cơ quan kỹ nghệ, những viện khoa học, công cuộc khảo cứu của sinh viên càng ngày càng gia tăng và thành tích đạt được rất khả quan và đầy khuyến khích.

Nhất là trường kỹ sư và phân khoa khoa học, dụng cụ trang bị rất tối tân và đầy đủ, từ

dụng cụ biến chế helium cho đến óc điện tử IBM đều được sử dụng.

Ngoài ra còn có một lò nguyên tử (research reactor) ở trường kỹ sư dùng vào việc giảng dạy và khảo cứu của giáo sư và sinh viên.

Sinh viên về địa cầu vật lý học (geophysics) đã được đặt chân đến trung tâm khảo cứu về sinh vật học ở Mc Murdo Sound ở Nam cực.

Một hệ thống thư viện độc lập và chuyên môn được trang bị đầy đủ sách vở, tài liệu và rất tiện nghi cho sự tham khảo của sinh viên. Hầu hết những sách vở cần thiết và tạp chí, nguyệt san trên thế giới đều có mặt.

Thư viện còn tích trữ một số lớn vi phim (microfilm) về những tài liệu và sách quý hoặc cổ của tất cả những thư viện lớn trên thế giới.

Một phòng đọc vi phim nằm ngay trong thư viện, số sinh viên và giáo sư nghiên cứu vi phim khá đông.

Sách và tài liệu ở thư viện trừ một số nhỏ sách quý phải tham khảo tại chỗ, sinh viên có thể mượn về nhà bất cứ cuốn sách nào. Trong thư viện các

phòng yên lặng để học và tham khảo được tổ chức nghiêm nhặt và chu đáo để giúp thêm phương tiện học hỏi của sinh viên.

Thư viện được mở cửa từ chín giờ sáng đến mười một giờ đêm. Trong phạm vi trường Đại học, còn là trụ sở của Tổng Hội Sinh Viên và những cơ sở liên hệ như hiệu ăn của sinh viên (cafeteria) nơi sinh viên dùng bữa trưa và uống nước trà buổi sáng và buổi chiều, hội trường và phòng khánh tiết của sinh viên dùng để tổ chức trình diễn văn nghệ, âm nhạc, hội họp và dạ hội.

Đại học còn là trụ sở của võ sở hội (hội sinh viên trượt tuyết, chụp ảnh, leo núi, tể phái, hữu phái v.v...), hội sinh viên quốc tế, (international Club) mà hội viên gồm đủ màu da, tôn giáo, nhưng rất thống nhất trong tinh thần đoàn kết.

Sinh viên còn cho phát hành một bản nguyệt san «Canta» cơ quan ngôn luận và diễn đàn tự do, phóng túng của toàn thể sinh viên đại học Canterbury.

Hàng năm đến kỳ lễ phát bằng (Capping Day) sinh viên còn cho phát hành tập báo Capping Mag một tờ báo trắng trơn, khôi hài và tiêu lâm mà các nhà đạo đức trong tỉnh đã

bao lần lên án, nhưng dân chúng vẫn chen chúc mua.

Thao trường của viện Đại học luôn luôn bận rộn vì những lớp thể dục và những cuộc so tài từ môn cử tạ, quyền Anh cho đến bóng bàn.

Vấn đề thể dục và thể thao được nâng đỡ, khuyến khích rất nhiều cho nên đã trở thành một truyền thống trong cuộc sống của sinh viên.

Những cuộc trình diễn văn nghệ, âm nhạc, thuyết trình, hội thảo xảy ra rất thường xuyên, nên cuộc sống thể chất và tinh thần của sinh viên rất thăng bằng, lành mạnh và cởi mở.

Đại học Canterbury hãnh diện vì những thành tích đạt được trong lĩnh vực khảo cứu, trong tương lai và kết quả thu hoạch được của những sinh viên tốt nghiệp trong địa hạt quốc gia và quốc tế.

Và rồi đây, Viện Đại Học Canterbury sẽ tự hào vì đã góp nhiều phần rất lớn vào công việc đào tạo một lớp chuyên viên, khoa học gia, kỹ sư ưu tú của nhiều quốc gia Á Châu (Việt Nam, Mã Lai Á, Ấn Độ, Tích Lan, Nam Dương v.v...) qua kế hoạch Colombo.

● ★

tiếng vọng mồ sâu

* QUYNH HOA

MỘT năm mồ cỏ lút,
Cạnh gốc thông già,
Lá vàng rơi
Tơi-tả
Lệ sa !

Ngày xuân vắng hương khói,
Không bóng lại qua,
Không ai hỏi,
Không hoa
Mình ta !

Người là ai thuở trước ?
Trình-nữ diễm-kiều
Tuổi bao nhiêu ?
Lửa đời
Quạnh-hiu ?

Là thanh-niên dũng-cảm ?
Một phút sa-trường,
Vết tử-thương,
Đền nợ,
Quê-hương ?

TỪ mồ sâu vọng lại
Vẳng tiếng xa xăm :
— « Hỡi người thơ
Sầu mộng,
Tháng năm,

Ngược lại dòng nắng đỏ
Màu đất vàng tươi
Lệ những người
Thân yêu
Buồn rơi

Nhưng, thời-gian qua vội
Xóa sạch xót thương
Mồ vắng lạnh
Không khói
Không hương !

Lòng người chỉ có thể
Tình cảm thoáng qua
Buồn... giây phút,
Làm chi
Xót xa ! »

thời sự khoa-học

* Võ-Quang-Yến (Paris)

Đến nay, chúng tôi thường hay trình bày mỗi kỳ một đề tài độc nhất, hoặc về chuyện sinh sản, hoặc về khoa khảo cứu không gian... đề cho bạn đọc có được một ý niệm tổng quát về vấn đề. Đặc biệt trong bài này và trong nhiều bài khác sau này, chúng tôi xin lướt qua nhiều đề tài khác nhau, không ngoài mục đích cung cấp thời sự hiện đang được bàn tán trong mọi giới khoa-học.

Y HỌC: NAESENS VÀ CHỨNG BỆNH BẠCH HUYẾT

Báo chí khắp thế giới trong mấy tháng vừa qua không ngớt bàn tán về chuyện ông Gaston NAESENS dùng một chất thuốc không được chính phủ công nhận, thuộc « Anablast », để chữa bệnh bạch huyết. Khi mắc

phải bệnh này thì trong cơ thể, tủy xương không phát sinh ra hồng huyết cầu nữa và con người không chóng thì chầy cũng bị Tử thần kéo đi. Đến nay, bệnh ung thư, người ta chưa biết được căn nguyên vì đâu mà ra. Có người đặt giả thuyết nguyên do di truyền. Có người lại cho những mầm nọc gây nên. Nhà sinh vật học GROSS đã chứng minh bệnh bạch huyết ở chuột là do mầm nọc mà ra. Hiện nay người ta biết được độ mười chứng bạch huyết khác nhau ở loài chuột và mầm nọc gây ra bệnh là một vi trùng cực nhỏ mà cấu chất là axit ribonucleic, rường cột của các tế bào sống. Nhưng bước qua loài động vật có vú thì khoa học biết được ít hơn. Tuy nhiên, người ta đã đề ý thấy có nhiều chứng bạch huyết trong nhiều đàn bò ở các nước Đức và Đan-Mạch. Dem một con bò bị bệnh thả vào một bầy lành mạnh

thì không chóng cũng chầy cả bấy lâu mắc bệnh. Vậy thì là một bệnh truyền nhiễm. Đáng khác bên Châu Phi có một chứng bệnh ở tủy xương, tương tự như bệnh bạch huyết, chỉ lan tràn ở trẻ con, trong những vùng có khí hậu giống nhau. Người ta nghĩ ngay đến một loại sâu bọ gì đã chuyển chứng bệnh như trong trường hợp bị sốt rét vàng. Hiện người ta đang tìm loại sâu ấy.

Nhưng đồng thời những khám phá về tính chất di truyền của bệnh bạch huyết cũng đưa nhau ra đời. Người ta nhận thấy trong cùng điều kiện, tất cả mọi người không cùng mắc bệnh. Thường các nhà y học vô tuyến điện hay bị mắc bệnh nhưng không phải tất cả đều phải bị. Ở bên Nhật, sau quả bom nguyên tử, bệnh phát ra 7-8 lần hơn, nhưng tất cả những người có mặt ở Hiroshima không đều bị bệnh. Vậy thì cần phải có những yếu tố nào đó bệnh mới phát ra được. Nhiều công tác khảo cứu nhằm đích chứng minh những yếu tố này là di truyền. Trong nhiều chứng bạch huyết, người ta đã tìm ra được « cặp » nhiễm sắc thể thứ 21 chỉ có một nhiễm sắc thể rưỡi chứ không phải

hai (leucémie myéloïde chronique). Đáng khác người ta lại đề ý những trẻ con mắc chứng « móng cò » (mongolisme) dễ bị bệnh bạch huyết hơn trẻ con thường, mà ở những trẻ con mắc chứng « móng cò », « cặp » nhiễm sắc thể thứ 21 lại có đến ba nhiễm sắc thể ! Vì sao ? Hai chứng bệnh này có liên quan gì với nhau ? Người ta hiện chưa rõ, nhưng những nhà khảo cứu đã đề ý tới cuộc tiến triển nhiều tổ trong khuôn khổ tế bào : ở những người bị chứng bạch huyết, chất prôtêin trong máu trở nên bất thường và các nhiễm sắc thể cũng trở nên thất loạn. Xác định bản chất của các cuộc thay đổi này là bước đầu của các cuộc khảo cứu.

Trước tất cả những khó khăn của cuộc phòng thủ chống chứng bạch huyết, ông NAESSENS tuyên bố chưa được bệnh, tất nhiên ai nấy đều vui mừng và hướng mắt về đảo Corse là nơi ông ta điều khiển bệnh viện. Nhưng đáng buồn thay, NAESSENS chỉ là một lang băm không hề biết y khoa và sinh vật học. Ông ta đã lầm lẫn từ điềm đầu đến điềm cuối trong « công tác khảo cứu ». Pháp luật đang



Ông NAESSENS

truy tố ông về hai tội : làm thầy thuốc mà không có bằng cấp, chữa bệnh với một chất thuốc không được chính phủ công nhận.

Sau vụ Talidomide, nay đến thuốc « Anablast », chúng ta phải thận trọng trong khi dùng thuốc men : một liều thuốc chữa có thể là một liều thuốc độc !

VẬT LÝ HỌC : HOFSTAEDTER VÀ CẤU TẠO VẬT CHẤT

Ở Viện đại học Standfort bên Californie, nhà vật lý học HOF-

STAEDTER (giải Nobel vật lý học năm 1961) đang xây một máy gia tốc khổng lồ, dài đến 1,5 cây số để khảo sát các nguyên thể trong hạt nhân nguyên tử.

Từ năm 1910, BOHR đã vẽ ra mẫu nguyên tử gồm có một hạt nhân, xung quanh nhiều lớp electron bao bọc. Năm 1933, CHADWICK tìm ra được nơtron cùng với prôtôn, các nơtron này là những cấu chất của hạt nhân. Hai năm sau, WIGNER nghĩ đến một sức mạnh, một năng lực rất lớn đã giữ cột các hạt prôtôn và nơtron lại với nhau. Nhờ những công tác của HAHN, năm 1938, về cách bắn nút hạt nhân urani và của JOLIOT-CURIE về các pin nguyên tử, người ta đã mở ra kỹ nghệ nguyên tử dùng năng lực bí mật kia.

Nhưng tính chất các nguyên thể là thế nào ? Người ta biết được các prôtôn và nơtron tương đối nặng còn các electron thì nhẹ ; người ta cũng biết được nơtron trung hòa, prôtôn mang điện dương và các electron có điện âm. Thế thôi. Các nguyên thể này từ đâu mà lại, có thể bắn nút, bẻ gãy ra được không ? Mỗi một nguyên thể còn có những cấu chất nhỏ hơn nữa không ?

Từ ba mươi năm nay, các nguyên tử càng ngày lại càng tìm ra được nhiều: nào là meson, pion, kaon, nào là hyperon, notrinô,... Gần đây người ta lại tìm ra được mỗi nguyên tử có một « phản nguyên tử » mà hề gặp nhau tức thì vật chất bị tiêu hủy và khối lượng biến ra thành năng lượng. Khoảng 80 nguyên tử đang được thống kê và rồi đây còn có các nguyên tử khác sẽ được tìm ra. Nhưng các nguyên tử có liên quan với nhau ra sao? Chúng thay đổi thế nào? Đến nay vì không nhìn thấy được, người ta đành chịu bó tay trước biết bao câu hỏi.

Nay nhờ máy gia tốc của HOFSTAEDTER dự định xây xong trong năm 1964 này, người ta hy vọng sẽ biết thêm được nhiều. Các nguyên tử kích thước cỡ một phần ngàn tỉ milimet. Cần phải phóng đại lên một ngàn tỉ lần mới mong khảo sát được. Kính hiển vi điện tử dùng các làn sóng điện từ ngắn của electron đã là một ý kiến rất hay. Trong máy HOFSTAEDTER, các electron được gia tốc lên thật lớn, cho bắn vào các proton: các khảo cứu viên sẽ không thấy gì cả như người mù dùng quả bóng liện vào một



Giáo-sư HOFSTAEDTER

vật gì, tùy theo tiếng dội ra cao, thấp, qua trái, qua phải... mà đoán được tính chất của vật kia.

Bây giờ lại còn có một câu hỏi khác: dùng máy HOFSTAEDTER thì sẽ tìm ra được gì? Hiện nay người ta tin proton và neutron gồm có nhiều meson chạy xung quanh một « cái gì ». Các meson chạy từ nguyên tử này qua nguyên tử khác, gây ra năng lượng nguyên tử. Còn « cái gì » đó thì có hai giả thuyết khác nhau: nhiều nhà vật

lý học cho là một chất điền nghĩa là một vật chất không kích thước, còn thực thể vật chất thì nằm ở ngoài các nguyên tử. Một phái khác trái lại thì cho các nguyên tử có kích thước, bản chất phức tạp. Những nhà bác học như DE BROGLIE, VIGIER ở Pháp, BOHM, GELMAN, FEYNMAN ở Hoa-kỳ, DIRAC ở Anh, YUKAWA ở Nhật, TERLETZKI ở Liên-sô đều theo phái sau này. Máy HOFSTAEDTER sẽ phân xử đôi bên và chứng minh cấu tạo không những của các proton và neutron mà còn của các electron.

Những thí nghiệm của máy này còn có thể xác nhận một lý thuyết vô cùng kích động; tám các nguyên tử đều giống nhau, nghĩa là chỉ có một vật chất mà thôi! Vật chất này là một chất lỏng quay chuyển rất lạnh, những cử động có thể cao thấp khác nhau và chính thể quân bình các quay chuyển này đã định đoạt cấu tạo của nguyên tử: proton, neutron, electron,... Nếu giả thuyết này được chứng minh, cả một môn vật lý mới mẻ sẽ được gây dựng nên và nhiều năng lượng mới sẽ được phát giác ra...

Bác-sĩ MATHIS



SINH VẬT HỌC: MATHIS VÀ ĐÀN RẬN QUÝ BẦU

Đài vô tuyến truyền hình Pháp vừa mới hiển khán giả một thiên phóng sự lạ kỳ: bác sĩ MATHIS và phu nhân nuôi rắn trên mình!

Bác sĩ MATHIS không phải là một người điên. Từ lâu ông khảo cứu ở Viện Pasteur bên Tunis. Ông đã cho ra một cuốn sách về đời sống của rắn, do nhà văn hào Georges DUHAMEL đề tựa. Ông giải nghĩa. Người ta thường không hiểu hết tính chất quan trọng của loài rắn. Ở thời cổ sơ cũng như ở thời trung cổ, nhiều quân đội

hùng mạnh rút cuộc bị rận đánh tan vì truyền bệnh sốt rận. Trước trận thế chiến thứ nhì, người ta đã nghĩ cho rận vào cơ thể các tân binh người xứ Xênegal để truyền bệnh qua quân đội Đức (vì Đạo giáo, những tân binh này không được giết rận). Trước kia đem rửa rận thì người ta chế ra được thuốc trừ bệnh sốt rận. Nhưng từ ngày người ta biết có thể lấy thỏ thay rận (một con thỏ thể được 3000 rận), thì rận hết còn được nuôi. Hơn nữa, với các chất thuốc trừ sâu bọ như thuốc DDT, dần dần rận bị diệt giống !

Nay vì căn rận để làm khảo cứu (nhất là về bệnh sclérose en plaque) ông phải tự nuôi lấy. Rận không thể sống được với máu thú vật, trừ máu heo, máu khỉ orangoutan. Vì vậy ông và bà vợ ngày hai buổi phải cho rận lại hút máu trên mình. Ông có chừng 4.000 con nuôi trong nhiều hộp. Đến giờ ăn, ông cột một cái hộp vào chân, và qua cái màn vải ga, rận mặc sức ăn uống.

Ông cũng cho biết rận sinh sản rất chóng. Mỗi đêm, con đực có thể giao cấu với 18 con cái. Sau đấy ông phân tách đực, cái, đem trứng bỏ vào một cái lọ. Trong 12 tuần, một con cái có thể sinh ra 125 ngàn rận con. Nuôi rận cũng không phải là chuyện dễ. Theo ông, rận không chịu sống ở chỗ dơ, tuy cũng không thích chỗ quá sạch.

Để chứng minh, ông không phải người kỳ quặc, ông bảo bác sĩ NICOLLE, người đã tìm ra được rận truyền bệnh sốt rận, đã nuôi rận trong luôn 33 năm; nhà bác học WEIGL, người Ba-Lan, đã chế thuốc chống bệnh sốt rận trong thế chiến vừa qua, có đến 40 người vú nuôi rận, mỗi người chịu trách nhiệm 100 ngàn con !

Bác sĩ MATHIS rất đau lòng trước các chất thuốc trừ sâu bọ.

Thuốc DDT chẳng hạn, đồng thời với rận, đã diệt trừ luôn cả ruồi, muỗi, ong mà cây cỏ nhờ ong mới thụ trái được.



★ ĐẠI TANG

Chồng chết đã 3 năm, bà nọ vẫn còn để tang. Một hôm, có người quen gặp bà, bèn hỏi :

— Ô kìa, chị vẫn còn để « trở » ?

Bà ta vừa thẩn thức vừa trả lời :

— Dĩ-nhiên chị ạ, vì « nhà tôi » vẫn còn chết kia mà...

đời lãng tử

★ HL. HOÀI-VIỆN-PHƯƠNG

(Vĩnh-Bình)

*Chênh-choạng phố-phường chân lãng-tử
Đã quen hương vị đắng cay đời
Chừ tại thích tiếng pha-lê vỡ
Phong-trần khói thuốc tím vành môi*

*Ngất-ngây nào sá gì men rượu
Sặc-sụa... quên đi, cũng ấm lòng
Tiền bạc, bạc tiền ! Ồ, bắt-hủ !
Đời hơn chung rượu, dẫu cay nồng.*

*Hãy uống cho nhiều dù ối mưa
Đảo-diên thế-sự, ngửa nghiêng trời
Nồng-nực tiếng cười nhòa mắt lửa
Đồ hèn ! Chịu đắm để ăn xôi*

*Với ai ? Tất cả đều xa lạ !
Chỉ rượu ? — Cùng ta giữa hi-trường
A ha ! Cuộc sống đầy sa đọa
Ồ ! Khóc cười chi dẫu tiếc thương ?*

*Rượu thấm môi sâu, cười hoang dại !
Gió về nghiêng-ngửa tóc bờ vai
Trong tim mang nỗi hờn vạ đại
Bao lần tà áo muốn tung bay*

*Gió ơi ! Chiếc lá mùa thu rụng
Đề một ngày nào đơm lá xanh,
Gió không tàn-ác đừng kinh-khủng
Thu buồn nhưng đẹp có trăng thanh.*

ngân - ngại

Món trao những đôi bạn
tâm tình chưa cởi mở.

✱ HÀ-PHƯƠNG
(Nữ Giáo-viên - An-Giang)



Ngày mai có ra đi
Không biết gì đề nói.
Ngày mai mình phân ly
Xin ai đừng vội hỏi?

Sum hợp,
Phân kỳ.
Lệ ướt:
Hàng mi.
Lạnh buốt
Bờ vai.

Năm dài xa cách,
Đến ngày tóc bạc.
Người có buồn chăng?
Mình thấy bán-khoăn
Ngân ngại dăm lần
Chân chưa nở bước

Nhờ mây
Nhờ nước
Nhờ gió
Nhờ trăng

Xin ngân nhịp bước phân ly
Đừng cho kẻ ở người đi ngậm ngùi.



✱ Minh-Đức (Hoài-Trinh)

Paris, ngày 10 tháng 3 năm 64

Bạn thân mến,

Thế là lại xa bạn, từ nay lại ngày đêm vọng về quê hương. Vì phải đi gấp nên không kịp báo tin với bạn, không kịp vời vỉnh bạn, bắt bạn cho đi ăn chả cá, bún bò, thật đáng tiếc.

Kỳ này đi, bạn có biết tôi sẽ làm gì, về Paris thu xếp trang trải nợ nần để rồi trở lại với quê hương, nếu bạn vui lòng.

Bạn biết không, nghe tin tôi mới ở Saigon sang, các bạn bên

này nhào đến đề hỏi thăm tin tức, tình hình, đồ bạn tôi giả lời thế nào.

— Quê hương đang cần các anh, các anh nên về góp sức để xây dựng.

Câu này đặt thành một vấn đề to lớn cho tất cả mọi người. Còn bạn, bạn có đồng ý không, cố nhiên là đừng nuôi nhiều tham vọng, đừng có thèm khát, những chiếc ghế cao để rồi không có ghế, rồi thất vọng, rồi cần nhẩn. Nếu trở về với ý định làm gì được thì làm miễn là có ích cho xã hội thì sẽ không buồn đâu,

Chiều hôm qua tôi « bị được » các anh em sinh viên phật tử mời nói chuyện và ăn cơm. Các anh ấy lục vấn đủ mọi thứ. Nghe bảo rằng tôi về Paris lo thu xếp công chuyện nhà để trở lại với quê hương ai cũng đều tỏ vẻ ngạc nhiên sao Minh-Đức lại mê quê hương đến thế. Câu cuối cùng họ hỏi tôi (trước khi cho vào bàn ăn.).

— Chị sẽ trở về, vậy thì chị lạc quan hay bi quan mà trở về.

— Tôi lạc quan.

Một tiếng à chung của tất cả mọi người, tùy bạn hiểu sao thì hiểu, hình như trong tiếng à đó, nó vừa là sung sướng vừa là ngạc nhiên và cũng vừa ngờ vực. Dầu sao họ biết rằng tôi không nói dối, vì tôi không làm chính trị, không phải là nhân viên của chánh phủ tất nhiên họ không thể nghi rằng tôi đi tuyên truyền. Cổ nhiên tôi không quên gài lại một câu, đừng nuôi nhiều tham vọng, Phật đã dạy rồi mà, phải không bạn.

Nhất là có những anh đến thăm, thấy tôi đưa ra mấy tấm ảnh của những cô bán hàng quà gánh. Tả cái ngã sáu, chỗ tôi ở với tất cả các hàng chè, hàng cháo, họ đòi lên tòa đại sứ làm giấy tờ ngay.

Nhớ Saigon quá bạn ơi, mặc dầu có nhiều người bảo Minh-Đức đi là phải, ở lâu sẽ thành đồ cũ và hết được thương. Đây là lẽ thường. Vạn vật biến đổi và cái luật đào thải là luật chung. Ngày nào bạn hết « thích Minh-Đức » như các anh bên này vẫn hay quấy nói đùa, thì thôi chứ sao bạn nhỉ.

Saigon quả thật là một trong những chốn thiên đường trên thế giới, câu này không phải của tôi mà của tất cả những ai đã biết qua xứ ấy, bạn nghe, lòng có thấy nở hoa không hay là ta có câu : « Bụt trong nhà không thờ đi thờ quỷ ma ngoài đường ». Làm dân cái xứ ấm áp quanh năm có mặt trời sưởi ấm rồi rên hừ hừ ngày đêm.

Một tuần nay rồi bạn, Minh-Đức của bạn lại trải qua những đêm không ngủ vì thời gian khác nhau, hai giờ sáng đói bụng và bốn giờ chiều là ngáp. Trên máy bay tôi đã bị sống một đêm dài là thế, bạn biết chứ, đi ở Saigon là ban đêm sang đến xứ khác cũng rơi vào đêm nữa, vì thế, vừa xuống Karachi ăn sáng xong, lên máy bay còn phải ngủ nữa vì vẫn lại đêm, đến Athène lại bị ăn sáng, ngán ghê. Mỗi

gần Paris mới được gặp vài giờ mặt trời ở trên mây.

Kề gì cho bạn nghe, bạn nhớ nhé nếu có đi thì nhớ đưa theo một bộ quần áo thật ấm, đừng làm như tôi có bà chị nhí nhảnh, trước kia có làm hàng không nên bà thương em để cô em ở chơi nói chuyện với các bạn bà đi lo giấy tờ hộ cho tất cả. Lo thế nào mà cái bị quần áo để xách tay định bụng sang Athène sẽ thay vì khi đi Minh-Đức còn cố nán mặc một lần quần áo Việt Nam cho đã thêm. Bị quần áo được bà chị gửi theo với hành lý nặng. Lo quá vì mặc có một tấm áo dài mỏng làm sao đủ ấm, than thở với các cô chiêu đãi. May sao đến Karachi họ thương tình cho Minh-Đức treo tuốt vào hầm để hành lý tìm cho ra cái bị quần áo. Sướng không bạn.

Sáng nay đi chợ mà tay chân tê buốt mặc dầu đôi giày cao cổ với đôi găng tay bọc len. Về đến nhà ngồi gác chân trước lò sưởi có đến 15 phút mà chưa bớt nhứt. Mỗi một sự ấy cũng đủ dục dã tôi làm va-li trở về với bạn rồi, bạn có cười không? Thật đấy bạn à, Paris là nơi để học hỏi, để đào tạo con người chứ không phải để sống, và lại

sống một cách vô ích, nhất là khi biết rằng quê hương còn đau khổ mà mình học xong rồi ngồi đây để hưởng thụ lấy một mình. Đồ bạn biết tôi sẽ mang gì về, sách và sách, chưa có chỗ ở nhưng cũng phải mang chứ để lại thì tiếc quá, nếu chưa tìm ra nhà liệu bạn có bằng lòng cho tôi gửi vài thùng sách không?

Các anh em bên này hỏi quê hương ra sao. Tôi giả lời : Ngon vô cùng, tuy về hai tháng gặp vào lúc có dịch tả, chưa được ăn mít, ăn ổi, bạn ước giùm với tôi đi.

Biết rằng thư này sẽ làm nhiều kẻ ngờ vực không đồng ý vì họ đang muốn xin sang Pháp, cho biết mặt mũi nước Pháp, cho hiểu cái ăn chơi của Paris. Nếu thế thì chúng ta sẽ đòi nhau, ai cũng phải đi qua những đoạn đường ấy, mơ đi rồi lại mơ về. Đây cũng là một định luật chung chẳng?

Có người lại nói về nước sợ bị bắt, ai bảo họ cứ đòi làm những gì trái với đường lối của quê hương.

Kề gì thêm với bạn. Đoạn này viết trên métro nên đầu óc cũng hơi lắc lư; mãi viết nên đi lăm, thấy mọi người xuống Chatelet

BỨC THƯ PARIS

mình cũng bắt chước trèo xuống. Tìm mãi chẳng nhìn thấy chỗ đổi ở đâu, nhìn lại bản đồ mới sực nhớ là đường từ nhà tôi lên toà Đại sứ phải đổi ở Réaumur. Thật là mán, ở Paris 12 năm mới về Saigon có hai tháng mà đã quên hết, bạn có lạ không?

Đỗ bạn tôi lên toà đại sứ làm gì, thưa đề làm đơn xin về nửa đây ạ, thời gian đơn đi, thì bên này Minh-Đức lo công chuyện, lo làm vài cái phóng sự cho Dân-Ta. Kỳ này về nhứt định sẽ hành thuyền về nghỉ ngơi luôn chứ không thêm « kỳ Boeng ». Mách bạn là về đây sao cứ bị ốm hoài, cái dạ dày không tha.

Hôm qua nghe đoàn sinh viên Phật tử đang thảo chương trình ngày nào về quê lập làng đấy bạn ạ, giúp chính phủ lo về mặt xã hội. Tôi chờ các anh chị ấy thực hiện ý định rồi mình sẽ xin vào làm dân đen chơi, còn gì sướng bằng có người lo lắng cho đề mình được ngồi đó mà làm ăn lương thiện, nhất là viết lãnh nhăng. Bạn sẽ mỉm cười cho là Minh-Đức ít tham vọng, thế mới là người sung sướng đấy bạn ạ.

Còn một chuyện kể bạn, tôi về vừa kịp đi nghe buổi nói chuyện của giáo sư Cồn về các thứ tôn-giáo ở Việt-Nam,

thính giả độ 50 người, toàn những cựu quan lại Pháp và Nam. Giáo-sư Cồn đã đưa ra tất cả cái tài học hỏi và tham khảo của mình, nói từ cái thời mà dân tộc nào cũng còn u u minh minh, thờ cây, thờ đá, cho đến đạo Khổng, đạo Lão, đạo thờ Ông bà, đạo Thiên chúa, đạo Cao Đài, đạo Hòa Hảo và cuối cùng là đạo Phật. Buổi nói chuyện rất hào hứng, Giáo sư Cồn đã cố dụng tâm chài chuốt câu văn làm lé cả mấy cô đầm già. Chỉ hận rằng một cái đề tài rộng như thế mà diễn giả phải thu góp lại trong 40 phút nên tôn giáo nào cũng chỉ đề cập lướt qua rất nhanh. Nghe rằng bài diễn thuyết ấy sẽ được đưa ra in để làm tài liệu. Bạn rần chờ mà đọc nhé.

Thư dài rồi, hẹn bạn thư sau.

● ★



MỘT THỦ MÔN LỢI HẠI



★ Phương-Chi

Câu chuyện thật và mỉa-mai này làm cho chúng ta phải cười nhưng với cái cười ứa lệ:

Năm 1946.... gần đèn thắp
tư mà gió còn rét đèn tận
xương.

Ông già Drioli, vừa đói, vừa lạnh, lang thang đi trên vỉa hè thành-phố Ba-Lê. Ông nhìn qua các tủ kính. Bỗng ông đứng dừng lại trước một gian hàng bán tranh. Một bức tranh phong cảnh vẽ một khóm cây bị gió lùa về một phía, dưới một nền trời bão tố quay cuồng. Dưới khung tranh có một bản đồng nhỏ

khắc chữ : « Chaïm Soutine
1894-1943..

Nhìn bức tranh, ông già thấy lại con đường cũ, hàng cây xưa ở thành thị Falginiere. Còn Chaïm Soutine là ai ?

Rồi kỷ niệm sáng dần trong trí nhớ ông như ánh sáng mặt trời vén màn sa mù buổi sáng.

Drioli, nhớ lại đêm uống rượu tay ba : ông, vợ ông và cậu bé họa sĩ. Rượu ngà ngà

say, ông có một ý nghĩ ngông cuồng về một bức họa trên lưng mình.

Ý nghĩ đó được thực hành ngay. Người kiều mẫu là Josie, vợ ông, họa sĩ là cậu bé Kalmouk tức là Chaim-Soutine vậy.

*

Ba mươi ba năm qua, Drioli bây giờ đã thành một ông già ốm yếu. Cảnh xưa còn ghi lại đó, người xưa đâu rồi, Josie đã ra người thiên cổ, còn cậu bé Kalmouk lưu-lạc ở phương nào ? !

Như ở trong cơn mê, Drioli đẩy cửa bước vào. Đây là một phòng trang hoàng khá đẹp, nền trải thảm màu rượu cần.

Những người có vẻ trí thức, những người ăn mặc sang trọng đi đi lại lại trước những bức tranh, tay mỗi người cầm một tập thư mục. Drioli đứng dừng lại trước cửa; nhìn chung quanh mình, phân vân chưa dám tiến vào, lẫn lộn với đám người kia. Khi ông trấn tĩnh được tinh thần thì nghe có tiếng hỏi :

— Ông kia, ông muốn gì ?

Drioli đứng khựng và yên lặng.

— Xin mời ông ra khỏi đây, người ấy lại nói.

— Tôi không có quyền được xem tranh chăng ? Drioli hỏi.

— Tôi yêu cầu ông ra khỏi đây, hiểu chưa ?

Drioli đứng yên không nhúc nhích.

Một bàn tay trắng bết nắm vai Drioli đẩy mạnh ra cửa. Ông già lang-thang hét lớn :

— Anh hãy cắt bàn tay dơ bẩn của anh ra khỏi lưng tôi ngay !

— Tiếng của Drioli làm mọi người quay đầu lại. Ông nói tiếp :

Tôi cũng có một bức tranh của họa sĩ này. Họa sĩ Soutine là bạn tôi.

Vừa nói, Drioli vừa nhảy vào giữa phòng, rồi chẳng một chút ngưng ngừng, ông cởi bỏ áo choàng, áo bành-tô, rồi áo sơ-mi, và quay lưng lại cho mọi người :

— Đây các ông xem, tôi cũng có một bức họa như ai !

Cả gian hàng trở nên yên lặng. Người nào cũng sững sờ, ngơ ngẩn. Mọi mắt chăm chú nhìn bức họa xăm trên lưng Drioli. Nét bút xưa còn

đó, và màu sắc bây giờ lộng lẫy hơn bao giờ cả. Nhưng lưng của Drioli ngày nay gầy hơn, xương bả vai lồi hơn, nên bức họa có vẻ nhăn nheo, kỳ dị.

Bỗng có tiếng nói :

— Trời ơi, đây là một sự thật !

Thế là người ta đổ dồn lại và bao quanh ông già. Nhiều lời phê bình nhao nhao lên :

— Một sự thật không thể nhầm lẫn được !

— Lỗi họa đầu tiên của Soutine !

— Thật là ngông cuồng ! Thật là lạ lùng !

— Kia, có cả tên ký hân hoi...

— Xin ông hãy cúi xuống một tí để cho bức họa được thẳng hơn.

— Ở này cụ, bức họa này đã ra đời năm nào ?

— Năm 1913. Drioli trả lời, mùa thu 1913.

— Ai dạy cho Soutine xăm bức họa này ?

— Tôi, Drioli trả lời với vẻ hãnh-diện.

— Còn người đàn bà trong tranh ?

— Là vợ tôi.

Người chủ gian hàng, rẽ người bước đến với vẻ bình tĩnh, nghiêm nghị :

— Thưa cụ, — hân nói với nụ cười gượng trên môi, — tôi là người buôn tranh. Tôi mua bức tranh đó với giá 200 quan phật lạng..

Đôi mắt ti hí của hân cố gắng mở rộng và hai cánh mũi của hân phập phồng.

Drioli trả lời thung thình :

— Nhưng làm sao tôi bán nó cho ông được.

Drioli nói câu này với giọng buồn bã nhất đời.

Bỗng có người chen vào :

— Phải, làm sao cụ bán nó được. Nó thuộc quyền sở hữu riêng biệt của cụ ta.

Người chủ gian hàng nói :

— Nay cụ, tôi sẽ giúp cụ, tôi sẽ làm cho cụ giàu có. Chúng ta hãy điều đình với nhau để bức tranh kia thuộc quyền sở hữu của hai ta.

Drioli nhìn anh chàng đã ấy mình ra cửa và hỏi :

— Ông định mua nó bằng cách nào ? Làm sao ông giữ nó đêm nay, ngày mai và những ngày kế tiếp ?

— Ừ nhĩ, làm sao tôi giữ nó ! Ừ... ừ để tính xem... anh chàng buôn tranh đưa một

ngón tay lên mũi khẽu, khẽu, rồi nói tiếp :

— Nếu tôi mua bức tranh thì tôi phải giữ cụ. Đó là một điều bất tiện... Bức tranh này không có giá trước khi cụ chết ! Ồ, thế năm nay cụ bao nhiêu tuổi rồi ?

— Sáu mươi mốt.

— Cụ không được khoẻ mạnh lắm phải không ?

Nói xong hắn nhìn Drioli từ đầu đến chân như người chủ trại xem một con ngựa.

Drioli lùi lại mấy bước và nói :

— Tôi không thích cử chỉ của ông một tí nào cả, tôi nói câu này với tất cả lòng thành thật của tôi.

Khi Drioli vừa lùi lại thì có một bàn tay đưa ra đỡ, và nắm nhẹ vai ông. Người này cười với ông dịu dàng và thân mật. Tay hắn mang bao tay da sáo Canaries. Hắn vỗ nhẹ vai Drioli và nói :

— Này, ông bạn, ông có muốn tắm bể và tắm nắng không ?

Drioli nhìn hắn, ngạc nhiên chưa kịp trả lời thì hắn tiếp :

— Ông bạn có thích những

bữa ăn thịnh soạn và các thứ rượu quý ở Bordeaux không ?

Hắn vẫn cười mơn trớn bày hàm răng trắng điểm mấy chiếc răng vàng. Bàn tay mang bao tay dịu dàng của hắn không rời khỏi vai Drioli.

— Hắn ông bạn thích những món đó ?

— Dĩ nhiên, Drioli trả lời

— Và ông bạn có thích một số phụ nữ đẹp không ?

— Tại sao lại không !

— Và ông bạn có thích có một tủ áo đầy đủ và sang trọng không ?

— Sao lại không thích !

Drioli liếc chừng con người ăn nói ngọt ngào ấy, và chờ đợi câu nói tiếp.

— Ông bạn có ưng có một tên hầu phòng biề, cạo râu và cắt tóc cho ông bạn không ?

— Drioli tề-mề cả người, miệng há hốc.

— Và ông bạn có ưng có một cô gái duyên dáng đùa vuốt móng tay, móng chân cho ông bạn không ?

Trong đám đông có tiếng mỉa mai chen vào :

— Và đặt một cái chuông ở đầu giường để ông bạn gọi người hầu-

phòng mang buổi ăn sáng vào cho ông bạn.

Drioli đề-mề cả người đứng sững như trời trồng, thì tiêng dịu dàng ban này như rót vào tai :

— Xin thưa đề ông bạn rõ : tôi là chủ nhà hàng Bristol ở Cannes. Tôi xin trước ông bạn đèn đó đề tận hưởng sự xa hoa, sung sướng cho qua tuổi già của ông bạn.

Hắn nói đến đây thì ngừng lại đề cho người nghe hưởng tạm viên ảnh sung sướng rồi lại tiếp :

— Bồn phận của ông bạn, tôi phải nói ra đây, — chỉ là phải mặc một chiếc quần cụt ra ngoài bãi bể, dạo chơi lẩn lộn trong đám khách hàng của tôi. Ông bạn muốn tắm nắng, muốn bơi lội tùy ý. Ông bạn muốn dùng rượu mùi, rượu xóc tùy lòng. Bấy nhiêu lời đề nghị của tôi, ông bạn nghĩ thế nào ?

Drioli ngbình mũi về phía ông khách lạ lưng và hỏi :

— Thật là những ý nghĩ trào lộng ! Nhưng này ông, ông bảo thật đây chứ ?

— Thưa, thật một trăm phần trăm !

Bỗng người chủ gian hàng tranh ngắc câu chuyện của Drioli và người khách lạ :

— Này cụ, cụ hãy nghe tôi đề nghị. Chỉ có giải pháp này là giải đáp được bài toán. Tôi mua bức tranh của cụ với giá 400 ngàn quan ; tôi điều đình với một nhà giải phẫu lột lớp da trên lưng cụ. Thế là cụ có một số tiền lớn, mặc tình cụ muốn làm gì thì làm.

— Như thế thì lưng tôi còn đau da ? Drioli hỏi,

— Không ! Cụ đã nhầm. Nhà giải phẫu sẽ cấp cho cụ một lớp da khác chứ. Sự ấy rất dễ, khó khăn gì !

— Ồ, không thể được, người khách lạ nói. Ông bạn của tôi đây tuổi đã cao, ông bảo lột da rồi cấy da như thế, thì không khác nào giết ông bạn của tôi đi còn hơn.

— Phương pháp ấy làm cho tôi chết à ?

— Chắc quá đi rồi, người khách lạ nói. Làm sao ông bạn sống được ; nhưng bức tranh thì người ta lấy được.

— Trời ơi, tôi đâu có điên ! Drioli vừa nói, vừa lắc đầu.

Bàn tay mang bao tay êm ái của người khách lạ, lại đập nhẹ trên vai ông lão và nói :

— Bạn hãy đi dùng với tôi một bữa ăn ra mắt đã, nhân tiện chúng ta đàm luận với nhau về việc này. Đi, chúng ta đi đi, chắc ông bạn đã đói rồi.

Drioli ngừng mặt ghêch lên trán nhà, đôi môi mở hé và lộ lưỡi ra liếm quanh. Nước bọt đã trào lên tận miệng.

— Anh bạn có thích thịt vịt không ? Vịt quay rất dòn nhé ? Hay là ông thích món khác ?

— Vâng, thịt vịt quay rất dòn, dòn rụm ngon lắm. Drioli nói câu này rất nhanh, nhặt vói áo quần khoác vào mình, và nói lớn :— Đợi tôi một phút, chỉ một phút thôi. Tôi sắp xong rồi đây.

Drioli từ giả gian hàng tranh ra đi với người bạn mới.

Cách vài tuần lễ sau, tại Buenos- Aires (Á căn đình) người ta thấy bày ra thị trường một bức họa đặc biệt của Soutine vẽ hình một người đàn bà. Bức họa này được phủ lên một lớp dầu bóng và lồng trong một chiếc khung rất đẹp.

Những khách chơi tranh

rộn-rã đáp phi-cơ đến Thủ-đô Á-căn-đinh, lòng người nào cũng hy-vọng được làm chủ bức tranh có một không hai ở Thê-giới này.

Một số người hiểu-ký khác đáp phi-cơ qua Cannes và tìm đến nhà hàng Bristol, nhưng ở bờ bệ này không có một nhà hàng nào tên là Bristol cả.

Về phần Drioli, từ đó người ta không còn biết tông tích ông ra sao. Không biết ông có còn sống để cho một cô gái duyên dáng dũa móng tay và để cho một người hầu phòng mang thức ăn buổi sáng vào cho ông tận phòng ngủ ! ?



— Chà tuyệt quá ! Mỹ thuật quá ! Nhưng họa-sĩ định vẽ cái chi vậy ?

đã mấy thu rồi

* TÔN-NỮ SAO-MAI

(Ba-xuyên)

Người ơi !

đã mấy trắng rồi !

biền-biệt xa xôi...

trăng-thu vắng-vặc ôm đời,
lá vàng rung-rẩy buồn rơi lạnh-lùng !
người ơi... sao quá náo-nùng ?
sầu ôm gối lẻ, hận chùng phím-tơ ?
đêm đêm giếng mắt xây mồ,
người bên song cửa sầu mơ-mộng về !
trăng khuya mới-một năm mê,
như say tâm-sự náo-nề... người ơi !
đường-hoang sỏi đá ngậm-ngùi,
đây đèn gục-mặt sụt-sùi than-van !

người đi đã mấy trắng tân,
mắt sầu trơ mộng vô-vàng thâm-u !
tim khô đau chuyện già-từ,
đôi tay quờ-quạng tìm vô mộng tình,

tân rồi... mộng chưa trở-hình (?)
buồn ơi ! sao nỡ vô-tình sanh-thêm ?
đề tìm khô-héo lụy-phiền,
người ơi !... áo mộng chỉ viền thương đau.



Những bí-mật trong thế-chiến thứ II

★ Thiên-Sơn

(Tiếp theo P. 122)

Chế-độ Cộng-hòa bị thủ tiêu ở Pháp

SAU khi ký hiệp định đình chiến với Đức, Chánh-phủ Pétain thấy ở Bordeaux bất tiện nên định rời đi chỗ khác.

Trước hết rời tới Clermont-Ferrand nhưng thấy ở đây cũng thiếu tiện nghi nên lại rời qua Vichy là nơi nghỉ mát của giới phong lưu, có nước suối để tắm và để uống cho bổ gan, có khách sạn và nhiều phòng ngủ cho người ta nghỉ mát và hành lạc.

SUỐT TRONG HAI NGÀY, TÔI ĐÃ THẤY NHỮNG NGƯỜI UỐNG RƯỢU NHƯ CHẾT KHÁT VÀ TRUY LẠC MỘT CÁCH CÔNG KHAI NHƯ HỌ ĐÃ TẮM PHẢI NƯỚC CỐ CHẤT ĐỘC. THẬT LÀ MỘT HIỆN TƯỢNG KHÓ DIỄN TẢ MÀ KHÔNG KHỎI RỪNG MÌNH

NHỮNG BÍ MẬT

Chánh phủ xung công những khách-sạn lớn nhất, đẹp nhất và nhiều tiện nghi nhất.

Chánh phủ tới trước, lưỡng-viện tới sau. Ở Bordeaux chỉ có 120 ông nghị. Tới Vichy gần 700 ông lục đục kéo đến. 700 ông tức là gần hết số nghị sĩ của Thượng và Hạ nghị viện, ngoại trừ những ông nghị cộng sản bị loại và một số nhỏ đã ra khỏi nước Pháp.

Pierre Laval lúc đó là Phó Thủ Tướng đóng một vai tưởng quan trọng. Ông vận động hủy bỏ Hiến-Pháp năm 1875 để thủ tiêu chế độ Cộng-Hòa. Ông vận động bí mật và công khai giữa đám nghị sĩ để cho họ đừng chống đối dự án của ông. Có người tỏ vẻ nghi ngờ sợ ông sẽ thất bại thì ông trả lời :

« Ông không có kinh nghiệm. Với sự sợ hãi ta đòi hỏi được tất cả ở con người. Tất cả mọi người đều khiếp nhược ».

Ông nói đúng. Ngày 9-7-40, Thượng và Hạ nghị viện được triệu tập nhóm họp để thảo luận việc sửa đổi Hiến Pháp. Hạ viện có 595 lá thăm thuận, 3 thăm chống. Thượng viện có 229 thăm thuận, 1 thăm chống.

Ông Herriot, chủ tịch Quốc-

Hội tuyên bố : « Hỡi các bạn đồng viện thân mến, Chung quanh Thống chế Pétain, trong sự tôn kính mà tên tuổi ông đã gây cho tất cả mọi người, dân tộc chúng ta qui tụ lại trong cảnh đau thương, chúng ta hãy coi chừng đừng làm rối sự đoàn-kết đã thiết-lập được dưới uy-tín của người. »

Chủ-tịch Thượng-viện nói :

«Tôi chứng nhận cho Thống-chế Pétain lòng ngưỡng mộ và tri ân của chúng ta về sự hiến thân của Ngài thêm một lần nữa cho Tổ quốc...»

Bữa sau lại đem ra thảo-luận dự án chỉ có một khoảng duy nhất như sau :

« Quốc-hội cho chánh-phủ Cộng-Hòa tất cả mọi quyền-hành dưới chữ ký và uy tín của Thống-chế Pétain, Thủ-Tướng Nội-Các đề ông ban-hành một hay nhiều văn-kiện một bản Hiến-pháp mới của quốc-gia Pháp. Hiến-pháp này phải đảm bảo những quyền lợi của việc làm gia đình và Tổ-quốc, Hiến-Pháp này sẽ được thông qua do những nghị-viện mà nó sẽ thành lập ».

Dự-án trên do Laval thảo được yêu cầu sửa đổi qua loa

nhưng rồi cũng được chấp-thuận. Có một thiểu số muốn phản kháng nhưng không-khí lúc đó không thuận-lợi cho họ. Có người xin nói nhưng không mở miệng được vì bọn tay chun bộ hạ của Laval đã làm ồn lên không cho ông nói. Hầu hết đều mất tinh-thần vì sợ hãi. Chính nhà lãnh tụ Xã-Hội Léon Blum hồi đó đã viết : « *Thật là một hiện tượng khó diễn tả mà không khỏi rùng mình. Suốt trong 2 ngày tôi đã thấy những người uống rượu như chết khát và truy lạc một cách công khai như họ đã tắm phải nước có chất độc. Sự sợ hãi bao trùm tất cả. Sự sợ người của Doriot, sự lính tráng của Weygand ở Clermont-Ferrand, sự quân lính ở Moulins... Thật là một đám người mà ở trong đó người ta thấy tan rã và tiêu diệt tất cả những cái gì gọi là can đảm và cương trực...* »

Những người bình-nhục tha thiết với tự-do dân-chủ, thể đồng chết với chế-độ Cộng-hòa lúc đó cũng thấy tiêu-ma chí-khí. Họ đã sống qua nhiều cảnh hãi-hùng và hiện đương sống trong những cơn ác-mộng. Doriot, một cựu đảng viên Cộng-sản hợp-tác với Đức mộ quân tình nguyện để không bố đồng - bào. Thống-Tướng

Weygand vốn ghét mấy ông dân biểu hăm-he đảo-chánh ngày một, ngày hai. Hơn nữa, còn quân Đức đóng trên đất Pháp, bất kỳ lúc nào cũng có thể làm mưa, làm gió. Đời loạn, nước loạn, tâm loạn. Và chính trong cảnh hỗn-độn đó mà chế độ Cộng-Hòa bị thủ tiêu ở Pháp.

Chế-độ Pétain

Ngày 11-7 ký 3 văn-kiện Hiến-pháp (actes constitutionnels) để đặt nền tảng pháp-lý cho chế-độ mới. Do văn-kiện thứ nhất ông tự-phong cho ông là người lãnh-đạo quốc-gia Pháp (Chef de l'Etat français). Do văn-kiện thứ hai ông tự cho ông tất cả mọi quyền hành của chánh phủ. Do văn kiện thứ 3, ông cho lưỡng viện nghị dài hạn cho tới ngày có lệnh mới. Thế là Thống chế vừa lên ngôi Quốc trưởng vừa nắm quyền Thủ Tướng. Tổng-Thống Albert Lebrun lúc đó chỉ còn là một bóng ma. Nhiều người khuyên ông từ chức nhưng ông không chịu từ chức và cứ yên phận làm một bóng ma.

Thống Chế Pétain bỗng nhiên có một uy quyền rộng lớn mà chưa nhà lãnh đạo quốc gia nào được có trước ông. Chính ông đã nói : « *Người ta cho tôi*

nhieu quyền hành, hơn cả vua Louis XIV nữa ».

Thật ra chưa có một hiến pháp nào định mức rõ quyền hạn của Thống-chế với biên giới pháp lý của quốc gia Pháp. Còn những nghị viện sẽ thành lập do lời hứa hẹn ngày 10-7 thì cũng chỉ là hứa hẹn suông chẳng bao giờ thực hiện.

Chính một nhà báo đã viết: « *Quốc-gia Pháp là một quốc-gia phản động và ở Vichy người ta còn muốn nó phản-động càng nhiều càng tốt* ».

Thật ra nó không hề bắt chước theo chế-độ quốc xã của Đức hay phát-xít của Ý. Hai chế độ của hai nước độc tài này còn nhiều điểm tiến-bộ hơn trong địa hạt xã-hội.

Văn kiện số 4 ngày 11-7 còn hoạch định rằng nếu vì một nguyên nhân nào thống chế Pétain không điều hành được

nhệm-vụ quốc-trưởng thì phó Thủ tướng Laval đương - nhiên được thay thế.

Mới đầu Thống-Chế còn được tín nhiệm Laval vì chính Laval có công lớn đối với ông. Nhưng lần lần ông hiểu rõ tâm địa của Laval thì ông lại chán ghét và nhòm góm anh chàng.

Một người khác cũng có công lớn với Thống chế là đại tướng Weygand.

Chính ông này lần lần cũng bị hất hủi. Ông bị truất-phế khỏi ghế Tổng trưởng quốc-phòng rồi mất luôn chức Tổng Tư lệnh.

Tóm lại, một khi đoạt hết quyền hành vào tay, Thống chế Pétain càng ngày càng trở nên độc-đoán. Ông coi nước Pháp là của riêng ông và ông còn đi xa hơn nữa theo một đường lối phản-động chưa từng có trong lịch sử nước Pháp.



* TẬP BƠI

Muốn tập bơi cho một cô con gái thì phải làm thế nào ?

— *Ồ, đó là cả một nghệ thuật. Trước hết anh hãy choàng tay trái qua thân cô ta, sau anh nắm nhẹ nhẹ lấy bàn tay ngọc, rồi anh làm thế này, thế này, này...*

— *Nhưng người con gái đó là chị tôi...*

— *Ồ, thế thì anh cứ quăng đại chị anh xuống hồ tắm ít lần thì tất nhiên sẽ biết lợi.*

Một Khoa Học mới

Số 1 là con số MẠNH, biểu hiệu nguồn sinh lực bất tận dưới ảnh hưởng chi-phối của Thái-Dương tinh — Năng Lực của mọi Năng lực

★ Thăng-Tiến

● Đặc điểm 1

NHỮNG bạn nằm trong vòng vận hành và ảnh hưởng của số 1 là những nhà tiên phong, những nhà phát minh.

Với một ý chí mạnh mẽ, một tinh thần cương quyết, một bản tính độc lập, họ là những người rất tự hào về họ cũng như về những công cuộc họ đã thực hiện. Có tài lãnh đạo, chỉ huy, tổ chức, nếu không gặp những nghịch cảnh, và nếu mệnh số (xem ở phần cuối sách) cho phép họ phát triển đầy đủ tài năng này. Những người mà tên họ ghép lại thành số 1 là những người không bị chi phối dễ dàng, chẳng hạn ta sẽ rất khó khăn thuyết phục họ bỏ chính đạo theo tà đạo, cũng như ngược lại.

Họ không thích bị cản trở, trong khi thực hiện những kế

hoạch, những dự định. Và chẳng sẵn bản tính chuyên chế, một khi nếu không được xử dụng đúng mức nó sẽ biến thành độc tài. Tính tình rộng rãi, nhưng đôi khi vì lòng tham vọng thiếu thực tế viễn vông, làm cho trở thành ích kỷ, bất chấp (hậu quả của sự quá tự hào, tự cao trong những thành công của họ). Biết khéo léo xử dụng một cách tích cực, tài điều khiển, chí cương quyết của họ là những đức tính đáng miễn phục, nhưng nếu xử dụng một cách tiêu cực, cùng những đức tính đó sẽ trở nên khó chịu, nham hiểm.

● Cá tính 1

Thường thường mới thoát gặp, họ đã đề lại một ấn tượng sâu đậm nơi những người khác. Họ ở trọng tâm các lãnh tụ của mọi giới trong xã hội.

MỘT KHOA HỌC MỚI

Sở thích của họ : ham hoạt động, yêu thích bận rộn vì công việc, đi đây đi đó. Thường thường họ có khiếu khôi hài chọc cười thiên hạ rất tài cũng như rất dễ nổi cơn lôi đình sấm sét.

Có tài, họ tự biết vậy và rất muốn có nhiều người thần phục ngợi khen, nếu họ điều khiển được khuynh hướng thích khiến chế người khác phải cháng — nhiều bề bạn sẽ ca ngợi họ. Mặc dầu thiếu uyển chuyển trong cách xử thế, tiếp vật cũng như sai lạc trong sự phán đoán, tự họ là những bạn rất tốt.

Khi vào lúc dễ chịu, tính tình sốt sắng và rộng rãi, làm cho họ sẵn lòng làm đẹp ý bề bạn không tiếc. Tuy nhiên phải đề phòng nếu chẳng may ta có một kẻ thù là họ — những người mà tên họ ghép lại thành số 1.

Họ không dễ dàng bỏ qua, cũng không dễ dàng tha thứ cho ai đâu, khi cơn giận vụt đến, họ có thể thẳng tay hăm hại ta, dù phải tàn nhẫn. Có lẽ đứng về phương diện tâm lý mà xét, họ rất nhạy cảm nên rất dễ mịch lòng. Đối với họ, câu « Miếng ngon nhớ lâu, điều đau nhớ đời » là một tục ngữ rất đúng. Họ không muốn ai không tán thưởng ý kiến của họ đưa

ra, càng không thích ai chống đối.

Bản tính vô đoán, rất dễ kích động, nóng nảy làm cho họ khi đã nổi xung là không ngại sỗ sàng mặt sát ai thậm tệ cho vuốt mặt không kíp. Tính tình như vậy đó, nhưng ta đừng mong họ thú nhận. Không những họ không nhận chân, nhưng còn cố che lấp gia đình, bạn bè — cũng như ngay chính cả lòng họ. Nhân vô thập toàn, bên những ưu điểm, ai cũng có những khuyết điểm. Tôn trọng sự thật, nên chúng tôi không ngần ngại nêu lên ở đây tất cả những gì liên quan đến họ.

● Tình yêu và hôn nhân 1

Khi chọn một người bạn lòng, những bạn mang số 1 cần phải biết hạn chế bớt khuynh hướng nhiếp phục. Bản tính vốn ưa khiến chế, lấn át người khác, bạn bè thân quyến.

Một người thân càng sống gần họ càng tỏ ra chuyên chế hơn. Họ cũng là những người dễ thương lắm chứ, nhưng gặp những nghịch cảnh, tính tình nóng nảy và lòng âu yếm sẽ tan biến hết, kinh nghiệm đã chứng tỏ qua thời gian, trong phạm vi hôn nhân, họ rất hẹp

với những bạn mang số 2 hay số 6.

Những người này vì tâm hồn cũng như tính tình dịu dàng dễ hòa đồng được với bản tính sôi nổi của họ, do vậy họ sẽ tìm thấy hạnh phúc gia đình. Những người mang các số 3 và 4 cũng có thể xây dựng hạnh phúc chung với các bạn được, miễn là các bạn cần phải kiên nhẫn bớt nghiêm ngặt và chế ngự.

Các bạn cũng có thể kết hôn với những người mang số 5 và 7, tuy nhiên, cả hai bên đều thấy khó hiểu nhau đầy đủ. Các bạn phải hết sức thận trọng nếu định kết hôn với những ai mang số 8 hay 9 (vì những khác biệt không thể dung hòa trong tính tình) — hay những ai mang số 1 giống như các bạn. Cuộc thành hôn này nếu xảy ra chỉ là những cơn giông tố bất hòa, khiến cho hai bên cũng thấy khổ sở.

● Nghề nghiệp 1

Các bạn mang số 1 là những bạn dù làm gì cũng tỏ ra cá tính độc đáo của họ. Tuy có khiếu sáng tạo, các bạn đã từng phụng sự cho nghệ thuật, vẫn tự thấy mình dễ thành công trên cương vị một người

tổ chức, một người quản lý hơn là trên cương vị một nghệ sĩ thuần túy.

Chẳng hạn, nếu hoạt động trong phạm vi kịch nghệ, các bạn sẽ thấy thành công dễ hơn trên cương vị một nhà sản xuất (phim ảnh v.v.) một giám đốc hơn là một nam hay nữ diễn viên, hay trong phạm vi báo chí, các bạn muốn làm chủ nhiệm, chủ bút hay là một phóng viên, một ký giả.

Sự miễn cưỡng, sự nhụt trí là những yếu tố thành công giúp các bạn hoạt động đắc lực trong nhiều ngành trên lãnh vực khoa học. — nhất là bạn theo đuổi các chức vụ như nhà nghiên cứu, nhà phát minh hay kỹ sư.

Tuy nhiên, trong lãnh vực khoa học (cũng như các lãnh vực khác) các bạn sẽ hoạt động hữu hiệu hơn, nếu được làm một mình với quyền hành biệt lập.

Về một phương diện khác, phải công nhận gần như là kiên nhẫn, các bạn mang số 1 có một khiếu kinh doanh rất giỏi. Vì trên lãnh vực kinh doanh cũng như mọi lãnh vực hoạt động khác, những đức tính điều

khiến, cương quyết cũng như lòng tham vọng cầu tiến, nơi các bạn mang số 1 luôn luôn được ưu đãi, được mời cộng tác. Trên cương vị một người làm công, các bạn rất siêng năng chịu khó làm việc, có lương tâm chức nghiệp, nhưng thường thường, nếu làm việc chung với các cấp chỉ huy trực tiếp, là xảy ra những chuyện bất đồng ý kiến, cọ xát, thương tổn. Thiếu mềm mỏng, khéo léo trong cách xã giao và nhất là bao giờ các bạn cũng khẳng khái là mình đúng, mình có lý làm cho các bạn (cũng như những người làm việc liên hệ phải tiếp xúc thường xuyên) gặp nhiều sự khó chịu trái ý bức dọc, các bạn sẽ chuốc lấy nhiều kẻ thù, nếu các bạn đó không biết giới hạn lòng tham vọng lại, nó làm cho họ bất kể mọi trở lực, muốn tiến quá nhanh để tiến xa.

Trên cương vị chủ nhân, các bạn số 1 có thể chịu nhượng bộ đôi khi, khoan dung đôi lần, kiên nhẫn đôi chút, rồi những lần sau đó, lại đầu hoàn đó. Vì như ta đã biết: « Thói quen là một bản tính thứ hai » là kết quả của những hành vi phát động liên tục thường xuyên.

Nhưng các bạn đó luôn luôn thu hút người vì lòng nhân diện cũng như trí sáng kiến. Một người chủ mang số 1 có lẽ không ngần ngại tổng cổ (cho nghỉ việc) một người làm công, nếu người này tỏ ra dám mơ ước hay bàn tán đến công việc của họ, nhất là nếu người đó đại dật bực lộ sự khao khát nắm địa vị đó.

Và bàn trên một khía cạnh khác, người chủ mang số 1 đó thường là một người đáng để ta học hỏi — như một giáo sư chuyên nghiệp vậy, về khoa kinh nghiệm cũng như về tài tháo vát, dẫn đạo.

● Tiền Bạc 1

Những bạn mà tên họ hợp lại thành số 1, có những khả năng thiên bẩm để tự-tạo lấy cho mình danh-vọng cũng như sản-nghiệp — nếu họ chế-ngự được tính nóng nảy bất nhẫn và sự làm việc thiếu tính toán, thiếu tiên liệu.

Họ xài tiền cũng dễ và mau như hồi họ kiếm tiền vậy, thực ra, đã không ít người trong số họ đã tạo nên đề rồi phá sản không những chỉ một, hai phen,

mà tới đến 3 phen nữa trong hiềm khác.
đời họ. Trong vấ

Những bạn mang số 1, nếu vốn liếng chỉ có giới hạn thời, thường phải mang công mắc nợ vì đã lo mua sắm những thứ họ cần cho công cuộc phát triển làm ăn, hay họ tưởng là phải cần có mới được.

Còn những bạn có nhiều vốn
đề đầu tư thì lại sẵn sàng huy
hoạch vào những cuộc đổ đen
hay bỏ hết ra để theo đuổi những
cuộc đầu cơ phiêu lưu, hoặc
những công cuộc mưu-tính mạo

1-1-1-1-1-1-1-1-1-1-1-1-1-1-1-1



● TUỔI CỦA QUẢ ĐẤT

Bác-sĩ Revelle, Trưởng Phái-đoàn Hải-học Pháp, sau khi đi thám hiểm các bể miền Nam vè, tuyên bố rằng bể dầy của lớp bùn cặn dưới đáy bể là 180 thước.

Theo sự tính toán thì thời gian để tạo ra được lớp bùn cần
kia phải là một trăm triệu năm lịch-sử địa chất tức là từ ngày
quả đất thành hình đến nay phải là 2 tỷ năm.

P. C.

LÊ VĂN TƯỜNG

★ Trần-Tuấn-Kiệt

ĐÂY không phải một bài viết có tính cách khoe gọi ở lòng mến thương của đọc giả, của anh em văn nghệ đồng thời với Lê-văn-Trương, cũng không cần phải là một bài nói lên sự có mặt của mình trong giờ phút tranh-sông của Lê-văn-Trương. Chính tôi, người đã được hân-hạnh một cách buồn-khổ, khi cùng một người cháu của ông tên là Phú, đưa ông lên táng lâu thứ ba, gọi là trại ba trong bệnh viện Sài-gòn.

Cũng không cần gì nhắc
nhở đến về sự nghiệp, văn

chương, và triết lý Người Hùng của ông, kẻ viết bài này chỉ xin nói đến cái giờ phút đau-thương của ông mà thôi.

Khi được tin ông Nguyễn-Vỹ cho hay Lê-văn-Trương sắp chết, và nhờ tôi đến xem sự thể ra sao, tôi ngạc-nhiên gần như hốt-hoảng, bởi vì Lê-văn-Trương với tôi gần gũi quá, gần gũi mấy năm gần đây trong căn nhà ở hẻm Bùi-Viên, gần trong những giờ Lê-văn-Trương say sưa kể chuyện đường rừng, trong lúc Lê-văn-Trương ngâm thơ Quang-Dũng, Lê-văn-Trương

viết văn nhưng lại say thơ, và tỏ vẻ phục Vũ-hoàng-Chương lắm. Ban đêm nếu không đi dạo, Lê-văn-Trương thường ngồi khom lưng mân-mê, đùa với mấy con mèo của ông. Có người nói mèo chết Lê-văn-Trương khóc tới ba ngày, khóc và kẻ lẽ thậm thương còn hơn con của ông ta chết ! Rất đúng. Ông thương mèo đến nỗi tôi nghĩ tiền-kiếp của ông có lẽ là Mèo cũng nên. Nhà ông thường rộn-rập bóng dáng những người bạn thanh-niên, ít khi gặp người cùng thời cùng tuổi ông lui tới viếng thăm. Và Lê-văn-Trương chơi với bạn trẻ, chơi với mèo, ngâm thơ san sát suốt đêm, háng hái say sưa còn hơn những người còn đầy đủ sinh lực nữa. Giọng ngâm thơ từng đoạn vang lên rồi lại trầm xuống, đôi lúc tắt nghẹn khiến tôi nghĩ đến tiếng gấm giữ của một loài dã nhân trong rừng rậm, dã nhân mà trước kia là loài người, đã từng sống oanh liệt, đã từng chơi hào hoa, đã từng là một vị *Chủ Soái* cầm quân băng rừng, đã từng là một *Mạnh Thường Quân* ! Nhưng buổi xế chiều đã hiện thân thành loài dã

nhân trong rừng rú không cần phải hồi tiếu, than vãn những gì hết !

Sau này, lý tưởng *Người Hùng* của Ông ít nghe ông nhắc tới, ông hay ngâm thơ nhiều hơn. Ông đã quên nhiều và buồn nhiều, cái buồn từng trải đời người, buồn của một *Tâm Hồn Cao Đẹp* đúng với ý nghĩa của nó

Lê văn Trương bằng lòng với cái *Chơi* của mình, đó là điều mà chính tôi nghĩ ông không là một kẻ thất bại, hay bất đắc chí vì một ước vọng nào cả. Ông không cần nghĩ đến chính trị hay nghệ thuật, triết lý tư tưởng gì đâu, nói như thế không có ý phủ nhận triết-lý, văn chương của ông.

Nhưng lại là một người *Khoái* (1) chơi, biết chơi ! Chơi mà không biết chán. Như một lần ông nói với tôi trong một đêm, Ông có tiền!!! rú tôi và ba người con nuôi, dắt nhau xuống *Quán Biên Thủy* ở chợ Cầu Ông Lãnh ăn cháo cá. Tôi hỏi ông có buồn

(1) Chữ *khoái* đây là tiếng của ông hay hét lên khi làm xong một việc gì thích thú.

không, ông trả lời thật háng hái :

— Tao biết chơi nên không buồn, không chán, chỉ tại người ta không biết chơi nên phải buồn vậy. Rồi ông nói về cái cách chơi của ông. Tôi tiếc không thấy được Tân Đà chơi, chỉ nghe nói ông ta rất phong lưu. Nhưng tôi đã nghe, đã thấy đã sống với Lê văn Trương nên biết thú chơi của ông lắm ! Cả đến cái việc chơi không có gì ! Chơi với mấy cái khoen sắt, mấy cái roi ngựa cũng đã là thú rồi.

Và tôi không ngần ngại nói rằng : văn chương nghệ thuật nào lại không thể hiện nên một đời sống lý tưởng, và cái lý tưởng sống của loài người đó là biết sống, và biết sống tức phải biết *chơi*, cái *chơi* đó chính là lẽ sống của đời người vậy. Cái chơi của một *Lý Thái Bạch*, của một *Tân Đà* không hẳn là một cái chơi tầm thường.

Lê văn Trương già, đói và nghiện, đó là những cái tật, những thói xấu, những tội lỗi của một nhà văn chăng ? Thật ra, Ông cũng chẳng coi ra gì những lời khen chê về Ông, vì có ai hiểu thật lòng ông

đâu. Một kẻ nghiện biết nhìn cơn ghiền để lấy tiền giúp đỡ một kẻ đau gần chết thì kẻ nghiện đó đáng cho chúng ta cúi đầu. Một người nghiện mà suốt đời không một lời hờn oán ai như Ông, tất khó tìm ra người thứ hai trên đời này. Kẻ viết bài này đã từng chứng kiến nhiều trường hợp đó, và cũng đã từng biết những trường hợp phản bội, bất nhân của vài người trong lớp Ông.

Đau nhứt là ở phút cuối cùng, ông biết mình chết, đem hết tinh thần để chống với cái chết, thật quá đổi bi đát trên giường bệnh ở Bệnh viện Sài Gòn.

Chúng tôi đỡ ông lên đến tầng thứ nhì, Ông mệt lả ra, chân co rúm lại, tôi sợ Ông chết bất tử trong tay mình. Ông ngồi dựa lưng vào vách thang, thở dốc.

Một lát người y tá bảo đỡ ông lên mau, chúng tôi mỗi đứa cắp một bên nách đỡ Ông đi lên. Khi đó thì, bợt từ bụng Ông sôi lên mép ứa ra ngoài.

Ngồi được trên giường bệnh rồi, Ông dựa vào vách tường nghỉ mệt. Tinh thần vẫn sáng

suốt. Tôi đưa năm trăm đồng (500đ) của Nguyễn-Vỹ, Ông cầm và móc cái bóp đựng đầy giấy năm trăm ra bảo Phú đi mua gỏi, lon uồng nước, Phú đi xuống đường. Ông gọi tôi:

— Tao có tiền nhiều lắm, mấy đi mua dùm tao một cái đồng hồ Wyler và một sợi giây đeo bằng vàng y.

Tôi lầy lăm lẹ, nhưng Ông nói mau:

— Đi mua đi, ráng giúp tao lần cuối, nghe lời tao đi.

Ông đưa tôi thêm một ngàn nhập với 500 của Ông Nguyễn Vỹ, và dặn:

— Đi mau, tao cần đeo để xem giờ.

Xuống lầu ra đường, tôi gặp Phú, anh bàn không nên mua vì số tiền này là tiền của ông bán nhà, lấy bạc cọc trước 10.000\$. Sợ khi lành bệnh ra rồi, không còn tiền xài, và không còn nhà để ở nữa.

Tôi và Phú trở lên. Phú khòm xuống nói với ông, định không mua đồng hồ.

Lần đầu tiên tôi thấy Lê văn Trương nổi giận, ông hét lên làm giật mình những người đang nằm chung trong phòng.

Ông la rầy anh Phú khiến anh tái mặt, rồi ông quay lại tôi:

— Ráng giúp tao lần cuối, nghe lời tao, tao cần có nó để mang đi...

Tôi nghe rờn-rợn gáy, nghĩ tới cái chết mà ông đã tự biết trước. Ông muốn có một vật gì ở bên mình để mang theo.

Lập tức tôi mang tiền xuống chợ tìm mua đồng hồ và giây vàng cho Ông. Giữa trưa, tìm không ra tiệm bán đồng hồ Wyler, tôi vào tiệm vàng mua hai chỉ vàng giá 1.400\$ cả vàng lẫn công thợ. Đó là lần đầu tiên tôi biết được giá vàng mỗi chỉ là 650\$.

Thầy tôi đem vàng về, Lê-văn-Trương bằng lòng lắm, nhưng Ông lại bảo tôi đi mua cho được cái đồng hồ Wyler. Ông đưa tôi thêm tiền, tất cả là 1600\$, bảo đi mua cho được đồng hồ và giây mạ vàng. Tôi xuống đường gặp Phú, lần này tôi không mua và trao cả tiền cho Phú, bảo đem về gởi cho Ông. Còn tôi, mệt và đói lả, tôi kêu xe về nhà.

Phú thì về tìm bà Trương, lúc đó đã đi đâu vắng. Qua ngày sau, tôi ngồi sửa bài ở Tòa soạn Phổ-Thông thì có

người báo Lê-văn-Trương chết. Tôi không ngạc nhiên lắm, vì Ông quá mệt mỏi. Nhưng tôi còn nhớ, Lê-văn-Trương lúc gần chết, ở Bệnh viện, tinh-thần vẫn sáng suốt và còn đùa với người tiêm thuốc (tôi không biết là Bác sĩ hay Y tá). Khi người đó tiêm vào làn da tay sần sùi đầy gân của Ông, mấy lần rút ra, rồi lại tiêm vào, mà thuốc không xuống. Ông hình-hình nói khao-khao, giọng lúc đó đã mệt lắm, nói những gì nghe không rõ, nhưng nét mặt thích-thú lộ ra tươi tỉnh lắm.

Nguyễn Vỹ và tôi đến thăm bà Trương. Nguyễn Vỹ dở tờ giấy đắp mặt Lê-văn-Trương và đặt tay lên trán ông. Lúc đó Lê-văn-Trương đã không còn mang một ý nghĩ một nỗi buồn vui gì ở đời nữa. Ông chỉ là một xác không gầy guộc, mắt nhắm như ngủ, đôi gò má xương xẩu nhô lên đen

xạm và làn da mặt xanh mét.

Lúc đó bà Trương (một người đàn bà đã sống đau khổ khờn cùng với ông suốt hai mươi lăm năm trời). Bà Trương đang kêu gào, ôm cứng xác ông, không cho người hàng xóm khâm liệm dùm.

Tôi ra ngoài đợi Nguyễn Vỹ và cũng để tránh cảnh đó, tôi muốn quên hết cái khung cảnh đó. Cái khung cảnh người chồng chết vợ ôm xác, và người con gái mệt mỏi của ông ngồi dưới chân ông yên-lặng đên lạnh người. Hàng xóm thương tiếc ông, họ giúp bà Trương may tang phục; chung quanh đường hẻm cạnh nhà Nguyễn Vỹ đứng thật lâu rồi ra. Tôi và Nguyễn Vỹ ra đường, khi chia tay, Nguyễn-Vỹ nói:

— Anh thầy chưa, kiếp nhà vẫn như vậy đó.



* BỆNH VỰC KỂ YẾU

Cún đi học về, cúi gằm mặt đi đầu mấy vết thương bầm tím. Mẹ Cún tỉnh mắt thấy và la rầy con:

— Trời ơi, mẹ đã khuyên con đừng đánh lộn, thế mà con vẫn không chừa...

— Thưa mẹ, lần này con có đánh lộn đâu, con chỉ bệnh vực đứa nhỏ bị thằng lớn hiếp đáp.

— Ô, thế thì con can đảm lắm! Nhưng đứa nhỏ kia là con của ai vậy?

— Thưa mẹ, đứa nhỏ đó là con.

★ ★ ★ le cygne ★ ★ ★

Sans bruit, sous le miroir des lacs profonds et calmes,
Le cygne chasse l'onde avec ses larges palines,
Et glisse. Le duvet de ses flancs est pareil
A des neiges d'avril qui croulent au soleil.
Mais ferme et d'un blanc mat, vibrant sous le zéphire,
Sa grande aile l'entraîne ainsi qu'un lent navire.
Il dresse son beau col au-dessus des roseaux,
Le plonge, le ramène allongé sur les eaux,
Le courbe gracieux comme un profil d'acanthé,
Et cache son bec noir dans sa gorge éclatante.
Tantôt le long des pins, séjour d'ombre et de paix,
Il serpente et, laissant les herbages épais.
Traîner derrière lui comme une chevelure,
Il va, d'une tardive et languissante allure.
La grotte où le poète écoute ce qu'il sent,
Et la source qui pleure un éternel absent.
Lui plaisent, il y rôde ; une feuille de saule
En silence tombée effleure son épaule
Tantôt il pousse au large, et, loin du bois obscur
Superbe, gouvernant du côté de l'azur
Il choisit, pour fêter sa blancheur qu'il admire,
La place éblouissante où le soleil se mire.
Puis, quand les bords de l'eau ne se distinguent plus,
A l'heure où toute forme est un spectre confus
Où l'horizon brunit, rayé d'un long trait rouge,
Alors que pas un jonc, pas un glaïeul ne bouge.
Que les rainettes font dans l'air serein leur bruit,
Et que la luciole, au clair de lune, luit,
L'oiseau, dans le lac sombre où sous lui se reflète
La splendeur d'une nuit lactée et violette,
Comme un vase d'argent parmi les diamants,
Dort, la tête sous l'aile, entre deux firmaments.

★ SULLY — PRUDHOMME
(Les Solitudes)

Bạch-ngà ★ ★ ★ ★ ★

Im lìm, dưới mặt gương hồ
Bạch nga dõn sóng xõe-xõe đôi chân
Lướt êm. Lòng nổi tơ-măng
Như màu tuyết đục dần tan dưới trời
Rung-rinh trước gió hơi-hơi
Khác nào thuyền chậm lê đôi buồm ngà
Trên lau nghênh cò nọ nà
Nhúng đầu, duỗi thẳng xuống tà nước yên
Mình cong duyên-dáng nghiêng nghiêng
Trong hầu chói lợi mờ huyền xinh xinh
Hàng thông dài bóng thanh-hình
Dạo quanh, cò rạp như hình chuỗi sao
Bước như chẳng muốn bước mau
Chim đi trong dáng mòn hao thần thờ
Nơi thi-sĩ lắng hồn thơ
Cố hương, suối khóc người mơ muôn đời
Bạch-ngà vui thú rong chơi
Trong im mơn-trớn liễu rơi vai mềm
Lướt khơi, xa lánh rừng thiêng
Âm u ngạo-nghe ngự riêng góc trời
Sắc ngà kiêu nể khoe tươi
Rời mênh-mông nước, chơi vơi bóng dầy
Xám chân trời, đỏ nét mây
Lặng, không đưa nhẹ một cây cối buồn
Im, không động cánh lay-ơn
Nhái đồng tấu vẳng khúc đờn lê-thê
Trắng trong, lửa đỏm lập-lòe
Đáy hồ, tím thâm, mặt mờ bóng đêm
Mặt hồ u tối, đáng chim
Nồi như bình bạc giữa nền kim cương
Rúc đầu dưới cánh đầm sương
Bạch-ngà say mộng giữa giường nước mây

★ N. Dịch

một vài chuyện tình

phương

Âu

★ Nguyễn-văn Cồn
(Paris)

(tiếp theo P.T. 122)

Chuyện công chúa Irène tự mình thoái bỏ quyền lợi hoàng gia của mình để theo đường tình ái, làm cho tôi nhớ đến một chuyện tình của một ông vua Anh quốc, vua Edouard thứ Tám.

Năm 1936, Vua Georges V băng hà, đồng cung Thái tử, tức là Prince de Galles (hoàng tử Đờ-Gan) lên nối vị. Ngày lễ Đăng-quang đã định, nhưng thỉnh linh có tin là vua Edouard muốn kết bạn trăm năm với một thiếu phụ người nước Mỹ. Thiếu phụ này là ai? Tức nhà vua phải cho chánh phủ

và dân chúng Anh được biết rõ, và để xem Thượng và Hạ Nghị-viện có ưng chuẩn hay không?

Người thiếu phụ Mỹ là bà Simpson tức là một người đàn bà đã có và đã bỏ chồng, mà lại bỏ hai lần, nghĩa là bà đã có hai đời chồng, và lần nào cũng « cơm không lành, canh không ngọt » nên đã bỏ nhau.

Có thể nào một Anh-hoàng đưa lên ngôi hoàng hậu một người đàn bà đã « hai lần đàn Tư-Mã ngang cung » hay chăng? Nhất là nhà Vua phải

MỘT VÀI CHUYỆN TÌNH

làm gương mẫu cho toàn dân!

Dư-luận Anh-quốc và thế giới xôn xao, vì nước Anh lúc ấy là một đại cường quốc giữa lúc thế giới đang cần phải đối phó với Hitler, Mussolini, bọn quân phiệt Nhật-bản, và lãnh tụ Cộng sản Staline.

Lúc ấy Edouard đã 42 tuổi, và dân chúng Anh yêu quý đồng cung thái tử « Đờ Gan » từ ngày mới đẻ, tức là lòng yêu quý đã ấp ủ trong 42 năm! Đùng một cái! lòng yêu quý ấy có thể bị đảo điên, và có thể xảy ra một việc rất hiểm có trong lịch sử Hoàng-tộc Anh-quốc : tức là « một là quốc-vương phải bỏ dứt tình yêu cá nhân, hai là phải thoái vị, và bỏ dân, bỏ nước ra đi! »

Câu chuyện đem ra bàn cãi gay go, sôi nổi, diễn đảo tại Quốc-hội, và những lãnh tụ như Baldwin, Churchill là những thần dân trung thành, tận tụy với Hoàng-tộc phải đương đầu với phe đối lập.

Trong thế giới, dư luận bỗng bật càng ngày càng tăng và các nước bạn e ngại cho sự biến cố tại nước Anh.

Tại nước này, các chánh trị gia và luật gia đã nghĩ đến việc

« hòa giải », tức là để cho Vua kết duyên với bà Simpson theo thể cách « giảm quyền người vợ » (mariage morganatique) (theo luật pháp các nước quân chủ, khi một ông hoàng cưới một người làm vợ, mà người này « hèn kém » thì quyền hạn người vợ bị giảm rất nhiều).

Nhưng việc hòa giải này cũng bị quốc hội gạt bỏ. Thế là vua Edouard phải lựa chọn. Ông nhất quyết chọn Ái-tình! Như vậy tức là ông đã chọn con đường thoái vị và khừ quốc.

Nhưng dân chúng Anh lại rất yêu chuộng và quyền luyến Hoàng gia, nhất là hoàng tử « Đờ Gan ».

Quốc hội nhia hai, dân chúng bức tức, hoang mang, ngày đêm hàng ngàn người tụ họp trước điện Buckingham (nơi vua ở). Nước Anh sẽ có nội loạn và như thế, chỉ lợi cho các nước Đức, Ý và Nhật đang kiếm cách chằm ngòi chiến tranh.

Nhưng phép nước và hiến pháp cần được bảo vệ và tôn trọng. Quốc-hội buộc vua phải thoái vị.

Rồi trong một đêm, trước

các lãnh tụ (trong đó có Churchill, Eden...) bao nhiêu nghị-sĩ (cả phe đối lập) nước mắt tràn trụa, trước nghìn vạn dân chúng đã mấy ngày đêm đứng, ngồi, nằm tại các đường phố xung quanh hoàng cung, vua Edouard lên xe ra đi, để lại ngai vàng cho em, tức là vua Georges VI; và Edouard chỉ còn là «Duc de Windsor» (quận công Vinh-Sô); một chiếc tàu chiến đưa vua qua biển Manche sang nước Pháp!

Ôi! mãnh lực của ái-tình! Ngày nay, ông Quận « Vinh-Sô » vẫn còn lang thang nước này qua nước khác, sống một đời tha hương cô quốc!

Cảm về chuyện tình gay go này, có một không hai trong thời cận đại, một nhà nho Việt Nam, ông Từ-Đàm (đừng lầm với ông Từ-Đạm) ngẫu hứng có làm một bài « hát nói » rất hay. (Anh Đàm-quang-Thiện, hiện nay ở Sài-gon, và cũng có viết trong Phở-Thông, đã lâu lắm có đọc bài thơ ấy cho tôi nghe. Hôm nay, từ Paris tôi xin chép lại hiên bạn đọc; nếu có chỗ nào sai lầm, anh Thiện sẽ bổ chính ở Phở Thông kỳ sau).

Bài «Hát nói» như sau đây:

MƯỠU

Ai xui cho nước đổi ngôi?
Cho dân đổi chúa, cho đời
xôn xao?
Cô mình tốt đẹp nhường
bao?
Hỏi ra thì đã hai tao, lộn
chồng!



Tám trăm triệu thần dân la bối.
Trên ngai vàng nào phải không
sang!

Sơ oai quyền trong bọc đế
vương,

Đời thứ tám Anh-hoàng là đệ
nhất!

Cô gái Mỹ hẳn người đẹp ngất!
Một tiếng cười âu nước mắt
nhà tan!

Thế cho nên Hoàng-tử Đê-Gan.
Đành thoái-vị để tròn lời ước
hẹn.

« Câu chuyện gay go trong
luồng viện,

Sóng tình dỗi dặt khắp năm
Châu;

Thảo nào xưa hiền triết có câu:
Trước gái đẹp công hầu đều
bé cổ.

Hiềm một nỗi cái đời cô á
Đã hai lần dân Tư Mã ngang
cung,

Lấy chồng vua rày cô hẳn cam
lòng,
Hay núi nọ cô còn trông núi
khác?
Chữ tình duyên lỡ một mai
chéch mác!
Áo hoàng bào còn khoắc lại
được không?
Mấy lời nhẩn nhủ Đức Ông!

Thật là một bài thơ châm
biếm chua chát!

Về cử chỉ của vua Edouard thứ Tám, ngày nay người ta còn tự hỏi, đó là vì tình, hay một lý do chính trị! Dầu sao đối với dư luận, thì Vua Edouard đã bỏ ngôi báu vì muốn được kết duyên cùng bà Simpson.

«Cho hay là giống hữu tình!»

Cũng đầu năm nay, tại vùng ngoại ô Paris, gọi là Aulnay-Sous-Bois, không xa « Cửa Hoa Xoan » (Porte des Lilas) tôi ở là bao nhiêu, cũng đã xảy ra một vụ tình làm cho dư luận xôn xao.

Nhưng đây không phải chuyện tình của hạng vương bá, mà là chuyện một thiếu nữ Pháp thuộc hàng bình dân (cha cô này làm thợ). Cô tên là Jacqueline, tuổi vừa 18.

Trong vụ nghĩ hè vừa

qua, cô đi du lịch sang xứ Tây-ban-nha. Nơi đây cô gặp một chàng thanh niên 20 tuổi, Trước lạ sau quen, rồi hai người yêu nhau và dự tính cuộc trăm năm.

Cô Jacqueline về nhà, trong mấy tháng tuy không nói với cha mẹ, những « vẫn thầm mong, trộm nhớ ». Thê rồi đầu năm, cô thú thật với cha mẹ là đã có yêu một chàng trai và xin phép cha mẹ được kết duyên cùng chàng.

Chuyện đền đây chẳng có gì là lạ, vì có thể xảy ra hàng ngày bất cứ ở nơi đâu, và không có nhà báo nào, dầu « tung tin tức đền đầu », cũng không thêm bận tâm viết một nửa giòng!

Nhưng chàng trai trẻ mà cô Jacqueline yêu đầu lại là một người Đức, ở thành phố Hambourg.

Chắc ai cũng còn nhớ trận thế giới chiến tranh 1939-45, và nước Đức đã đánh bại nước Pháp và chiếm đóng nước này trong 4 năm. Nhưng cũng không phải vì lý do ấy mà có sự ngăn cản cho cuộc tình duyên của cô bé 18 tuổi.

Cha mẹ cô không ưng thuận

vì gia đình người anh của cha cô (vợ chồng và một đứa con gái 5 tuổi) đã bị quân Đức giết chết trong một trường hợp mà dư luận thế giới đã cho là quá dã man!

Khi quân Đức vào chiếm đóng nước Pháp, thì dân chúng nổi dậy kháng chiến và các chiến khu được lập ra khắp mọi nơi, thành thị cũng như thôn quê.

Tại làng Oradour-sur-Glane thuộc quận Haute-Vienne, ngày 17 tháng Juin năm 1944, một toán quân Đức đi ngang làng này. Quân du kích chặn đánh.

Bên quân Đức, chết một người lính và một sĩ quan bị thương.

Tức khắc, tên đại tá chỉ huy toán quân S.S. này (Sections d'assaut), tức là một thứ lính hung dữ nhất trong quân đội Đức ra lệnh trả thù và họ thả bọn này vào làng Oradour.

Một tiếng lệnh do một sĩ quan hô lên, tức khắc đoàn « sài lang » này, tay cầm súng liên thanh hay súng lục, rậm rộ, vùn vụt chạy vào làng. Lúc đó chúng nó là những con chó sói đói lột người! Những con chó sói khát máu nóng do một cửa Địa-Ngục thả ra!

Những người đàn bà, đang ở cánh đồng, hay ở trong

vườn hái rau bị chúng sả súng bắn nát óc; những ông già lòm khòm đang cày bừa hay phát cỏ bị báng súng đập chết, hay bị lưỡi lê đâm qua bụng; những trẻ con đang nô đùa trước nhà bị quân SS kẻ hòng súng vào người bắn tan nát, những thiếu phụ đang cho con bú bị đâm lòi ruột, còn đứa bé bị giựt khỏi tay mẹ, và một tên lính Đức người cao một thước tám « có bộ ngực như tử kính », cầm chân đứa bé xoay mấy vòng, rồi đập đầu nó vào tường, nát tan như ta bóp quả trứng, óc và máu dính cùng tường.

Một đám trẻ con bảy tám tuổi đang ngồi ở trong lớp học, bọn SS xông vào chĩa súng liên thanh bắn chết không sót một đứa, cô nhiên cô giáo bị bắn trước tiên.

Sau khi chúng nó đã đâm chém, bắn giết mọi tay rồi, còn bao nhiêu dân làng, chúng nó xô đẩy vào nhà thờ (tất cả gần 200 người, đàn bà, trẻ con, ông già và cả ông « cha » sở tại); chúng nó dồn họ vào trước bàn thờ, rồi ra lệnh xả súng liên thanh bắn như mưa, tiếng la khóc kêu than lẫn với tiếng súng, nhiều người chết và nhiều người bị thương. Quân Đức đem vài thùng dầu sáng tưới vào, đóng cửa lại rồi châm lửa đốt!

Hai trăm người, chỉ còn một người sống sót! Cả làng, dân số là 636 người, chỉ còn lại 6 người.

Đọc tờ phúc trình trên đây, người ta rùng rợn, ngơ ngác! Những tên lính Đức ấy không biết chúng nó có hổ thẹn với danh từ « chiến sĩ » chăng? Những sĩ quan, nhìn lại binh phục và « lon » của mình, có cho đó là vết dơ muôn đời của Quân đội họ chăng? Những tên tướng đã ra lệnh ấy, họ có biết là quốc-kỳ của họ thiên thu còn hoen ố, nhục nhã chăng?

Đền nay nói đền Oradour, dư luận thế giới còn thóa mạ bọn Đức Quốc Xã, mặc dầu Tòa Án Quốc-tê Nuremberg đã xử tử những tên thủ lãnh. Hàng năm người Pháp vẫn làm lễ truy điệu các nạn nhân Oradour, và dân chúng ở vùng này đến viếng mộ những kẻ chết oan và đặt những tràng hoa nhớ tưởng. Và có lẽ hàng năm, cha cô Jacqueline vẫn đến khóc trước mộ gia đình người anh.

Ông không cầm con ông kết duyên với chàng trai người Đức, nhưng ông chỉ cho con biết nếu ông có một chàng rể người Đức, thì tức là luôn luôn nhắc lại cho ông và gia đình « vụ ghê tởm ở Oradour ». Vì thế, nếu cô Jacqueline như định chọn đường tình, thì tốt

hơn không khi nào cô nên trở lại gia đình nữa.

Sau ba bốn ngày khóc hết nước mắt, cô Jacqueline đã viết thư đoạn tuyệt với chàng trai nước Đức, mặc dầu các báo chí nước này đã lên tiếng bênh vực « mối tình yêu » của hai người.

Nhưng cô Jacqueline đã vì gia đình, vì mối di-hận của chiến tranh mà hy-sinh mối tình yêu. Cô gái bình dân đã lựa con đường khác hẳn con đường mà Công chúa Irène và vua Edouard đã theo. Phải chăng cô đã hiểu, đối với gia đình cô, thì sự uất hận đối với quân đội Đức quốc xã không thể nào nguôi được, đúng với hai câu thơ của nhà thi-sĩ Milton trong tập thơ « Paradise Lost » (Book IV) (Thiên-Đường đã mất, quyển 4).

« For never can true reconciliation grow

« When wounds of deadly hate have pierced so deep »
(Không khi nào có sự hòa giải được nữa.

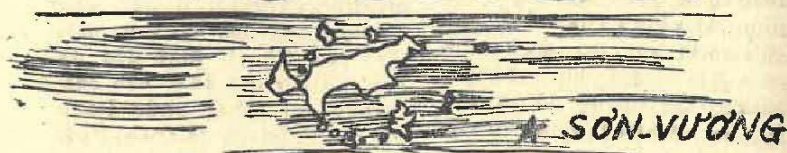
Một khi những vết tử thù đã ăn quá sâu).

Xem đó, ta đủ rõ là cô Jacqueline và chàng trai Đức quốc chỉ là những « nạn nhân về sau » của chiến tranh.

« Khi nào nhân loại bình yên nhĩ,
Dưới mái nhà tranh rộn tiếng cười! »

Quần-đảo

Côn-Son



« Quốc thổ trăm-luân, dân-tộc tuy,
Nam-nhi hà sự phụ Côn-Lôn ! »

PHAN-CHU-TRINH

(Đất nước lăm-than, dân-tộc khổ
Lăm trai há nhẽ sợ Côn-Lôn ?)

NHÂN cuộc viếng thăm Côn-đảo hôm 4 tháng 3 vừa rồi, được tiếp chuyện trong 2 phút đồng hồ với một người tù danh-tiếng nhất ở Côn-Lôn, anh SƠN-VƯƠNG, do sự trung-gian của bạn Nguyễn-văn-Đạo, [Ty Kiến-Thiết Quốc-Gia ở Côn-Son. Vừa đủ thì giờ để anh trao tôi một « Bức tâm thư », và tặng tôi một tập bản thảo đánh máy nhan đề là « Quần-Đảo Côn-Son — Lịch Sử và các Truyện tích » Tôi chỉ hỏi thăm anh được vài câu rồi bắt tay từ giã anh trên bến tàu, trước dinh Tỉnh-trưởng. Sơn-Vương bị án đày ra đây từ năm 1933 dưới thời Pháp thuộc, (đến nay đã 31 năm !) và đang chờ được ân xá. Để ghi lại chút kỷ-niệm hào-hung ấy trên bãi bờ Côn-Son, Phò-T ông sẽ đăng từ số này lịch sử và các truyện tích rất hấp dẫn của Côn-Son từ thời Chúa Nguyễn Ánh đến... Sơn-Vương !

N. V.

ĐINH MỆNH

THAY LỜI TỰA

Với một nhà viết sử có lương tâm trách - vụ (conscience responsabilité) khi cầm bút viết bất cứ đến một đoạn sử nào, nếu được chính mình mắt thấy thì chẳng nói chi — trái lại, viết bằng tai nghe, hoặc bằng sự sưu tầm, ắt không khỏi có chút băn khoăn rồi tự hỏi : « Sự thật trên đời có được hoàn-toàn tuyệt-đối không ? Hay phần nhiều là vàng lộn cùng thau, ngọc lẫn với đá ? »

Cùng một câu-chuyện xảy ra, mà người nghe khác, người thầy khác. — Vậy các chuyện đời trước truyền lại cho đời sau, thử hỏi tránh thế nào khỏi sự sai lầm ?

Nói như thế, không có nghĩa là thiếu lòng tự-tin, mà chỉ có nghĩa là khiêm-tôn, dè-dặt...

Vì sự hiểu biết của con người đối với vũ-trụ bao la với thời gian vô-tận, nó chỉ là một giọt nước ở giữa Đại-dương. Đã thế, thì lúc nào ta cũng nên coi ta hãy còn thiếu-sót, để được trưng - cầu thêm những tinh-hoa của đất nước. Như vậy, có lẽ được việc hơn là chỉ cạy vào khối óc độc đoán của cá nhân mình.

Bởi lý-do trên, tôi sẵn sàng tiếp nhận tất cả những lời chỉ-giáo của các bậc đàn anh, để tôi có dịp được học hỏi thêm, và tiện-thể tài bồi vào tập này cho thêm phần hoàn-mỹ hơn, đó là phần thưởng tinh thần quý giá cho kẻ viết ra mấy hàng này vậy.

Côn-Son, đầu Thu Canh-Tý 1960

Soạn Giả cần chi

SƠN VƯƠNG



PHẦN THỨ NHẤT

★ Địa-dư và diện-tích

Côn-sơn là một chòm đảo của lãnh-thổ Việt-nam, tọa-lạc về hướng Đông-Nam Nam-Việt, cách Vũng-tàu tỉnh Phước-tuy (Bà-Rịa cũ) 97 hải-lý, và cách 45 hải-lý về vàm sông Cửu-long. Trung-tâm-điểm ở về Tây-kinh-

độ 106° 30' 10'', và Nam-vĩ-độ 8° 40' 57''.

Hình-dáng theo trong bản-đồ khi lật mặt tiền áp xuống, trông tương-tợ như con Tê-giác me với một đoàn con gồm có 15 hòn lớn nhỏ cả thảy :

Hòn chính nằm giữa mà từ

xưa người ta quen gọi là Côn-nôn, hòn phụ là hòn Bà nằm bên cạnh chỉ cách nhau có một hòng Dâm không đầy 20 thước. Mười ba hòn nhỏ nằm rải-rác chung quanh, như: hòn Cau, hòn Bầy-cạnh, hòn Bông-lan, hòn Thỏ, hòn Tài, hòn Trác lớn, hòn Trác nhỏ, hòn Vung, hòn Khô, hòn Trọc, hòn Tre lớn, hòn Tre nhỏ, và hòn Trứng.

Diện-tích do được 5.152 mẫu Tây. Trong số ấy: Rừng và núi đã chiếm hết 3/4, còn lại một phần tư là đồi cát, đồng bằng vườn-tược ruộng-nương.

Nơi cao nhất trên đảo (đỉnh núi bên sau An-hải) 584m, và dưới bề chỗ sâu nhất (gần bãi Ông-Cường) chỉ có 58m.

★ Tên của chòm đảo

Chỉ có một chòm đảo Côn-con, mà có đến 4, 5 danh-từ khác-nhau như: Poulo Condore, Côn-nôn, An-ninh quần - đảo, Tỉnh Côn-sơn v.v...

Các danh-từ này do đâu mà có? Đây, chúng tôi xin lược-giải theo sự tìm hiểu và nhận-xét của chúng tôi:

Trong kni người Việt quen gọi nó là Côn-Nôn (hay Côn-Lôn

cũng thế) thì người Pháp lại dùng hai chữ Poulo-Condore để đặt tên cho quần-đảo.

Theo một vài tự điển Âu Tây, giữa Thế-kỷ thứ XIII, có nhà hàng hải Ý-Đại-Lợi tên Marco-Polo, cỡi thuyền, phiêu-lưu mạo-hiêm đó đây khắp vùng Châu-Á, chứng-như ông ta có ghé lại chòm đảo này để tìm báu vật và kiếm chất ăn? Cổ-nhiên sau khi rời khỏi đảo này, ông ta có lưu lại một vài dấu vết đặc biệt gì đó, về sau người Pháp tình cờ bắt gặp mới lấy tên ông ta mà đặt tên cho quần đảo Côn-Nôn.

Lại một giả-thuyết khác: chữ Poulo có nghĩa là Hòn, và chữ Condor là giống chim Ưng (thuộc loại Kên Kên) bên vùng Nam-Mỹ mà ngoài khơi Côn-đảo lại có một hòn biệt lập gọi là hòn «Trứng», nơi ấy có một loài chim to, đẻ trứng lớn gần bằng trứng vịt ta, và người ở đảo quen gọi nó là giống Vịt trời. Hòn trứng cách Côn Sơn vốn chẳng bao xa thế mà giống chim lạ kia không bao giờ chịu bén mần đến, chúng cứ quây quần sinh sôi nẩy nở từ đời nọ sang đời kia trên một hòn đảo tí hon toàn đá trơ trọi mà bề chu vi của nó không ngoài 200 thước. Bởi đó, người Côn sơn mỗi khi

có dịp đi hòn, người ta không quên đem theo một mớ giỏ cần xé để hốt hàng nghìn chiếc trứng, lúc nào cũng sẵn trên khối đá khổng lồ ấy.

Vậy biết đâu cái danh từ Poulo Condore không vì đó mà được-thành hình?

Riêng về hai tiếng «Côn-Nôn» mà người Việt chúng ta đã quen gọi từ trước đến giờ, truy nguyên thì không ngoài việc tự nghìn xưa người mình đã chịu ảnh hưởng văn hoá của nền cổ học Trung-hoa, hễ danh từ nào nghe hơi đẹp tai là thường được nhập cảng vào văn đàn xứ ta. Về điểm này, chúng ta không viện được lý lẽ gì để chối cãi sự thật.

Theo đó, người ta có thể tin rằng: Danh từ Côn-nôn hay Côn Lôn đều do tiếng Côn Luân (K'OUEN LUEN), tên của một quả núi bên Tàu mà người mình đã nói trại ra?

Đến như danh từ «AN-NINH QUẦN-ĐẢO», tuy nó chỉ xuất hiện trong vòng 6 tháng giữa thời ly loạn (từ 12-12-45 đến 18-4-46) để thay đổi cho cái tên Côn-nôn gớm ghiếc nặc mùi sát khí, song nó cũng là một đoạn sử đáng ghi, vì nhà cầm

quyền hồi ấy muốn nêu cao tấm gương ái-quốc của nhà chí sĩ NGUYỄN-AN-NINH, nên đã chiếc ra hì chữ «AN-NINH» mà ghép thành AN-NINH QUẦN-ĐẢO.

Thời kỳ Pháp tái chiếm (1946-54) danh từ Poulon-Condore và Côn-nôn có dịp lập lại lần thứ hai và cũng là lần chót. Cho đến sau khi thực dân Pháp bị đánh bại, quần đảo này lại được mang thêm một tên mới nữa là TỈNH CÔN-SƠN.

Những ai là người đặt chơn lên hòn đảo này trước nhất?

Theo sử liệu của người phương Âu, bao giờ cũng dành phần cho người Âu châu đến đây trước hết: tiên khởi là người Ý-Đại-Lợi, Bồ đào Nha, kế đó là người Anh, người Tây ban Nha, người Hoà Lan và sau cùng là những ông Cổ đạo người Pháp.

Thật ra, người các nước kể trên cũng có đến, song khó mà đến trước người Á-đông được. Họ có đến; nhưng đến rồi đi, chớ không sanh cơ lập nghiệp gì được. Vì những thời xa-xưa

QUẦN ĐẢO CÔN-SON

buổi trước, chòm đảo xa-xôi cô lập này, chỉ là nơi trú chân tạm-thời trong bước đường phiêu lưu; chứ không đem lại kết quả gì cho cuộc doanh-thương hay mưu-toan xâm chiếm đất đai của họ.

Chúng ta có thể nhìn nhận rằng: những người đến đây trước nhất là người Hải-nam (Trung-Hoa), vì họ đã từng trải bước phiêu-lưu, sanh sống bằng nghề hạ-bạc (thuyền-chài) ở tận nơi hải ngoại xa xăm. Kế đó là người Ma-lai, người Chân-lạp và sau cùng là người Việt Nam chúng ta.

Điều đáng chú ý là từ ngày người Việt có mặt tại quần-đảo này, thì tất cả những người ngoại quốc đến trước chúng ta đều dần-dần rút lui, họ không làm gì trở ngại bước đường Nam-tiến của tổ-tiên chúng ta được. Và hình như vào khoảng hậu bán thế-kỷ XVIII đã có một số người Việt đến đây lập-nghiệp có dựng lên hai làng xưa nhất là An-hải và Cổ-ống.

Đến đời Chúa Nguyễn-phúc-Ánh, sau khi ty-nạn ra đây rồi bôn đảo ra Phú-Quốc, có một số binh-sĩ hải-quân lên trốn ở lại. Tiếp theo đó các triều vua như: Minh-Mạng, Thiệu-Trị,

Tự-Đức, v.v... những người mang-án mưu-phản triều-đình đều bị lưu-đày ra đây không có ngày về; nhưng lại được đem gia-quyển cùng theo.

Triều-đình chỉ cấp cho họ một số thực-phẩm đủ sống trong vòng 1 năm rồi sau phải tự-túc lấy. Tuy nhiên họ khỏi bị làm việc khổ sai hằng ngày, cũng không bị giam cầm trong những khám-tù chật hẹp như dưới thời thực-dân Pháp non một thế-kỷ vừa qua.

Những tiếng chó sủa, gà gáy xen lẫn với giọng cười, tiếng khóc của đám trẻ thơ cộng với sự chia-sớt cay đắng ngọt-bùi của người bạn đồng hành trong phấp yếu, đám tù nhân cựu trào ấy cũng an-ủi được một phần nào trong những chuỗi ngày thất-thế ly-hương.

Xưa kia đã có bao đoàn người ngoại quốc dầm chân, sau này mới đến lượt tổ-tiên chúng ta mở đường Nam-tiến, đã trải bao thế-hệ thăng trầm với sóng bề rào rạt, với mưa chiều gió sớm... mãi đến ngày mùng 3 tháng 6 dương lịch năm 1862, triều-đình Huế cắt đất nhượng luôn ba tỉnh miền Tây (là An-Giang, Định-Trường và Vĩnh-

QUẦN ĐẢO CÔN-SON

Long), khi đó quần-đảo này mới thiết thọ lọt về tay người Pháp.

Sau khi đế quốc chiếm cứ đảo này, chúng bèn di-cư đám tù cựu-trào về trong nội địa, chỉ cần giữ lại một ít người nào đã tỏ ra công-tác đắc lực với họ trong những ngày mới đến, để cho vào ngạch đê-lao.

Manh đất xa-xuôi này trong một thế kỷ vừa qua (từ 1862 đến 1954) quả là một ĐỊA NGỤC TRẦN GIAN của giặc Pháp. Ngày nay chủ-quyền lãnh thổ đã trở về với dân-tộc Việt-Nam, nó có thể trở thành một căn cứ Hải-quân khá quan-trọng; đến như việc cải-huấn phạm nhân chỉ là một phụ thuộc mà thôi.

Danh sách một ít viên chủ-đảo từ trước đến năm 1963

Viên Giám-đốc đầu tiên của đế-quốc đến đây hồi (1862-63) là Feliz-Roussel và viên Giám-đốc cuối cùng của thực dân Pháp (1954-55) là Blanck.

Viên Giám-đốc dưới trào thân Nhật và thời kỳ Việt-minh (từ 24-7-1945 đến 12-12-1945) là

ông Lê văn Trà.

Viên chủ-đảo trong thời-kỳ vô chủ là Trương - vạn - Năng (từ 12-12-45 đến 18-4-46). Tuy xuất thân trong đám nạn nhân dưới thời Pháp-thuộc, song cũng cố-gắng trong việc cầm cân này rất mực thăng-bằng, để dung-hòa cho hai giai cấp TÙ NHÂN và CÔNG CHỨC được sống chung trong bầu không-khí êm-đềm lành-mạnh. Nhờ đó tài-sản và sanh mạng của các giới Công-chức, Giám-thị, Ngoại-kiều và 13 người Malgaches bị kẹt nơi đây, giữa thời ly-loạn mới được bảo đảm trong an-ninh trật-tự; không đến nỗi phải lâm vào tình trạng bi-đát như hầu hết các địa phương ở đất liền trong thời khói lửa.

Viên Tỉnh-Trưởng của Chánh phủ Việt-nam Cộng-hòa được bổ-nhiệm ra đây trước hết (hồi 1955-56) là Thiếu-Tá BẠCH VĂN BỒN.

Kế đó là ông HỒ - CHÍ - THIÊN (1956-57), ông Phạm-văn Bồn tái nhậm lần thứ nhì (1957-60), Thiếu-Tá LÊ - VĂN - THỂ (1960-63), và Thiếu-Tá Nguyễn văn Sáu bắt đầu từ tháng 7 năm 1963.

Hai vị Tỉnh-Trưởng được

quần chúng Hải-đảo ghi ân mến đức hơn hết là cố Thiếu-Tá HỒ-CHÍ-THIỆN (đã qua đời) và Ông Nguyễn Văn Sáu, vì theo chủ trương của hai ông này, thì lúc nào cũng sẵn sàng cởi mở (nói rộng) cho đời sống của con người ngay từ lúc Ngô Đình Diệm hãy còn tại vị.

Một trang sử đẫm máu hay là « năm mồ chung » của những người chiến sĩ vô danh ?

Bất cứ ai có dịp băng ngang động-cát bên sau Sở rẫy Chăn-nuôi hiện-thời, cũng thấy trên một đồi cát có vô số khớp xương đủ cỡ, và một mớ sọ người từ dưới lòng đất lòi lên trong mùa gió Chướng. Đó là « năm mồ chung » của hơn một trăm hai mươi chiến-sĩ, đã bỏ mình vì nước trong những ngày giặc Pháp mới lăm le toan chiếm đảo này.

Một cuộc chiến đấu anh-dũng của quân ta chống quân Pháp bên cạnh Bồng-tràm (bên cạnh khu vực chuồng bò ngày nay), vào khoảng cuối Đông năm 1861. So về lực lượng và vũ-khí, quân ta kém địch rất nhiều, nhưng đã là con cháu của Bắc-Bình-Vương,

giống dòng của Trần-hưng-Đạo thì dù được dù thua cũng quyết tâm chiến đấu cho đến giọt máu cuối cùng, chừng nào thế cun lực tận sẽ hay.

Thế nên, cuộc chiến đấu đàng lẽ phải rút lui từ những phút đầu, thì lại cầm cự cho đến phút chót, không còn có phương tiện để chống giặc nữa; khi đó quân ta mới chịu ngã ngũ để lãnh phần chiến bại, sau khi đã hạ được hơn năm mươi binh sĩ của địch.

Hơn 120 chiến sĩ bỏ mình trong cuộc chiến đấu tuyệt vọng ấy.

Một số nghĩa binh (lối hai mươi người) bị giặc Pháp bắt sống, sau khi cưỡng bách phải đào một lỗ hầm khá sâu và khá rộng, đồ vùi mớ tử thi của đồng-bào nạn-nhân ấy, bọn người bị bắt cùng bị giặc Pháp xô-xuống đó để chôn sống luôn.

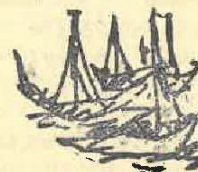
Trong số ấy có cậu Nguyễn-đức-Huỳnh cương-quyết chống-trà : đã chẳng chịu đào hầm chôn bọn đồng-đội, lại còn cả tiếng mạt-sát bọn giặc Pháp lăm le tận-tệ. Tướng chỉ-huy trận đánh ấy là viên Trung-Úy Hải quân Bernard truyền lệnh bắt trời Huỳnh đem về trại, để rồi

sẽ hành-hình một cách ghê-gớm hơn. Nhưng chàng thanh-niên dũng-cảm này được nhờ vị-hôn-thê dùng mỹ-nhân-kế giải-thoát cho, rồi cả hai cùng đưa nhau chạy về phía Cỏ-ống.

Trong khi giặc Pháp đuổi theo quá gấp, thì cô Mỹ-Liên (là người đã giải-thoát cho Nguyễn đức-Huỳnh) bị trọng-thương. Biết rằng khó thoát tử-thần, trước giờ quynh-sinh và nở một nụ cười đặc ý để được ngã gục bên nhau, Huỳnh và Liên đã lập được một chiến-công rất oanh liệt là hạ được tên tướng giặc Pháp là Trung-úy Bernard.

Đã non một thế-kỷ trôi qua,

(còn tiếp)



*** ĐÀO XI-NÊ MỸ**

Hai cô đào điện-ảnh ở Hồ-ly-vọng nói chuyện với nhau.

Một cô nói :

— Khi nào hồng-ngọc của tôi bần thì tôi rửa với rượu vang Pháp, bạch-ngọc bần thì tôi rửa với sữa, còn bạch-ngọc thì tôi rửa với rượu « uýt-ki ». Vậy đồ của chị thì chị rửa thế nào ?

— Của tôi ấy à ! Khi nào đồ nữ trang của tôi bần thì tôi vứt mẹ nó đi cả, cô thứ hai trả lời.

anh ơi, anh nghĩ gì?

★ ANH-TUẤN
(trong Tao-Dàn Bạch-Nga)

Anh ơi anh nghĩ gì?
Nói cho em biết với
Nói đi anh, nói đi
Đừng sợ em đau khổ

Vì nếu anh không nói
Em cũng đã đoán rồi
Vì lòng người thay đổi
Nào em có trách ai

Nói đi anh nói đi
Đừng sợ em đau khổ
Nói đi anh, nói đi
« Tình đôi ta đã vỡ »

Phải chăng anh không nỡ
Nói rằng anh hết yêu
Phải chăng anh còn sợ
Em sẽ phải khổ đau

Tình thương anh vẫn còn
Dù tình yêu mong manh
Bỏ em, anh chưa đành
Phải như thế không anh?

Chút tình mến thương
Cũng là đẹp lắm
Đời chỉ cay đắng
Khi hết tình thương

Lòng anh đã đẹp
Lòng em đã đẹp
Xa nhau được rồi
Phải không anh, anh ơi!

ĐÌNH MỆNH

★ Martin Sery

● ĐẶNG-HỮU-HỔ dịch

T RỜI nóng kinh khủng trên con đường thẳng tắp không một bóng cây xuyên qua cánh đồng rộng. Germaine từ chối không chịu đi xe về khi mọi người khuyên bảo nàng. Người đàn bà từ chối cũng phải, vì nàng mới đứng chứng kiến người ta chôn một người thân yêu nhất của nàng xuống lòng đất rắn. Nàng muốn đi về trong cô đơn để cho mọi người hay, nàng phải chịu đựng như vậy nhưng cũng bởi chính nàng sợ rằng — giờ đây, công chuyện đã trôi chảy không vấp vấp — sự mừng rỡ sẽ bất chợt hiện lên trên nét mặt chẳng!

Cho tới giờ phút chót, rất có thể công chuyện đó bị đổ bể. Như viên bác sĩ chợt nhận thấy có một điểm nghi ngờ nào

đó về ... nàng sẽ phải vào nằm trong xà-lim tắm tới đầy rệp, muối. Sự sợ hãi đó làm cho nàng run mình, giống như hồi còn nhỏ, nàng chui vào trong chăn run lập cập khi ngưỡng tượng tới những con ma đang lượn vờn trong buồng. Nàng kinh hoàng nhất khi mà viên cảnh sát trưởng và những nhân viên của ông ta tới chia buồn cùng nàng, và chỉ cách chỗ họ đứng có một thước thôi, chai rượu cognac có pha thạch tín hãy còn ở trong tủ rượu mà nàng chưa kịp ném đi để phi tang. Cũng may cho nàng, khi Charlier — chồng nàng — chết, còn có mặt viên bác sĩ cùng những người hàng xóm tốt bụng.

Rồi đây, rằng sẽ vứt bỏ hết những giấy tờ, hình ảnh cũng

như đồ dùng, áo quần của người chồng quá cố, nàng sẽ xóa bỏ hết những kỷ niệm của hai người để bắt đầu sống một cuộc sống mới mà nàng hằng mơ ước từ mấy năm nay.

Trước khi hành động, nàng đã phải vào thư viện đọc những sách về ý học để nghiên cứu. Mỗi lần khui chai cognac, nàng lại pha thêm một chút thạch tín vào, và cứ thế số lượng chất độc được gia tăng cốt để giết Charlier lần lần mà không bị một chút nghi ngờ.

Charlier đúng là một con sâu rượu. Người đàn ông luôn luôn say sưa tối ngày. Có những đêm Germaine lắng tai nghe rõ tiếng mở tủ, tiếng rượu đổ ông ộc xuống ly rồi tiếng nuốt ừng ực...

Giờ đây Germaine thấy mồ hôi chảy đầm lưng xuống tới đùi. Bộ áo đen mà nàng may sẵn từ hồi trong năm lúc này như bó chặt thêm thân hình nầy nở của nàng. Nàng muốn cởi bỏ chiếc áo đen, tháo chiếc mạng che mặt đi cho đỡ khó chịu nhưng rồi nàng lại đắn lòng chịu đựng. Nàng phải chịu đựng để những người qua đường trông thấy nàng sẽ biết ngay là một góa phụ đang đau khổ.

Chỉ một vài phút nữa thôi, khi về tới nhà, nàng sẽ vứt bỏ bộ đồ đen đi như vứt bỏ chiếc mặt nạ sau cuộc khiêu vũ trá hình, rồi trước khi làm việc, nàng sẽ tắm để cho thân xác được thoải mái.

Ý nghĩ đó thúc đẩy nàng bước nhanh nhưng bất chợt nàng như thấy con đường trước mặt mình đảo lộn. Nàng muốn ngồi xuống nghỉ nhưng thân hình nàng đã đổ xuống đường.

Khi Germanie sực tỉnh, điều đầu tiên nàng nhận thấy là miệng



mình đắng quá. Nàng thấy mình đang nằm trên chiếc divan trong phòng khách của nhà nàng. Một bà hàng xóm đang ngồi bên cạnh, nét mặt bừng tỉnh khi thấy nàng đã thức.

— Thiệt khổ ! Sao chị lại điên rồ mà đi bộ dưới ánh nắng gay gắt như thế ? Cũng may nhà tôi lái xe đi qua vừa gặp lúc chị bị ngã xỉu, bà hàng xóm chép miệng nói.

Germaine cảm thấy mệt mỏi quá sức, chân tay nàng như rã rời ra. Nàng mỉm cười nhắm mắt lại và ngủ thiếp đi. Khi nàng thức giấc, mặt trời không còn hắt ánh sáng vào trong phòng nữa.

Thấy bà hàng xóm còn ngồi bên cạnh, Germaine hỏi :

— Tôi ngủ có lâu không chị ?

— Độ nửa tiếng thôi, nhưng thế là tốt lắm. Một khi ta ngủ được là đã khoẻ rồi. Tôi đã sửa soạn sẵn bữa ăn giúp chị và bây giờ tôi cũng phải về nhà ăn cơm mới được, rồi chắc tôi lại sang. Bây giờ chị có cần gì không ?

Germaine định ngồi dậy nhưng bà hàng xóm ngăn lại và nói :

— Chị cứ nằm nghỉ đi, tôi để sẵn chai rượu và cái ly nơi bàn đêm kia để chị dùng. Hồi nay tôi lấy ở trong tủ đó, nếu chị cần uống thêm thì ...

Germaine giật mình nhòm dậy :

— Rượu nào thế ? Sao lại uống thêm ?

— Thì chai Cognac hồi này tôi đã rót cho chị uống, chắc chị



không nhớ ?

Germaine liếc nhìn chai rượu để trên mặt bàn đêm. Tờ nhãn hiệu bị rách một góc. Chính là chai rượu có pha thạch tín !

Germaine thần thờ ngả mình xuống divan, sau tiếng thở dài. Bà hàng xóm vội vã hỏi :

— Chị sao thế ?

Germaine lắc đầu :

— Không có gì cả, cảm ơn chị, chị tốt quá. Bây giờ chị cứ về ăn cơm đi.

Germaine đắm đắm nhìn chai rượu có thuốc độc, không nghe thấy tiếng cửa đóng khi người hàng xóm tốt bụng ra về.

SINH HOẠT VĂN- NGHỆ

V i ệ t n a m ở PARIS

★ MINH-ĐỨC (HOÀI-TRINH)

Thuyết trình của cô Minh-Đức Hoài-Trinh, sáng chủ nhật, 1-3-64, tại trường Quốc-Gia Âm-Nhạc Saigon, do Hội Bút-Việt (Pen club) Saigon tổ chức

(Tiếp theo P.T. 122)

Còn lại một số người nữa yêu văn-ngệ nhưng họ chỉ có thì giờ viết cho người Pháp, viết bằng tiếng Pháp. Theo ý họ, một là viết cho người Pháp thì có tiền ngay, tiền franc, hai là viết cho người Pháp thì may ra còn được quốc-tế chú-ý đến. Tuy rằng những kẻ thừa tiền, thừa danh-vọng rồi, nhưng ở đời hai thứ ấy thì có lẽ mấy cũng không vừa!

Có lắm người suốt từ thuở bé sống ở quê nhà mãi lo theo học chương-trình Pháp, sang đến Pháp mới thấy rằng nước

Pháp đâu có thiếu cán-bộ, đâu có cần đến mình, lúc ấy mới thức tỉnh, mới tìm đến các bạn hỏi thăm làm sao để viết tiếng Việt, đọc sách gì để trở nên nhà văn?

Sách gì bây giờ.

Những gia-đình cho con sang Pháp sớm thì hầu hết có thể gọi là Văn-ngệ Việt-Nam mất một cán-bộ, một chiến-sĩ để tranh-đấu nếu con người ấy có tài, có khả-năng. Vì các cô các cậu bé ấy đã quên ngay tiếng mẹ đẻ, đã quên tiếng mẹ thì lấy đâu ra mà thông-cảm. Hơn nữa,

SINH HOẠT VĂN-NGHỆ

tâm-hồn họ chỉ có thể rung-động khi đứng trước một đĩa beef-tech frite (thịt bò và khoai tây chiên). Từ thuở bé các cô các chú ấy đã hiểu thế nào là cái đẹp của ánh trắng sau rặng tre hay là buổi chiều bên bờ ao, nước ao có gió gợn.v.v.v..

Đến đây xin phép ngừng kể lẽ dài giòng những lý-do vì sao mà người Việt trí-thức rất nhiều, ở Paris, ở Pháp mà tình-trạng văn-ngệ Việt-Nam ở bên ấy cứ lũng-củng hoài. Tường chỉ kể những lý-do chắc quý vị cũng đã đủ cảm-thông cho rồi.

Hình như có những nguyên-tắc muốn rằng khi đặt ra một vấn-đề gì và thấy cái vấn-đề ấy cần giải-pháp thì lại phải đi tìm giải-pháp.

Nhưng giải-pháp gì bây giờ?

Một điều đáng chú ý và cũng có thể đáng buồn là trên các quán báo ở Paris, người ta có thể tìm tất cả sách báo Quốc-tế mà không mấy khi người Việt được cái sung-sướng nhìn thấy tên tuổi mặt mày một tờ báo Việt-Nam. Vì sự giao-thông đắt đỏ, xa-xôi quá chăng? Hay là vì bị o treo ra mà chẳng có người chiều cổ đến, nên người bán cũng đâm buồn mà dẹp đi chẳng.

Hiện giờ, nếu tôi không lầm

thì chỉ có mỗi một tờ Bán nguyệt-san Phò-Thông là có bán ở tại một tiệm bán thức ăn Việt-Nam. Còn thì không thấy bóng dáng một tờ báo nào nữa cả. Ngoài ra có tờ Bách-Khoa do tòa soạn Bách-Khoa gửi tặng riêng và ở Tòa Đại-sứ có phát ra cho một vài người quen. Một cái tai hại ở chỗ mà cái gì do từ chính phủ phát ra thì bị mất nửa phần uy tín.

Nói đến Văn-Nghệ thì phải nói chung đến cả Văn-ngệ miền Nam lẫn miền Bắc. Văn-ngệ ở miền Bắc đi sát với chính-trị hơn miền Nam nhiều lắm. Vì thế mà Văn-ngệ rất được nâng đỡ, cố-nhiên chỉ có những Văn-ngệ sĩ và những tác-phẩm nào đáng được nâng đỡ mà thôi. Phần khảo-cứu rất dồi-dào, phần sáng-tác rất ít, vì thế mà phải công nhận rằng báo và sách ở miền Bắc có mặt rất đầy đủ ở Paris.

Từ trước chúng tôi vẫn đặt câu hỏi. Các anh em Văn-ngệ ở trong xứ có bao giờ nghĩ đến anh em văn-ngệ ở ngoài xứ không? Hay là sống chết mặc bay. Nếu nghĩ đến thì có thể tìm cách giúp đỡ, liên lạc gì không? Tiếc rằng có nhiều người sang Pháp xưng âm lên là Văn-ngệ-sĩ ở quê nhà.

nhưng rồi đến xứ ấy thì chỉ cốt làm sao cho cái cá-nhân mình chứ không hề có ý-định hoạt-động cho nền Văn-ngệ Việt-Nam. Chưa kể là còn đem danh nghĩa Văn-ngệ Việt-Nam ra mà làm cây đèn kéo quân cho tên tuổi mình đứng vào trong hy vọng được mọi người biết đến mình.

Ngược lại lắm khi cũng buồn có nhiều nhà văn Việt-Nam ở quê hương khá... lừng-lẫy thế mà sang đến Pháp, sang đến cái rừng người, cái rừng nghệ-sĩ và nhân-tài ấy thì lại đành phải chịu mờ-mịt trong đám khói bụi Paris. Ngay đến đồng-bào ở đây cũng không hay biết đến chứ đừng nói đến người ngoại-quốc.

Vì thế giá mà có một tổ-chức Văn-ngệ Việt-Nam cũng giống như tổ-chức Phật-giáo V. N. để thành lập những chi-nánh ở các nước, các xứ thì chắc không phải là một chuyện không đáng làm.

Nói đến Văn-ngệ nhất-định là phải nhắc đến những người như Giáo-sư Trần-văn-Khê đã hy-sinh tất cả mọi sự để tận-tụy vì nghệ-thuật, mang cái chuông đi đánh khắp nước người. Chỉ tiếc rằng Giáo-sư Khê cũng

như nhiều nghệ-sĩ chân-chính khác, bị vấn-đề sinh-kế chi-phiếu, và nhất là thiếu sức khỏe. Cần có nhiều sự giúp đỡ về mặt tinh-thần và vật-chất mà trái lại ..

Thỉnh-thoảng khi có một nhân vật nào sang Pháp, thì Tòa Đại-Sứ Việt-Nam cũng có tổ-chức những buổi nói chuyện, nhưng người đến nghe, phần đông đến vì người mời, lắm khi vì nghe nói có « ăn bánh uống nước » mà đến.

Paris có hai nhà bán sách Việt-Nam: Minh-Tân và Lê-Lợi, nhưng mà sách miền Nam không đến nhiều, nhất là báo — như trên tôi đã có thưa rồi, chỉ vì vấn-đề giao-thông. Từ bao nhiêu năm trước Chính-phủ miền Nam không hề nghĩ đến. Trong khi miền Bắc đặt Văn-ngệ là một lợi khí tuyên-truyền nên đã cố sức phổ biến. Cố-nhiên là cái gì cũng có cái dở mà cũng có cái hay.

Làm thế nào mà một quyền sách Việt-Nam sẽ xuất-bản ra có ngay một tiếng vang ở các nơi, nhất là ở Pháp, nơi quy tụ và đào-tạo rất nhiều trí-thức. Nếu anh em Văn-ngệ bên này thấy không cần thì đây lại là một chuyện khác. Nhưng nếu các anh em Văn-ngệ ở đây

cũng muốn, thì chúng ta có thể tìm ra một giải-pháp gì chăng? Hiện giờ chỉ có sự liên-lạc ở giữa cá nhân mà thôi.

Trái lại với những giải pháp...

Ở đây có rất nhiều nhóm Văn-ngệ, vậy thì những nhóm này có sẽ giúp gì được không, chẳng hạn như nhóm Bút-Việt, Sáng-tạo, Bạch-ngà, Bách-khoa?

Ở Pháp còn có một Hội gọi là Hội Pháp-Á Ái-Hữu-Hội thỉnh thoảng cũng có họp nhau lại để nói đến vấn đề này, vấn đề khác, nhưng hình như chỉ là một tổ-chức chật hẹp của những người Pháp trước kia ở Việt-Nam và các ông Việt-Nam trước có giúp việc cho Pháp. Bây giờ xa quê-hương, họ muốn lập Hội để đến gặp nhau nhắc nhở đến kỷ-niệm xưa. Vì thế, không có tính cách Văn-ngệ gì mấy, ngoài những hôm Tết thì họp lại để ăn uống nhầy nhót ca hát.

Từ mấy tháng nay, người Việt ở Paris có nhộn hơn, có chịu khó bỏ thì giờ đi gặp nhau hơn, không biết có phải nhờ sự chú-ý của quốc-tế chăng. Hay là xa nhà lâu nên buồn, nhớ, con người càng về già càng

thấy nhớ quê hương, muốn tìm về quê hương.

Phạm-vi của buổi nói chuyện hôm nay, tôi định chỉ xin nói những gì thuộc về văn thơ mà thôi, nhưng chữ Văn nghệ bàn rộng ra thì nó còn bao gồm cả mấy ngành khác, như Hội-họa, Ca kịch, v.v... Về Hội họa thì như các bạn thường nghe nhắc đến tên những Họa sĩ sang Pháp từ lâu năm như Lê-Bá-Đằng, Mai-Thứ, Lê-Phổ v. v.. Có nhiều họa sĩ đang xuất hiện nhưng chen được một chân đứng ở Phòng Triển lãm không phải là chuyện dễ, có khi chen được rồi còn bị hất ra.

Nếu người Việt chịu khó tìm lại gần nhau, hợp-tác với nhau thì nhất định là sẽ làm được rất nhiều, nhưng tiếc rằng vì những lý do mà tôi đã kể qua ban này — người ta nhận thấy người Việt thiếu có những tính xấu của người Do Thái. Vì thế ông nào nổi tiếng thì chỉ cá nhân ông ấy cũng chỉ có một thời gian ngắn mà thôi. Thật đáng tiếc—(có lẽ vì ích kỷ nên thiếu hậu thuẫn.)



(còn tiếp)

Mình ơi
 Ai bày ra lời
 312123
 470047
 188991
 111000
 337788
 200002
 999999
 343434
 137731
 660066

CHIỀU thứ Ba, bà Tú vừa nghe Radio vang ra mấy câu hát: « Kiến-thiết quốc-gia giúp đồng bào ta mua lấy cái nhà... giàu sang mấy hồi... ». Bà đang nằm võng chạy lại tắt máy cái « tách », bảo ông Tú:

— Sao em ghét bài hát ấy thế!

Tuy nhiên bà Tú ác cảm với bài hát « Xô số Kiến-thiết » của Trần văn Trạch, nhưng

bà không ngờ chính câu hát đó khai mạc cho buổi xô số kiến thiết hằng tuần, lại liền cho bà một đề tài để hỏi ông Tú.

Mặc dầu ông Tú không có giờ phút nào rảnh cá, nhưng Bà Tú quen « làm tàng », ông đang ngồi viết, bà cũng lại phá ông một lúc, bắt ông phải nói chuyện cho bà nghe. Ông Tú thì lúc nào cũng chịu vợ.

MÌNH ƠI

Nhiều khi đang bận việc bị bà Tú quây rầy ông tức muốn chết đi được, nhưng thấy bà Tú tỏ vẻ hơi buồn một chút là ông vội vàng bỏ công việc đó, để dỗ vợ. Ông dịu dàng bảo:

— Thôi, em hỏi đi... Anh nghe đây.

Bà Tú được chồng cưng, sung sướng cúi xuống hôn trán chồng, rồi hỏi:

— Mình nói về lịch sử xô số cho em nghe. Nước nào hay người nào đã bày ra Xô Số trước nhất? Và Xô số đã có từ đời nào?

Ông Tú mỉm cười, hiền lành:

— Em hỏi những câu hồ búa không!

Bà Tú ầu ềm kể má vào má ông Tú, và khẽ bảo:

— Mình, em mới hỏi chứ người nào khác em hỏi đi! Nếu mình bận việc gấp thì mình nói « qualoarent » cũng được.

— Thà không nói, chứ nói « qualoarent » thì có ích lợi chi! Như em hỏi về lịch sử Xô số, anh phải trở lui về một đi-vãng rất là xa xưa, tận thời thượng cổ Hy-Lạp, chứ

đâu phải gần đây. Từ 5 thế kỷ trước J.C. người cô Hy-Lạp đã lập đến thờ một Nữ-Thần-Tài, gọi là Tukhé (hay là Tykhé), người Cô-La-Mã gọi là Fortuna.

— Vị nữ-thần ấy có đẹp không mình?

— Dĩ nhiên là đẹp. Hai chân nàng luôn luôn đi trên hai cái bánh xe, tay ôm một chiếc sừng giống như sừng trâu gọi là Sừng Phong-Phú (Corne d'Abondance) và cặp mắt bị một miếng lụa bịt lại.

— Thế là nghĩa lý gì bà mình?

— Bánh xe tượng trưng cho sự may rủi tuần hoàn, không thiên vị. Ngày nay ta thấy các máy xô số tối tân làm hình bánh xe quay tròn các con số, cũng là theo điển tích thần-thoại Nữ-thần Tài Fortuna vậy. Cái sừng Phong Phú tượng trưng sự giàu có đầy đủ mà Nàng phân phát cho những kẻ được Nàng ban cho vận đỏ.

Dân-chúng cô Hy-Lạp và La-Mã rất ham sự giàu có ngẫu-nhiên, do vận tốt đem đến cho mình, nên ở các thành-phố và các thôn quê

đầu đầu cũng lập đền thờ Nữ thần-Tài, để họ đền đầy cầu xin Phước Lộc. Nhưng ai cũng cầu xin cả, sợ Nàng không công bằng trong sự lựa chọn, kẻ được người không tùy theo cảm-tình thiên-vị của Nàng, nên sau đó họ đồng ý bịt mắt Nàng lại, để cho sự may rủi được hoàn toàn mù, không thấy trước được.

Cuộc xổ-sô đầu-tiên trong lịch-sử nhân-loại, không phải được thua bằng tiền bạc, mà bằng một cô gái đẹp ở Hy-Lạp. Nàng tên là Hippodan-rie, con gái của Vua Atrax mà hai tiểu-vương của hai xứ Centaures và Lapithes tranh dành. Vua đem Công-chúa ra « xổ sô » bằng một trận đánh nhau giữa hai địch thủ. Rất cuộc, Pirithoos, tiểu-vương Lapithes thắng cuộc, và được cưới nàng.

— Chuyện Centaures và Lapithes cũng giống chuyện Sơn Tinh — Thủy-Tinh của thần-thoại ta xưa, Minh nhỉ?

— Ừ, cũng giống đại khái như thế. Chính vua Hùng-Vương 18 đã đem Công-chúa Mị-Nương ra xổ-sô cho nên mới có cuộc đấu sức ghê-gớm của hai chàng Tinh kia!

Nhưng xổ-sô thật sự, được thua bằng tiền do sự may rủi, rút sô mà ra, thì mãi đến Thế kỷ XVI mới được tổ chức đàng hoàng, lần đầu tiên tại nước Ý. Người ta bày ra xổ-sô lấy tiền hoặc lấy đồ vật, bằng cách rút ra những mảnh giấy nhỏ: Người nào rút được những mảnh giấy có ghi sô, ấy là trúng; còn những người rút nhầm những mảnh giấy trắng, gọi là carta blanca là thua. Vì thế, họ gọi cuộc xổ-sô bằng danh từ Blan-que (giấy trắng).

Năm 1539, vua nước Pháp là François 1er vì xài tiền quá lỗ, ngân-kho quốc-gia hết tiền, bèn đặt ra một cuộc « Xổ Số Quốc-Gia » bắt chước theo kiểu « xổ sô giấy trắng » (Blanque) của người Ý. Nhà vua có công bố một sắc-lệnh về việc mở cuộc Xổ Sô, trong đó có một câu nói rằng: « Đây là một tổ-chức hoàn-toàn mới lạ vừa có lợi cho quốc-gia vừa có lợi cho thân-dân ». Bản công bố này và kết quả cuộc xổ sô có ghi trong hồ-sơ Thủ đô Paris ngày 21-5-1539.

Hơn một trăm năm sau, năm 1850, bà Hầu-tước de

Rambouillet, một mạng phụ lừng-danh dưới triều đại vương Louis XIV, xin nhà vua cho phép bà mở một cuộc xổ sô công cộng bằng những món quý-giá: nhà-cửa, tủ sách, các đồ chén đĩa bằng bạc v.v... Đứng đầu xổ sô danh sách những người tham-gia cuộc xổ-sô các đồ vật này, có nhà văn trữ danh Vaugelas, chuyên soạn sách văn-phạm. Nhưng tại nhà văn Vaugelas chết một cách bất ngờ trong năm ấy, nên những kẻ mê tín cho là triệu bất tường, và rút ra khỏi bản danh sách, không tham gia cuộc xổ sô nữa. Vì vậy mà cuộc xổ-sô thất bại. Kê đó, một nữ thi-sĩ cũng trứ danh, là Mlle de Scudéry (được gọi là nàng Sapho của thế-hệ), muốn tiếp tục mở cuộc xổ sô. Để quảng cáo cho được thành công rực-rỡ. Nàng có viết quyển tiểu thuyết nhan đề là Clélie, trong đó nàng mô tả rất văn hoa một cuộc xổ sô hấp dẫn, gọi là lotterie. (hai t). Nhưng bị các nhà buôn phản đối kịch-liệt, cho rằng cuộc xổ sô của nữ thi-sĩ chỉ là một lời cạnh tranh buôn bán trá-hình, thành ra cuộc xổ sô ấy cũng bị thất bại, không ai tham gia.

— Xổ sô sao lại gọi là buôn bán trá-hình hả Minh?

— Bọn nhà buôn công kích cái kiểu xổ sô ấy cũng đúng lắm. Vì nữ thi-sĩ muốn bán một mở đồ dùng đáng giá độ 5000 quan nhưng nàng lại chia ra làm 50 sô, mỗi sô 100 quan, và mời 50 người mua sô. Nàng sẽ thu được sô tiền 5000 quan, thì rồi mở sô chỉ có vài ba người là trúng được các món đồ dùng với giá rẻ, còn bao nhiêu trật hết.

— Cũng như bây giờ họ chơi tombola chứ gì.

— Chính thế. Nhưng hồi thế kỷ XVI gọi là chơi lotterie (hai t) hay là tontine, mãi đến năm 1661, ngày 8 tháng 1, mới có cuộc xổ sô đúng theo danh nghĩa xổ sô như ngày nay. Hôm ấy, lần đầu tiên có 8 nam nữ học sinh được lựa chọn để quay trước công chúng những con sô trong một bánh xe, thành ra những con sô trúng. Sô tiền thâu được trong cuộc xổ sô này được đem giúp các người bệnh nhân nghèo nằm nhà thương Paris. Phong trào xổ sô lan rộng khắp nơi, vì tư nhân cũng được tự-do mở xổ-sô,

miễn là số tiền phải được đem dùng vào việc từ thiện. Năm 1681, tờ báo *Mercure Galant* mở một cuộc xổ số mà số độc-đắc, 100.000 quan lại ngẫu-nhiên trúng về nhà Vua. Dư luận xôn-xao cho là cuộc xổ số gian lận. Nhưng vua đem cả số trúng độc-đắc ấy cho các bệnh viện và các học đường.

Thời kỳ này xổ số được thịnh-hành lắm. Chỉ tội nghiệp cho nhà Văn-hào Boileau dạy người ta làm Thơ thì hay lắm nhưng mua vé số không bao giờ trúng cả. Trong một bức thư gửi một người bạn làm nghề xuất bản sách ở Lyon, nhà văn-sĩ than phiền một cách đau thương: «Tôi có cảm tưởng là Nàng Nữ Thần Tài không thích thơ tôi...!».

Các vị Linh-mục Thiên-chúa-giáo biết khai-thác phong trào xổ-số thịnh-hành; và các Cha thay phiên nhau mà xin phép mở những cuộc xổ-số để lấy tiền xây cất giáo-đường. Nhà Thờ Saint Sulpice, dựng năm 1719, phải nhờ xổ số mới hoàn thành được trong năm 1770. Năm 1705, Nhà

Thờ Saint Roch cũng nhờ xổ số mới có tiền cất lên được.

Saint Vincent de Paul xây dựng nhà thương La Salpêtrière năm 1655, nhưng phải tổ-chức các cuộc xổ số liên tiếp trong những năm 1717, 1741, 1754, 1762, để mở rộng lớn khu vực ấy được đẹp-đẽ như người ta thấy ngày nay.

Nhà Thờ Saint Genèvière, sau thành ra đền Panthéon, cũng là nhờ xổ-số mới có tiền xây dựng.

Phải nhìn nhận rằng các vị Linh mục Pháp. Thế kỷ XVIII là những chiến sĩ tiên phong của đội binh Cứu Hòa. Vì trước năm 1700, đội quân Cứu Hòa chưa có, các vị Linh mục Pháp, lần đầu tiên, mở những cuộc xổ số để lấy tiền đặt làm những ống dẫn nước chữa lửa. Nhờ vậy mà các Tu-sĩ đã dập tắt được nhiều đám cháy ở Paris từ khoảng 1700 trở về sau. Tuy vậy, đám cháy lớn làm tiêu tan Hội Chợ Saint Germain năm 1762, các ống nước chữa

Lửa của Nhà Tu kín Augustins ở kề đây, do các Tu sĩ điều khiển, không đủ sức tưới tắt được. Sau đó, các Tu sĩ lại mở cuộc Xổ-số để đặt làm thêm các ống nước cứu hỏa.

Thế kỷ XIX, nhà Văn hào Chateaubriand muốn bán số nhà của ông ở Valléeaux Loups trị giá 80.000 quan, không ai mua. Năm 1817, bèn mở cuộc xổ số làm 80 vé mỗi vé số 1000 quan, nhưng rốt cuộc chỉ bán được 35 vé, cuộc xổ số của ông vì thế không thành.

Năm 1858, Thi sĩ Lamartine nghèo túng, bị nợ đòi như Chúa Chôm, cũng tính mở cuộc Xổ số để bán đất đai nhà cửa của ông ở Monceau nhưng chính phủ không cho phép. Trái lại, năm 1863, ông được phép tổ chức cuộc Xổ số lấy tiền giúp các nhà trồng nho bị mưa tuyết phá hại hết mùa màng.

— Mình nè, ở Việt-Nam ta Xổ-số Kiên-Thiết có từ lâu chưa, và tổ chức cách nào?

— Dưới thời Pháp thuộc, chính phủ thuộc địa đã bày ra cuộc Xổ số chung cho cả 5 xứ Đông-Dương: Bắc Kỳ, Trung-Kỳ, Nam-Kỳ, Ai-Lao, Cao-miên, gọi là Xổ-số Đông-Dương (Loterie Indo-

chinoise). Có vài tờ báo gọi là «Xổ số Đông-Pháp». Những cuộc xổ-số ấy mỗi tháng mới có một lần, và mỗi vé bán 1đ (một đồng). Những số trúng từ 10\$, 50\$, 100\$, 1000\$. Số độc-đắc: 4.000\$. Xổ luân phiên có tháng Xổ tại nhà Hát Tây ở Hà-Nội, có tháng xổ tại Tòa Đốc-Lý Sài-gòn, có tháng xổ ở Huế, hoặc ở Pnom-penh. Vé số không có nhiều và không có bán khắp đâu đường xổ chợ như bây giờ.

— Có nhiều người trúng không?

— Dĩ nhiên là có nhiều người trúng. Nhưng có điều lý thú nhất là rất nhiều người trúng mà quên đến kho bạc lãnh tiền. Như kỳ xổ số ngày 31-12-1937, số Độc-đắc 4000\$ có một người trúng ở Nam-Định mà ba tháng sau vẫn quên đi lãnh tiền. Kỳ ấy cũng có nhiều người trúng 1000đ, 100đ, 50đ, mà quên lãnh tiền. Sở ngân khố Đông-Dương phải đăng báo nhắc nhở người đáng trí ấy.

Có một chuyện vui nữa, là kỳ xổ số 14-4-1938 cháu của ông chủ báo *Công Luận* ở Saigon, trúng số độc-đắc 4000\$. Ông chủ báo phải làm

MÌNH ƠI

một bữa tiệc linh đình trong Chợ lớn thết đãi tất cả các ông chủ báo và anh em ký giả các báo ở Saigon, cả Pháp lẫn Nam.

— Chắc có Minh dự bữa tiệc mừng cô cháu ông chủ Báo đó hả? Cô ấy có đẹp hông?

— Hồi đó anh ở Hà nội, chứ đâu có ở Saigon.

— Vé số hồi Pháp thuộc có bán chợ đen như từ hồi Việt nam mình độc-lập không?

— Không. Thời kỳ Nhật thuộc, không có xổ số. Mãi đến ngày 21-12-1951 mới có Nghị-định của Cao Ủy Pháp mở lại « Xổ số Đông Dương » cũng gọi theo tên cũ là *Loterie Indochinoise*.

1951, phát hành 500.000 số, mỗi tháng xổ một kỳ. 1956-57 thời kỳ ông Diệm, mỗi tháng xổ 2 kỳ, cũng 500.000 số. Tháng 6-1957, tiền đến mỗi tháng 3 kỳ, phát hành 600.000 số. Tháng 5-1958 phát hành gấp đôi : 1.200.000 số. Từ tháng 7-1958, mở hàng tuần. Tháng 8 và tháng 9-1960 Từ tháng 12-62, số vé phát hành tăng lên 3.000.000 ngưng lại hai tháng không có mở số. Từ tháng 10-1960

phát hành 1.600.000, mở lại xổ số mỗi tuần một lần cho đến bây giờ.

— Xổ số như vậy, chính phủ lời lắm, Minh nhỉ? Rõ tiền lời xổ số kiên thiết đó đem kiên thiết những gì?

— Tiền lời nhiều lắm. Nhưng mấy anh em nhà ông Diệm lấy làm kinh-tài riêng cả. Sau hôm cách mạng 1-11-1963 soát lại trong ngân hàng quốc gia, tiền lời xổ số kiên thiết còn sót lại đến 700 triệu đồng!

— Khiếp! Em biết thế nên có bao giờ em mua vé số đâu. Em ghét xổ số hơn ghét gì hết ở trên đời này.

— Xí! Thẻ sao đạo Tề, anh trúng được số 100\$, em bảo anh li-xi cho em rồi em lấy tất!

— Chuyện cũ mà bây giờ Minh còn nhắc? Em khỏi chơi với Minh đi!

Bà Tú làm bộ giận, bỏ đi, lại mở máy Radio, vừa nghe tiếng Trần văn Trạch : « Kiên thiết quốc gia giúp đồng-bào ta cái nhà... giàu sang mấy hồi... »

Bà nổi sùng, tắt máy cái « rụp »!

★ *Diệu Huyền*

nói với Thánh-giá

★ YÊN DUY

*Thượng đế ơi, con cúi đầu tạ tội
Niềm đau thương ung nhọt vừa ra rồi
Thân con đây người tra khảo nửa thôi
Làm cảm thú suốt đời con ngoan ngoan.*

● Nói với những người RUỘT THỊT

*Còn đâu là những giấc mơ?
Còn đây là những bàn thờ người thân.
Luống hoài sâu những vết chân
Cúi xin ân sủng một lần nữa thôi
Từ sinh trong bốn tào nôi
Vùng ti tiện ấy tanh hôi đã nhiều!*

● Và cho Người Yếu

*Vì nghèo anh không tiền vào đại-học
Đề tình yêu lọt kẻ hở bàn tay
Nhận cuộc đời anh nguyện sống hăng say
Sao dối rách cứ len vào giấc ngủ.*

HỘI PHỤ - NỮ VIỆT-NAM

và XÃ-HỘI NGÀY NAY

★ Bà Ngô-Bá-Thành

GIANG-TỌA phải phụ-trợ diễn-đàn, luận-thuyết phải đi trước thực-hành : có như vậy thì mới là liên-hợp được tư-tưởng và hành-động.

Chương-trình hoạt-động nữ-quyền ngày nay tại Việt-Nam đã tôn trọng và đương theo công-thức tích-cực tiến-bộ ấy.

Đồng đều với công-cuộc xây-dựng một tổ-chức phụ-nữ cải-thiện, cần phải đặt rõ những quan-điểm nguyên-tắc về ý-nghĩa và trình-độ của một tổ-chức như thế.

Đó là mục-phiêu của buổi họp hàng tháng thứ 94 của (Hội Phụ Nữ Quốc-tế tại Saigon, chung quanh đề-tài : « Người phụ-nữ Việt-Nam và Xã-Hội ngày nay ». Một hội-thảo bàn tròn đã được tổ-chức tại Trung-Tâm Văn-Hóa

Đức-Quốc với sự hợp tác của : Bà Ngô-Bá-Thành, Tiến-Sỹ Luật-Khoa, Chủ-Tịch « ex-officio » Hội Phụ-Nữ Quốc-Tế tại Saigon : *Phối-trí-viên*.

Bà Phùng-Ngọc-Duy, Dục-Sư, Đệ Nhất Phó Chủ-Tịch H. P. N. Q. T. S.

Cô Trịnh-Thị-Ngọc-Uyên, Cử nhân Kinh-Tế-Học, Chủ-Tịch Ủy Ban Chương-trình H. P. N. Q. T. S.

Bà Trần-Ngọc-Tiếng, Tiến-Sỹ Khoa-Học, Khoa-Trưởng Đại-Học Khoa-Học Saigon.

Cô Nguyễn-Thị-Oanh, Cử Nhân Xã-Hội-Học, Giám-Đốc Trung-Tâm Xã-Hội Phụ-Nữ « Thanh Cần ».

Bà Phạm-Thị-Nữ, Tổng-Thanh Tra các trường Kỹ-thuật phụ-nữ.

Chung quanh Bàn Tròn nói

PHỤ-NỮ VIỆT-NAM

trên, vấn-đề vai-trò của người phụ-nữ trong gia-đình và ngoài xã-hội đã được đem ra nghiên-cứu trong tình trạng hiện tại của nước Việt-Nam, theo những khía-cạnh : xã-hội, tâm-lý, kinh-tế, pháp-luật, giáo-dục.

Vào đề, Bà Ngô-Bá-Thành, Phối-trí-viên của Bàn Tròn, sau khi ghi nhận những sự đòi-hỏi của thời-đại đối với người phụ-nữ trong gia-đình và ngoài xã-hội, đã nhấn mạnh vào những khó-khăn hiện tại.

« Trong văn-điện phát triển hiện tại của đất nước, công cuộc giải-phóng phụ-nữ không những là một triển-vọng mà còn là một sự cần-thiết. Song sự-nghiệp tiến-triển của người phụ-nữ về phươg-diện trí-thức, kinh-tế, xã-hội, chính-trị, không phải không đặt ra nhiều vấn-đề trọng yếu. Sự kiện-này, chung cho tất cả các phong trào nữ-quyền, có tính cách đặc-biệt đối với nước Việt-Nam đương ở trong cơn hỗn loạn tiến-hóa.

Những khó-khăn ấy liên-quan mật-thiết với hoàn-cảnh một xã-hội ít nhiều phong kiến, chậm-tiến về kinh-tế, xáo-trộn về xã-hội, đã trải qua nhiều cuộc khủng hoảng chính-trị. Theo đó, người ta đã thấy phát sinh một phong

trào nữ-quyền quá trốn, thường không phù-hợp với phong-tục, lắm khi trái ngược với luân lý, phần nhiều không được phối-hợp với một động-tác giáo-dục tương xứng. Từ đó đã xảy ra nhiều hậu-quả nguy hại mà xã-hội đương phải mang chịu, làm cho cuộc biến-hóa của xã-hội nói chung và cho phong trào nữ-quyền nói riêng bị thiệt-thòi và tổn-thương nhiều.

Thật vậy, khác với ở Tây-Phương, ở đây không phải chỉ là một việc đơn giản điều-hòa luật lệ với phong tục, nhưng là cả một cuộc chính-lý những tục lệ thiên-niên, một cuộc phá những lối tư-tưởng và những nếp sống cổ-hủ, những thành kiến, những tập quán, những thái-độ lãnh-đạm hay nghi-kỵ, một tâm-lý vật-chất, xu-thời hay vô trách-nhiệm... những yếu-tố đặc-biệt trong một tình trạng phong-hóa suy-đồi một phần do hoàn-cảnh tâm-lý chiến-tranh. Tóm lại, ta phải đương đầu với tất cả những yếu-tố tâm-lý kìm hãm nặng nề cuộc tiến-bộ...

Không ý thức những khó khăn ấy, sợ rằng sẽ đi vào con đường phiêu-lưu rất là tai-hại đầu rằng có thiện chí đến mấy, đầu rằng có xây dựng đến mấy... Nhưng nếu cho rằng quá nhiều khó-khăn thì

lại sa lầy vào sự chán nản và đề xã-hội nhằm mắt dựa chân ; mà cũng không vì vậy trút đổ được trách nhiệm. Cho nên cần phải theo một *chủ-trương khẩu cứu khách quan về thực tại của xã-hội...*

Chính thực-tại xã-hội này đã được cô Nguyễn thị Oanh, một phụ nữ hàng ngày sinh sống và hoạt-dộng với thực-trạng xã-hội, trình bày trong bản « Chớp thuyết » về « Người phụ-nữ Việt Nam ngày nay ». Do bản này, Bà Tròn đã nghiên cứu những điểm góp phần mà người phụ-nữ có thể đem đến cho đời sống hạnh-phúc gia-đình và xã-hội.

Theo đó Bà Phạm Thị Nữ đã trình bày những yếu-tố về nội-trợ, giáo-dục và tinh-thần thuộc vai-trò người phụ-nữ đối với gia-đình.

Sự nghiệp đóng góp của phụ nữ vào cuộc tiến-bộ xã-hội đã được thuyết trình bởi Cô Trịnh Thị Ngọc Uyển về phương-diện kinh-tế, Bà Phùng Ngọc Duy về phương-diện công-dân, Bà Ngô Bá Thành về phương diện xã-hội, pháp luật, tinh-thần.

Những triển-vọng thực-thi các chương-trình đã được nghiên-cứu, Bà Trần Ngọc

Tiếng về mặt Học-Dường, bà Phạm Thị Nữ về mặt nghề-nghiệp, Cô Nguyễn thị Oanh về giáo-dục căn-bản và Bà Ngô Bá Thành về lao-dộng phụ-nữ.

Đề kết luận, dưới đây là nhưng ý-kiến cương-lãnh về định-hướng của phong-trào nữ-quyền Việt-Nam đã được tân tổ-chức phụ-nữ « Hội Phụ-Nữ Thiện-Chí Việt-Nam » tiếp thâu. Tại hội này các sinh-hoạt đặt trên căn-bản tự-nguyện, khiêm-tốn đứng ngoài chính-trị, và *Mang dấu-hiệu « Xã-Hội », biểu-trưng cho một hình-thức tư-tưởng, một lo-âu tâm-hồn và một ý-chí hành-dộng.*

Sau buổi hội-thảo Bà Tròn về vấn-đề « Người phụ-nữ Việt-Nam và xã-hội ngày nay », chúng ta cần giải-thoát ra vài quan-điểm nguyên-tắc về ý-nghĩa và giá-trị của phong-trào nữ-quyền hiện-đại ở Việt-Nam.

Trong tình-trạng hiện tại của xã-hội Việt-Nam đương thăng tiến, ta nhận thấy rằng tình yêu nước, chí công bằng xã-hội và lòng mong muốn một cuộc đời sung túc cho nhân-dân đã trở nên một khát-vọng lớn lao và sâu-sắc của toàn-thể dân-tộc.

Trước sự-trạng hiển-nhiên này, người phụ-nữ Việt-Nam đương đòi hỏi được là người bạn đồng-hành của giới nam-nhì để cùng chia gánh-vác trách-nhiệm mới. Người phụ-nữ đương đòi-hỏi, tùy nơi khả-năng, sở-trường hy-sinh và chí nguyện của mình, được tham-dự vào cuộc xây-dựng một « Thị trấn mới » lành-mạnh, đứng-dẫn, công-bằng và thịnh-vượng.

Tại đây, người phụ-nữ Việt Nam muốn tỏ rõ *vai-trò nữ-công-nhân tích-cực hoạt-dộng, cũng là vị-trí quân-bình và điều-hòa của mình* trong cuộc kiến-tạo « Thị-trấn mới » kia phải cần-cù và thanh-lịch, linh-động và nhân văn.

Vai-trò và vị-trí của người phụ-nữ trong xã-hội mới

Thề theo hiện-tượng tương-lập của thời đại ở trên tất cả lãnh-vực và ở tất cả các bậc sinh-hoạt của đời người, vị-trí của phụ-nữ đã trở nên một vị-trí chiến-lược. Người phụ-nữ ngày nay là trung-tâm của sự phát-huy tinh-thần và vật-chất của con người, của gia-đình của cộng-đồng quốc-gia và quốc-tế. Vì thế, *người phụ-nữ phải có*

đủ khả-năng tâm-lý và xã-hội để hiểu biết, điều-hòa và ảnh-hưởng tất cả những tương-giao trong gia-đình và ngoài xã-hội.

Ý-nghĩa và giá-trị phong-trào giải-phóng phụ-nữ

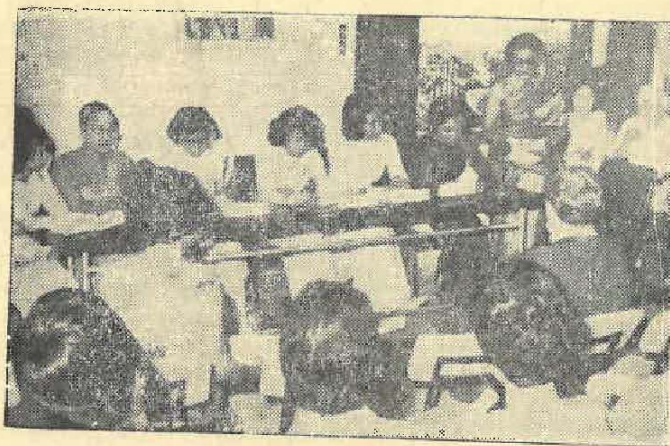
Do vị-trí chiến-lược của người phụ-nữ trong xã-hội hiện đại, phong trào giải-phóng được hai tính-chất : không những nó chỉ đáp-ứng nhu-cầu công lợi (sản-xuất kinh-tế, lực-lượng chính-trị...) mà còn bảo-vệ công bằng xã-hội và nhân-văn ; *phải vừa giải-phóng đời sống vật-chất và tinh-thần người phụ-nữ.*

Phương-hướng phong-trào nữ-quyền.

Hướng về tương-lai, Phong-trào Nữ-quyền cần phải được *vừa cải-tạo vừa kiến-thiết* dưới nhiều hình-thức :

a) Cuộc cải-tạo không có nghĩa áp-dụng máy-móc những phong-tục Tây-phương nhưng phải là một sự kết hợp phong-phú những tập quán tinh thần và luân-lý Việt-Nam với những kỹ-thuật tân-tiến.

b) Về phương-diện tiến-bộ



Ban Thuyết-trình-viên tại buổi hội-thảo bàn-tròn về vấn đề «PHỤ-NỮ VÀ XÃ-HỘI NGÀY NAY»

— Từ trái sang phải : Cô Trịnh-thị Ngọc-Uyên, Bà Phạm-thị Nữ, Bà Trần-ngọc-Tiêng, Bà Ngô-hà-Thành (Phối trí-viên), Bà Phùng-ngọc-Duy và Cô Nguyễn-thị-Oanh.

— Đứng : Bà Ganju, phu-nhân Tổng Lãnh-Sự Ấn-Độ, Chủ-tịch H. P. N. Q. T đang giới-thiệu các thuyết-trình-viên.

xã-hội, phong-trào nữ-quyền Việt-Nam tương-lai phải :

— Thực-hiện quan-niệm tương trợ và công-bình xã-hội thay thế quan-niệm bố-thí, làm phước phụ mẫu lỗi thời.

— Chủ-trương làm việc để bảo vệ phẩm-giá con người thay thế vào tính quen ngời không, ý-lại, kỷ sinh.

— Ý thức thực-tế xã-hội và sự tự-trợ thay vì cho thái độ xu-thời chính-trị và làm sang trọng giả.

— Phòng ngừa hơn là điều trị các nét xấu, bệnh-tật xã-hội (thay thế vấn đề trừng phạt thiếu niên du đảng bằng phương pháp phòng ngừa giáo-dục...).

c) Theo đuổi quân bình và

hoà-hợp để thực hiện hạnh phúc chung phụ nữ ngày nay không chủ trương cạnh tranh ráo riết và đòi hỏi gặt gao nữ quyền đối với nam nhi coi như là bằng hữu thân thiện tương trợ trong một cuộc đời vui tươi cùng xây dựng, cùng trách-nhiệm, cùng hưởng thụ.

Tóm lại, phụ nữ ngày nay muốn hoà-minh vào cuộc tiến-triển hữu-ích chung của tất cả các tầng-lớp xã-hội trong mọi lãnh vực sinh-hoạt kinh-tế, xã-hội, pháp-lý, chính-trị, giáo-dục.

Cho rằng nhà nước có trách-nhiệm thực-hiện công-bằng và

dân-chủ xã-hội, công-cuộc phải theo đuổi vẫn đòi-hỏi sự cộng-tác của cộng-đồng. Người phụ-nữ Việt-Nam, nhất là những giới đã được may-mắn hưởng thụ ít nhiều giáo-dục, đã thức-tỉnh và nhận-thức trách-nhiệm và phần việc xây-dựng trong sự nghiệp thăng tiến chung, đặc-biệt về phần xã-hội và giáo-dục.

Đó là một điều hứa hẹn với tương-lai ... Và ngay từ bây giờ đã là một phần trong kho-tàng tinh-thần và luân-lý của quốc-gia, đáng kể trong nền văn-hoá và văn-minh của dân-tộc Việt-Nam vậy.



Nhà xuất bản SÁNG-TẠO đã cho phát hành 2 tác phẩm mới :

• **GÌN VÀNG GIỮ NGỌC** của Doãn Quốc Sỹ — Ngọc Dũng trình bày và minh họa — 170 trang — Giá 44đ, (xuất bản lần thứ hai).

BƠ VƠ

của Minh Đức (Hoài Trinh) — Ngọc Dũng trình bày và minh họa — 220 trang — Giá 52đ. — Những nhận xét cực kỳ di-dóm của một người dân bà thông minh. Một bối cảnh xa lạ với chúng ta thật đấy (Pháp và Algérie) nhưng vẫn gần-gũi làm sao !

TỪ QUANG Nguyệt San Phật Học đã tục-bản với số 137, trong có nhiều tài liệu chưa từng công bố về cuộc tranh đấu trong và ngoài nước cho Phật-giáo V.N, chưa kể những bài kệ kệ cứu kinh đến có giá trị. Mua lẻ, xin hỏi tại các chùa Ấn-Quang, Xá-Lợi và các hiệu sách Khai Trí, Văn Hưu, Đoàn-Văn. Mua năm, xin tiền thư về Ông Lâm-văn-Tượng, Chùa Xá-Lợi, Saigon.

Gái và
trai
thế hệ

nói buồn

của người

gõ đầu trẻ

* NGUYỄN-PHÁI-BÙU

(Nữ giáo-viên Phước-Thành)

TÔI ra đời với mảnh
bằng Trung-học, bạn có biết
với mảnh bằng đó tôi có thể
làm gì được ! mà so với sự
học non nớt quá không đáng
kể lắm. Nhưng dịp may đã
đến với tôi, tôi thi vào làm
giáo viên Tiểu học Phụ khuyết
ở một tỉnh xa xôi, rừng rú
cốt để tìm một địa vị trong
xã hội và sau có tiền để giúp
đỡ gia đình, vì tôi là người

chị lớn trong gia đình, và mồ
côi cha từ thuở còn nhỏ. Khi
bước chân vào nghề, tôi thấy
đời đẹp lắm là từ nay mình
khỏi phải xin tiền của gia đình
nữa mà vẫn có tiền tiêu pha
của một cô gái mới lớn lên và
tôi cũng đã cho mình là có
diễm phúc lắm vì theo nghị
định một Giáo viên Tiểu học
phụ khuyết thì sau 18 tháng
công vụ được để nghị vào

TIẾNG NÓI GÁI TRAI THẾ HỆ

giáo viên Tiểu-học tập sự.
Chà thích quá ! Tôi không
dám nghĩ đến ngày mai rục
rở của tôi nữa, vì lúc đó, mỗi
tháng tôi sẽ lãnh được 4200\$
với số tiền đó, tôi sẽ gởi về
gia đình một nửa vì nơi tôi
đạy cách xa nhà tôi lắm, còn
bao nhiêu tha hồ mà tiêu xài
cho thỏa thích. Nhưng các
bạn có biết không, tôi đi
đạy đến nay đã 3 lần 18 tháng
rồi mà tôi cũng không thấy gì
cả ? Buồn quá các bạn ạ nếu
bạn là một giáo viên thì chắc
bạn còn hiểu rõ hơn tôi nữa!
Riêng đôi với tôi, hiện giờ
tôi chán lắm bạn ạ ! Bạn thử
nghĩ cũng đồng thời làm một
nghề, cũng cực khổ ngang
nhau, mà sao có kẻ lại lãnh
lương gấp đôi mình mà có
khi công việc họ lại nhàn hơn
nữa là khác, đã thế, đương
nhiên 2 năm họ được Thanh
tra xét lớp để nghị lên hạng,
còn phần tôi, tôi đã dạy 5
năm rồi mà chưa bao giờ
Thanh tra vào lớp tôi cả, các
bạn biết sao không ? Vì tôi là
một giáo viên " ngoại hạng ",
khỏi cần phải khám lớp.
Nhiều khi buồn quá ! tôi chán
nản cho kiếp sống của tôi vô
cùng, bao nhiêu mộng đẹp
của tuổi trẻ tiêu tan mất vì

sự thực quá phũ phàng đời
với tôi, lắm lúc ngồi trong
lớp nhìn đám học sinh của
tôi, tôi cảm thấy buồn quá, vì
tương lai của tôi chỉ là một
tâm màn đen dày đặc, nước mắt
tôi cứ chảy ra mà tôi không
hay biết gì cả ? Đến khi tôi
nghe tiếng xì xào dưới lớp
thì ra chúng đã bảo với nhau:
« Cô đã khóc tui bây ơi » Tôi
mới bừng tỉnh quay về
với thực tế và vội lau nước
mắt để tiếp tục nghề gõ đầu
trẻ. Vì tôi nghĩ mình đi làm
cốt để kiếm tiền phụ giúp gia
đình mà nay tiền thì ít,
giá sinh hoạt nơi tôi ở rất đắt
đỏ, mặc dầu tôi rất hà tiện để
gửi về cho gia đình nhưng
tháng nào vẫn như tháng này,
không hơn mà cũng không
kém. Buồn cười hơn nữa là
bạn có biết không, ngay đầu
tập soạn bài của tôi, tôi viết
một câu to tướng và đóng
khung cân thận « Làm việc
vì lương tâm bõn phận, chứ
không phải làm việc vì đồng
lương », làm như thế để tôi
có đủ can đảm mà làm việc
hàng ngày.

Trên đây là tất cả những gì
có thực mà tôi đã chịu đựng
5 năm nay, hôm nay tôi viết

lên một tiếng nói của gái trai thế hệ không phải để van xin cầu khẩn vì theo như tôi biết, sự thật vẫn là sự thật, mà là để khuyên các bạn học sinh sau này muốn làm nghề gỗ dẫu

trẻ thì ráng học cho giỏi để thi vào Sư-phạm để khỏi chờ đợi 18 tháng như tôi, và khỏi phải tù thân tù phận.

● ★

nỗi niềm người

con gái «15»

★ NHAN-THỊ-MINH

(Nữ sinh Đệ Ngũ Gia-Long)

Mẹ! Mẹ!

Hai tiếng ấy sao dư-âm của nó xót-xa quá nhỉ? Đời với tôi một đứa trẻ thiếu cha và mẹ.

Có những lúc tôi ngồi hững hờ trước quyển-sách, đầu óc quay-cuồng với bao ý-nghĩ. Mà ý-nghĩ ray-rứt nhất vẫn là: « Tại sao mẹ bỏ con hờ mẹ? »

Và hôm nay, câu hỏi ấy lại hiện lên đeo đuổi lấy tôi. Lòng tôi chột se thất lại khi tưởng đến bóng dáng mẹ tôi đang âu yếm bên gã đàn ông xa lạ ấy.

Nước mắt bỗng dâng trào. Tôi gục đầu xuống bàn nước, nức nở thốt:

— Mẹ! Mẹ có nhớ đến con không, đứa con gái nhỏ bé của mẹ, nó đang thèm khát một tia nhìn dịu-dàng ve-vuốt, một chiếc hôn âu yếm, một tiếng nói yêu thương của mẹ. Mà sao mẹ lại hững hờ quên lãng đứa con thơ?

Tình thương con đối với mẹ chưa đủ sao, mà mẹ nỡ bỏ con ra đi không một lời nói không chiếc hôn già-biệt.

Con đã mài mắt quá nhiều tình phụ-tử từ khi cha nhắm

mắt lia đời, con chỉ biết tìm tình thương còn sót lại bên mẹ, thì gã đàn ông ác-nghệt kia lại hiện đến như vị hung-thần, chiếm lấy linh hồn mẹ. Một lần nữa, tình thương duy nhất lại ra đi, lòng con chứa đựng cả bầu trời tang-tóc. Bao suy tư ngập tràn ý nghĩ, ánh mắt con hoài nghi tất cả từ chống sách giáo khoa đến lời giảng chốn học-đường.

Tiếng hát ai văng-vẳng đâu đây: Lòng mẹ thương con như biển thái bình dạt dào. Tình mẹ tha thiết như đồng lúa chiều rì-rào...

Càng làm lòng tôi thêm nỗi hoài nghi cuộc đời.

Sống nhờ và vào, tình thương gia tộc, thứ tình chưa tràn thương hại dễ khinh, nên cuộc sống với tôi là cả nỗi niềm đau xót.

Có những lúc tôi bật cười khan trong đêm vắng, cố thoát ra nỗi cô đơn đang đè nặng lấy lòng tôi. Tiếng cười độc nhất, dư-âm ghê-rợn càng làm tôi sợ hãi cô đơn. Tôi muốn thoát chạy xuống phố đi tìm nguồn an ủi khác của những đứa trẻ như tôi, nhưng thế xác rõ rồi bao nỗi chán chường chạy dài trong lòng tôi, vì: « Tìm đâu những đứa trẻ như tôi. »

● ★

mối tình

CHIÊM - VIỆT

★ VĂN THỊ HỒNG-THỰC

(Phan-lý-Châm — Phan-rí)

Thân gửi Chị Phương,

TUẦN trước khi về Phan Thiết dự cuộc họp cuối tháng của ngành mình. Gặp chị em

trên đường Hải-Thượng Lân-Ông hướng về Bệnh-Viện Phan Thiết. Nhìn em với đôi mắt ngạc-nhiên, chị vội kêu lên:

— Kia Thực! Sao bây giờ

thân hình tiểu-tụy thể, ba năm qua có gì thay đổi mà người con gái năm xưa thùy mỵ và đẹp nhất trường, ngày nay như thiếu-phụ đau thương vì gia cảnh?

Em mân mê chiếc áo dài màu trắng, màu từ lúc vào tuổi dậy-thì em rất thích, mà có một lần nào đó chị hỏi:

— Sao Thục thích áo dài màu trắng thế?

Em đáp:

— Màu trắng là màu trong sạch, hiệu-hiệu lòng trinh-trắng của người con gái đương-thì. Thục thích, vì Thục không muốn đời mình sau này sẽ không bị thời-gian làm hoen-ô. Nhưng ngày nay, Thục đâu có biết được chữ ngờ, chị Phương ạ! Ngày nào đó em sẽ kể cho chị nghe nỗi lòng của em, còn bây giờ thì sắp đến giờ vào học.

Từ giã chị ngày đó, chiều nay ngồi trong căn phòng nhỏ bé của một phòng Hộ-sinh ở Xã người Chăm, bên ngoài gió lộng thổi, bụi bay mịt trời, người con gái Việt sống xa-gia-đình, quê-hương, ngồi viết thư cho chị đây, để kể tâm sự đời mình:

Chị Phương ạ! Chiều gió lộng hôm nay, em nhớ lại một chiều gió lộng giữa mùa Xuân 1958, em nhận được cánh thư đầu tiên của một người con trai Chiêm-Thành (bây giờ là người Chăm) ở miệt Phan-Rí, đề-nghị làm bạn bốn-phương. Vì là một nữ sinh mới 17 tuổi, em không muốn giao thiệp thư từ với một người con trai nào, hơn nữa, người con trai đó lại là một thanh-niên thuộc chủng-tộc khác. Em phân-vân, lo nghĩ và chuyển cánh thư đầu tiên đó cho các bạn đồng lớp đọc, tại con Tuyêt, Sâm, Hoa v.v... đưa ý-kiến:

— « Tao biết tại con trai Chăm làm gì có sức học bằng tại mình, nó sẽ không đủ khả-năng viết thư làm bạn bốn-phương, và lúc đó, nó sẽ rút lui. Vậy Thục cứ viết thư trả lời xem sức của nó đến đâu. »

Theo ý-kiến của các bạn học, em viết thư cho Văn-Phương-Hồng từ đó, em ngạc-nhiên ở khả-năng của một thanh niên Chăm, với tư-cách khiêm-nhường, trong sạch, thành-thật, em đã yêu chàng trong 25 bức thư giao-thiệp và thời-gian 2 năm chưa biết mặt nhau. Em cũng không cho

các bạn em biết tâm-sự đó trong suốt 2 năm cùng học dưới mái trường Trung-Học. Những bức thư sau này, chàng thường nói:

— «... xin Thục chậm dứt tình bạn chúng ta nơi đây, vì danh dự gia đình, khe khát của giáo lý Bà-Ni, ta đứng tiền thêm một thứ tình nào nữa, khi hiện nay ta chỉ quen nhau trên những trang giấy trắng đầy chữ và chưa thấy mặt nhau ».

Còn gì đau khổ bằng, chị Phương nhỉ? Khi người nữ sinh vừa mới lớn, ôm mỗi tình Chiêm-Việt, trong 2 năm trao đổi thư từ đã hiểu phong-tục, tập-quán và giáo-lý người Chăm. Em đã yêu Hồng, người con trai Chăm, có gia đình thanh-bạch và đàn em có học thức cả, em viết thư thổ lộ tình em với chàng.

Gần một tháng qua, Hồng chẳng hồi âm, các bức thư cho em, và cho đến một sáng nào chưa lên, em nhận được một cánh thư của D' Minh, người Chiêm-nữ em của Hồng, vừa tốt nghiệp khóa Hộ-sinh Bệnh-Viện Trung Ương Huế về (1960), báo tin cho em biết Hồng đã từ giã cõi đời về bên

kia thế giới sau một cơn bệnh ngặt nghèo và gọi mãi tên em.

Nhận được hung-tin này, em thu xếp sách vở, từ giã các bạn và xin phép bà chủ trọ lên đường về Hậu thôn, để chia buồn cùng gia đình Hồng và đặt bó hoa lên mộ người bạn xâu sồ. Khoảng 9 giờ vào một ngày cuối Xuân, em tiến vào làng Hồng với một tâm trạng lo-âu, sợ sệt, nhiều ý-nghĩ phức-tạp hiện lên trong tâm-tư em, vì khi còn nhỏ em đọc rất nhiều chuyện man rợ đường rừng do các Văn-sĩ viết. Em phân-vân lưỡng-lự... nhưng rồi vẫn tiến vào lòng đất Hậu. Gặp một Thanh-Niên mặc âu phục đi ngược chiều, em vội hỏi:

— Thưa ông, đường nào vào Hậu-quách?

— Cô cứ thẳng con đường này vào Hậu-quách, còn đường này vào Long-Lê làng người Việt.

Sau khi tìm được làng của Hồng, nhà Hồng, em mới biết Hồng còn sống, nhưng vì giáo lý Đạo Bà-Ni nên chàng muốn đoạn-tuyệt thư từ với em, do đó Hồng mới bảo D' Minh viết thư cho em như vậy. Buổi

trưa hôm đó, Hồng từ sở về nhà, Hồng là một công-chức chỉ huy một cơ quan tại một Quận, vừa 22 tuổi đời, da ngăm, màu da chúng tộc Chăm, em nghĩ suy trong tư-tưởng và gặp trong hiện tại. Gặp nhau, em và Hồng đều trở mắt ngạc nhiên, vì người Thanh-Niên em hỏi đường hỏi sáng chính là Hồng trong hiện tại.

Sau khi hỏi, Hồng liền đáp không lưỡng lự:

— Tôi có tội với đạo lý, vì đi tìm một nhịp cầu tri âm khác chủng tộc, giáo lý tôi không bao giờ cho một người con trai yêu và kết hôn với người khác đạo, tôi biết chúng ta sẽ đến mức đó và xin Thục tha cho hành động nông nổi vừa qua.

Em trở về tỉnh-lý tiếp-tục đường học văn và viết thư cho Hồng nhiều hơn với tư cách tình huynh-đệ. Em cũng không ngờ tình huynh-đệ này lại trở thành một tình yêu mãnh-liệt hơn, vượt lên trên tất cả. Em vẫn cố gắng học-tập và nguyện sau này khi ra trường sẽ theo học ngành y-tê hoặc giáo-viên, xin đổi về một làng Chăm giúp

đỡ một phần nào chủng tộc này và có thể được gán gửi Hồng nhiều hơn Em sẽ đem bàn tay, khối óc chân thành này thiện tâm hoàn thành ý-nguyện.

Nhưng rồi em đành thất-vọng, hình ảnh Hồng vẫn còn ngự trị trong tim em, một người con trai Chăm em đã mến yêu và viết thư tỏ-thể:

«... tình yêu không phân biệt màu da hay chủng-tộc, không sợ dư-luận, những thành-kien bất đồng về chủng tộc sẽ đạp đổ để tiến lên một môi trường thuần túy yêu thương. Khi chưa quen, Thục có thành kien không tốt về chủng tộc Hồng như: man rợ, bừa bãi v.v... nhưng yêu và biết rồi, em thấy người Chăm chắt-chành, phong-tục Chăm tốt đẹp...».

Hồng vẫn giữ mãi tình huynh-đệ gia đình ấy, và quyết kết hôn với một Chiêm nữ đồng-bang, đồng chủng và đồng giáo. Em đau khổ và tiều-tụy như ngày hôm nay, như chị đã thấy.

Chị Phương!

Thời xưa, một Chiêm vương Chê-Mân dâng cả châu

Ô-Lý dời lầy một Huyện Trần Công Chúa, ngày nay em không đòi gì ở Hồng cả nhưng vẫn thất vọng, đây chị? Tình đời sao có những việc éo-le thế. Người con gái năm xưa nhiều mộng đẹp, có sắc đẹp, nhưng rồi cũng « Hồng Nhan Bạc Mệnh » nốt. Chị có tài nào giúp em quên đi một mối

tình thâm thúy này, nó sẽ không quên dấu thời gian và hoàn cảnh có thay đổi. Em chờ tin các chị bốn phương giúp em.

Kính chào chị.

tùy Người

ĐÌNH-ĐOẠT

* NGUYỄN VĂN THU

(Sinh viên Luật Khoa năm I
Phòng 2 đường lão viên, Trại I,
Bệnh viện Hồng Bàng)

Từ số 11 đến 19 bis.

TIẾNG tranh-luận về vấn-đề chính-trị, tình cảm và những chuyện vụn-vật làm ồn cả phòng 2 Đường Lao-viện Sinh-viên của bệnh viện Hồng-Bàng. Mười hai anh, trong đó có tôi, đều hằng tiết vệt trở tài hùng-biện đề đề bẹp đối phương. Tình-hình sôi-nổi cực độ đến nỗi ai cũng quên là mình đang bệnh. Bỗng chị Minh, nữ y-tá trẻ đẹp, hiền-hòa đến phòng gọi:

— Các cậu lên présenter, Papa đợi các cậu đấy.

Thế là cuộc khẩu chiến tạm đình lại. Một tiểu-đội sắp hàng một đi lên, dẫn đầu là tôi, theo sau có anh Nghĩa, Chi, San, Luân, Hiền, Vinh, Thiện, Chương, Đức, Trùng và anh Mẫn.

Ngồi trước mặt hai Papa lòng tôi dâng lên một niềm kính mến sâu xa. Chúng tôi thường gọi bác sĩ Hanh và Hautier cái tiếng yêu mến ấy vì hai ông đối với chúng tôi và các bệnh nhân ở trại I và III như tình cha con.

TIẾNG NÓI GÁI TRAI THẾ HỆ

Hai ông săn-sóc bệnh-nhân với một tấm lòng bác ái vị-tha tận-tụy. Có lần hai Ông đã dò mắt khi hay tin một bệnh nhân qua đời vì không chịu nổi cuộc giải-phẫu.

Tôi lặng yên hồi hộp theo dõi các phim Standard và Tomo mà hai ông đang xem. Hai ông bàn cãi với nhau bằng tiếng Pháp. Tôi cố lắng tai nghe, thì ra hai ông đang lấy quyết định chung nên cho tôi giải phẫu hay không. Rồi việc gì đến là phải đến, hai ông hướng về tôi nghiêm nghị hỏi:

— Con có sợ mổ không?

Như một tiếng sét nổ bên tai, tôi choáng váng mày mặt. Trời đất như quay cuồng trước mắt tôi. Tâm hồn tôi xúc động mãnh liệt.

— Sao con không trả lời?

Tôi cố đè nén xúc cảm, cương quyết trả lời:

— Dạ con không sợ. Con cần phải chấm dứt chuỗi ngày vô vị. Một là con sống hai là con chết. Con quyết định theo lời dạy của Papa.

— Con đừng bị quan. Cuộc giải phẫu của con không có gì nguy hiểm. Con đừng mất niềm tin.

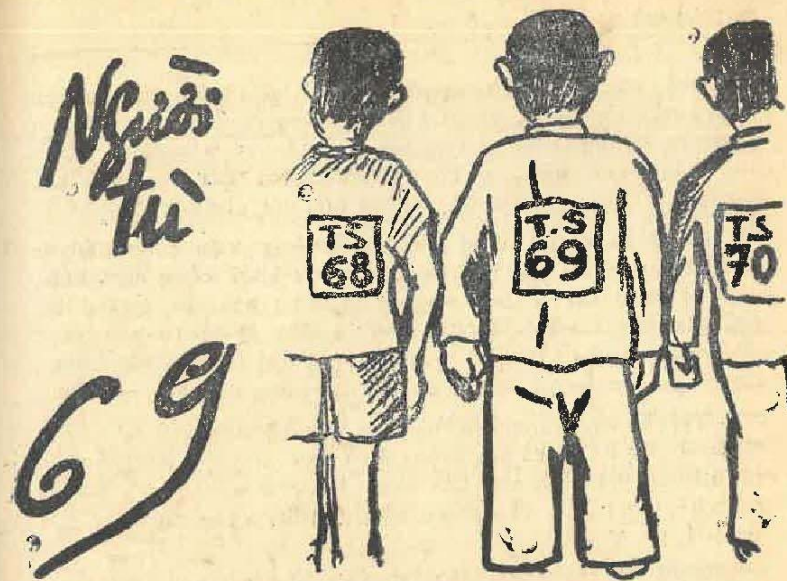
— Thôi con về phòng. Trong một tháng tâm bồ, ta sẽ đưa

con sang bệnh-viện Bình-dân.

Tôi vội bước ra khỏi phòng khám bệnh. Lòng nặng trĩu một nỗi buồn.

Đêm nay sao dài quá! Các bạn tôi đã an giấc từ lâu. Nhìn chiếc mùng trắng toát đang phủ kín mảnh hình hài tôi, tôi tưởng chừng nằm trong chiếc quan tài. Bốn bề im lặng. Tiếng quạt trần quay vù vù, một âm điệu hoang vắng lạnh lùng. Bất giác một giởng lệ nóng chảy dài xuống mi tôi. Tôi khóc, phải các bạn ạ, lần đầu tiên tôi đã biết khóc. Phải chăng tôi khóc vì tôi sợ chết, tham sống, hay tôi khóc cho số phận vô phước của tôi. Có lẽ cả hai, mất tình thương mẹ, cha lúc 14 tuổi đầu. Sống nhờ anh chị đề rồi nhảy vào đời tự tìm cái sống. Tôi vẫn tưởng cuộc đời tôi gặp nhiều may mắn trên bước đường công danh. Nào ngờ những con vi-trùng K. quái ác đã làm tan tành bao mộng đẹp ước mơ của tôi. Còn vài hôm nữa, tôi sẽ lên bàn mổ. Nghĩ đến giờ phút quyết liệt ấy lòng tôi không run sợ, không lo âu.

Hỡi Đức-Phật từ bi! Con xin phó thác số mạng con cho người đề tùy người định đoạt.



HỒI KÝ CỦA NGUYỄN-VỸ ★ HỒI KÝ CỦA NGUYỄN-VỸ

(Tiếp theo P.T. 122)

CÙNG bị bắt một ngày với tôi là anh Lê-Cường, chủ nhà-in và nhà thuốc Hồng-Khê. Anh nầy chịu tội thật là oan-uổng chỉ vì anh in giữ gìn quyển sách « *Cái Hoa Nhật-Bản* » cho tôi, — in chịu vì tôi không có tiền. Hôm bị bắt, anh mỉm cười chỉ vào mặt tôi: « Tại anh mà tôi bị bắt đó! » Tôi cũng cười bảo: « Anh đã đi du-lịch khắp nơi, chỉ trừ trong lao tù, thì hằng đi một chuyến vào đây cho vui! » Nhưng từ Lao Hiên Bình Nhật sang Lao mật thám Hà-Nội, anh chỉ ở vài hôm rồi được trả tự-do. Hôm ra về, anh cảm-động nắm tay tôi, căn dặn: « Tôi không cần phải chúc anh điều gì cả, vì ở tù đối với anh là chuyện thường. Tôi chỉ mong anh tin rằng trọng lúc anh còn ở tù thì ở ngoài có thằng Lê-Cường

này ngày nào cũng thương nhớ anh và luôn luôn cầu nguyện cho anh sớm được thoát khỏi mọi nguy nan. Khi nào anh được ra, chúng ta lại sẽ tiếp-tục hợp-tác về văn-ngệ. Thôi, anh ở lại bình yên... » Tôi chỉ mỉm cười bắt tay anh Lê-Cường, lòng nao-nao buồn, không biết nói gì được.

Chị Mẫn và « Thạc-sĩ Đố-Tê » chứng kiến cuộc từ-biệt của Lê-Cường và tôi. Khi Lê-Cường ra khỏi cổng mật-thám, chị Mẫn bảo tôi : « Chắc ông ấy có lo lót bạc vạn mới được thả ra sớm thế. » Đố-Tê cũng bảo : « Hẳn là đại tư-bán mà ! Thề nào ở nhà vợ hán cũng đem bạc đi dứt lốt cho Mật-thám. Chứ nghèo như tui mình, đã vào đây đừng có hồng ra ! ».

Tôi cầu thủi ruột. Trường hợp của tôi đặc biệt là vừa bị Nhật vừa bị Pháp, cả hai không bên nào tha. Hễ bên này tha thì bên kia bắt. Tôi như con chuột bị kẹt ở giữa con mèo và con chó. Thà nằm yên trong bẫy còn hy vọng có ngày giải thoát !

Nghĩ thế nên tôi lại lạc quan. Giả sử lúc bấy giờ mật-thám Pháp thả tôi ra, chắc là tôi sẽ sống những ngày hồi-hợp lo sợ, trốn tránh bọn Nhật, tìm nơi ẩn nấp, đầu-dám xuất đầu lộ diện ?

Khải-Hung, Lưu-trọng-Lưu, Nguyễn-Tuân, tuy cùng chung số phận, nhưng mấy « chá » còn sướng hơn tôi : bị Pháp bắt về tội thân Nhật, ba ông mãi có hy vọng một ngày gần gũi sẽ được Nhật giải-phóng cho. Còn tôi vừa bị Nhật bắt, thoát được Nhật lại bị Pháp bắt. Nếu thoát được Pháp là Nhật sẽ tóm cổ ngay.

Chả trách một lần ăn cơm cùng chỗ (ngồi ăn ngoài sân Lao), Khải-Hung gắp một miếng cá khô bỏ vào bát cơm của tôi, và bảo : « Nền cho anh này ăn nhiều một tí, vì chúng mình sẽ còn có ngày được ra, chứ anh này sẽ chết rục trong tù ! »

Vài ba hôm sau, được tin mấy người lính mật-thám cho biết Khải-Hung sẽ bị di an-trí ở Vũ-Bản, Lưu-trọng-Lưu di an-trí ở Phú-Bài, Nguyễn-Tuân đi... (tôi không nhớ).

Ba người cùng đi một đoàn với mười mấy người khác

nữa. Buổi tiễn biệt có chút vui vẻ vì ai này đều niềm nở cười đùa, như tiễn một phái đoàn du lịch. Chính tôi hôm ấy cũng không thấy buồn, do sự vui lây của đám đông trong sân tù.

Và lại, ở tù, kẻ tội, người lui là thường. Hai danh từ pháp ngữ thông dụng : *Arrivée... Départ...* nghe rất quen tai, không gây xao xuyến lắm.

Chị Mẫn lúc nào trong tay cũng có que đan và một chiếc áo len đan dở, cuộn len nằm trong cái giỏ mây đeo tòn-tên dưới cánh tay của chị. Khải-Hung từ già chị với một câu khôi hài : « Hôm nào đan xong chiếc áo, chị gởi ra Vũ Bản bán cho tôi nhé, lĩnh hóa giao ngân. » Chị Mẫn cũng cười đáp lại : « Phải giao ngân trước mới được chứ ! » Lưu trọng Lưu ra đi, còn quây lại đọc cho chị hai câu hát trào phúng :

Nàng Bân đang áo cho chồng

Đan xong chiếc áo, mắt chồng nàng Bân !

Không khí sân tù hôm đoàn an-trí đầu tiên ra đi với những tiếng cười nhộn như thế, buồn làm sao được nữa !

Nhưng một bọn đi rồi, còn những kẻ ở lại dần dần mới thăm-thía giờ phút biệt-ly, với những ngày vô định.

Tôi kéo Đố-Tê ra ngồi góc cây Mai. Anh ta nói thăm với tôi :

— Thanh Thanh bị bắt ở Lạng-Sơn, anh có quen với nó không ?

— Không. Nó đâu ?

— Nó nằm trong xà-lim, ít khi ra chơi.

— Sao thế ?

— Chắc là cu.cậu nuốt chưa trôi cái cục hận !

— Hận gì to thế ?

— Nó với bọn đồng chí Phục-quốc-quân của nó nghe lời quân-sư quạt mo của chúng là Trần-Trung-Lập, theo đạo quân Nhật-Hoàng của Mitsui từ Quảng-Đông về đánh chiếm Lạng-Sơn. Không dè ở Hà-nội Nishihara điều đình với Pháp xong xuôi, giao trả Lạng-Sơn cho Pháp, Pháp kéo quân lên chiếm lại Lạng-Sơn, bắt cả lũ An-nam-mít Phục-quốc, giết

lũ-bù. Còn một mớ tiêu-tốt đem về giam ở đây. Trong số đó có thằng Thanh. Nhưng chuyện đó đã thuộc về Lịch-Sử, để con cháu chúng mình sau này chứng nó phân xử. Có điều tôi phục thằng Thanh sát đất là nó ở trong Lao Lạng-sơn, nửa tháng, viết được một quyển sách độc-nhất vô-song trên Thề-giới.

— A! Sách gì thế?

— Sách kể lại tất cả câu chuyện Phục-quốc quân chiếm được Lạng-sơn rồi mất Lạng-sơn, nhưng không giống một quyển sách nào khác trên thế-giới là nó viết trên 100 tờ giấy quyền quân thuộc lá, thứ giấy quyền thật mỏng, mà nó viết chữ lý-tý lý-tý phải có kính hiển-vi mới xem được. Nó nhét « quyển sách » của nó trong lưng quần, mà tụi Mật-Thám khám xét không biết bao nhiêu lần, không trông thấy. Nghĩa là quyển sách nhỏ, rất nhỏ, khuôn khổ như bao diêm (1) nhưng rất mỏng, giấu trong lưng quần, hoặc lại quần, không tài nào khám phá ra được. Anh thử tưởng-tượng xem : quyển sách tỷ-hon ấy chứa đựng trên 5000 chữ, kể lại tỉ-mỉ đủ các chi-tiết một trận đánh rất hào-hung trong Lịch-sử Cách-mạng Việt-Nam, và cũng là một cuộc chiến bại thế thâm nhất, tàn nhẫn nhất, được thu gọn trong 100 tờ giấy quyền mỏng hơn lụa, chữ nhỏ hơn con vi-trùng ho lao.

— Tôi muốn xem kỹ-công ấy có được không?

— Đừng có hòng! Thằng Thanh nó cắt kín tác phẩm kiệt bút ấy trong lại quần của nó, không bao giờ đưa cho ai xem.

— Sao anh xem được?

— Tôi quên nói cho anh biết rằng tôi là một tên trinh-thám số 1 trong ban tình-báo của Đông-Dương Cộng-sản đảng.

Tôi cười :

— Cậu nói phét vừa vừa chứ!

(1) hộp quet

Thạc-sĩ Đố-Tề cũng cười :

— Cậu nhầm! Cậu đã tặng tôi chức Thạc-sĩ thì ít nhất cậu cũng phải biết cái giá-trị của tôi như thế nào chứ.

— Tôi chỉ ban cho anh bằng-cấp «Thạc-sĩ Rệp», anh nên nhớ-thề. Anh đừng lờ tôi!

— Trời! Tờ mà loe cậu thì giới nó đánh tờ chết lẫn đùng ra đây ngay! Cậu nên biết rằng trong Lao Mật-thám này, chuyện gì của ai tờ cũng biết cả. Chánh.Mật thám là tờ đây!

— Chuyện của tôi, anh biết thế nào, nói nghe!

— Ồ, chuyện của cậu, tôi còn lạ gì! Cậu đẽch có chuyện gì bí-mật đâu nhé. Cậu làm Q.D.Đ, viết báo chống Tây, viết sách chống Nhật, bị Pháp bắt, Nhật bắt, đi ở tù... ba-lăng-nhăng... Cũng như Khái Hưng, Lưu-trọng-Lưu, các cậu chỉ là Văn-sĩ, Thi-sĩ, làm cái đẽch gì cũng có vẻ Văn-sĩ, Thi-sĩ cả. Không như tờ. Tờ đã ám sát hai thằng Việt-gian rồi đây. Bảo cho cậu biết! Có nhẽ vì thế mà mấy thằng Đại-Việt gọi tờ là Đố-Tề. Nguyễn-Vỹ có ngán tờ không?

Tôi lắc đầu cười :

— Không... Cậu chỉ làm trầy một tý da trên cằm tôi, để rí ra vài giọt máu là cùng.

— Cậu đừng tưởng tôi chỉ là một cán bộ mề chai.

— Thôi, tôi không thích nói chuyện ấy nữa. Tụi mình nói sang chuyện khác đi.

— Chuyện gì bây giờ?

— Chuyện... ma chẳng hạn.

— Chuyện phản khoa-học ý à? Tờ là Mạc-xít, theo biện-chứng-pháp, không có ma.

— Tờ bảo có ma.

— Lão!

(còn tiếp)



POLYVIT C_a

TÉVÉTÉ

OÀN BÀ DƯỠNG-THAI và THỜI KỲ CHO CON BÚ
TRẺ EM ỒN-YẾU, Ề-O-T, CHẬM MỌC RĂNG
THUỐC BỔ MÁU, XƯƠNG, PHỔI
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY và TIỆM TRỪ ẬU-DƯỢC

SÁCH BẢO MỜI

* Tin Tưởng

Tiếng nói của Phật-tử Việt-Nam. Hải-ngoại số 5 và số 6. Một Tạp chí quây ronéo những bài vở rất có giá trị do toàn giáo sư và sinh viên Nam-nữ Việt nam ở Paris.

* Tình Thương

Tạp chí Văn nghệ của Sinh-viên Y khoa Saigon. Nhiều Bác sĩ và anh chị em sinh viên viết nhiều bài đặc sắc chung quanh một đề tài để thảo luận.

* **Hoang Thi tập của Lê Minh Phụng Thảo**
Bồng Giang. Giá 48\$

* **Con Đường Tình nhân**
Thơ của Hải Phương. Nhiều bài hay, in đẹp.

* **Hán học giải minh**
của Tạ văn Long. tự Hiền Minh. một phương pháp tự học Hán-văn bằng thơ Lục bát.

* **Văn chương lộn ngược của Ngọc Tú**

* **Bơ Vỡ** truyện dài của Minh Đức (Hoài Trinh). Sáng tạo xuất bản — Dày 220 trang. Chúng tôi sẽ phê bình quyền này trong một số sau.

* **Gìn vàng giữ Ngọc**
Truyện dài của Doãn quốc Sỹ. Sáng Tạo xuất bản — 168 trang.

* **Phi Lạc sang Tàu**
của Hồ Hữu Tường. Nhà xuất bản Huệ-Minh. Giá bán 60\$ Dày 278 trang.



MỐI TÌNH VÔ VỌNG
CỦA NHÀ VĂN

BERNARDIN DE
SAINT-PIERRE

* Hoàng - Thắng

(Tiếp theo P.T. 122)

SAU cái chết của vua Auguste III, dân của « hetman » Branicki bắt đầu tuyển truyền vận động bầu cử cho ứng cử viên của mình. Nàng Marie, là cháu của Branicki cũng muốn tham gia công cuộc vận động, Nàng ở Varsovie và mua một lâu đài nhỏ tại đường Piaristes (Piarska). Căn nhà được tu bổ, bày biện đúng thời trang hồi đó. Tại nơi đây nàng đón tiếp những nhân vật đáng chú ý nhất của Varsovie. Lẽ tự nhiên nàng quen biết và tiếp đón tất cả những nhà ngoại giao ngoại quốc trừ người Nga.

Rồi một buổi chiều, ông M. de Mercy, đại sứ Autriche tại Pologne dẫn tới lâu đài đường Piaristes một chàng thanh niên trẻ tuổi, duyên dáng, khuôn mặt phẳng phất nét buồn man mác và giới thiệu với công chúa Marie. Đó là hiệp sĩ Jacques-Henri Bernardin de Saint Pierre. « Thế là Paul đã gặp Virginie »

● Tình yêu lợi nỡ

Khi tới Varsovie, Bernardin cảm thấy buồn chán. Chàng không mấy thích dân chúng và xứ này. Song le, họ đã tiếp đãi

Jacques-Henri nòng hậu. Chẳng thường lui tới những phòng khách thính của các bà mệnh phụ Pologne, đi thăm ông M. de Mercy đại sứ Autriche và được đại sứ Pháp quốc tiếp đãi niềm nở.

Bất ngờ tất cả đều thay đổi. Varsovie đã là một thành phố đẹp nhất thế giới và xứ Pologne là xứ hiền dụ hơn cả xứ Finlande hoặc là Vienne. Thiên đàng nơi hạ giới đã có ngay bên bờ sông Vistul.

Chỉ một buổi tối nơi đường Piaristes là đủ rồi. Một tiếng sét nổ lớn ! Jacques Henri say mê nàng công chúa Marie và chàng quên hết những nỗi buồn.

Làm sao mà không yêu được khi nàng công chúa có đủ các đức tính cao quý, thông minh, có tài, học thức. Nàng nói được nhiều thứ tiếng ngoại quốc, nàng lại đẹp trẻ duyên dáng. Tối nào Bernardin de Saint-Pierre cũng tới dự những buổi nói chuyện tao nhã với nàng. Có điều lạ lùng nhất Henri lại thành một nhân viên của Charles Radzawill, người chồng trước của Marie, là một trong những lãnh tụ chống bọn Nga và chống Poniatowski.

Nàng công chúa đã tỏ ra dịu dàng hơn trước. Henri như sốt trong một cơn sốt tình cảm. Bữa nay chàng si tình như thấy mình được yêu, bữa khác lại thất vọng.

Cũng như tất cả các bà mệnh phụ khác của thời đại này, Marie cũng có một « cái tỏ » riêng, bề ngoài trong tho kệch nhưng bên trong lại bày biện rất sang trọng. Một ngày công chúa Marie tổ chức một buổi du ngoạn tại Wiazowno. Lâu đài Wiazowno nằm giữa một công viên rất đẹp, đầy hoa thơm và chim chóc. Một số đông thuộc giai cấp thượng lưu vui vẻ dự cuộc, mang theo rất nhiều hành lý.

Vừa tới nơi, Bernardin đã chạy vội ra vườn, đi thơ thẩn bên bờ một con suối, mơ màng nghĩ tới người yêu. Và, người đẹp đã hiện ra trước mắt chàng. Lúc đầu cả hai người cùng e dè im lặng. Rồi, Marie bối rối khi nhìn thấy có những đám mây đen báo hiệu một cơn giông lớn sắp nổi, Jacques-Henri vội đưa tay cho nàng nắm lấy và cả hai trở về lâu đài. Nhưng giông tố đã nổi, mưa ào ào trút xuống như thác đổ. Sấm, sét ầm ầm. Cả hai phải chạy vào trong

cái tỏ » trú tạm. Nơi đây, chàng hiệp-sĩ si tình đã thấy hạnh phúc của mình được thỏa mãn hoàn toàn.

Nhưng rồi hạnh phúc cũng không được bền lâu. Jacques-Henri cảm thấy người yêu càng ngày càng lạnh nhạt xa lánh mình. Henri tự an ủi, nghĩ rằng nàng phải giữ kín bề ngoài để tránh dư luận nhưng những linh cảm xấu đó đã đẩy vò chàng không ít.

Than ôi, sự thật đúng như vậy. Marie, vì quá u lo lắng cho tâm tiếng mình, thiết nghĩ bản tình ca đã quá đủ kéo dài và đã tới lúc phải cắt đứt.

Một buổi chiều, nàng buồn rầu cho chàng hay những ngày tươi đẹp của tình yêu đã hết, gia đình nàng khiến trách chàng và bà mẹ già nàng quá trách nàng thậm tệ. Cuối cùng nàng cầu mong nơi sự đoán chính của người yêu để giúp nàng chịu đựng sự thử thách này.

Henri ra đi và Marie hẹn gặp lại chàng ở Paris ít lâu sau.

TRỞ VỀ ĐẦY BỰC BỘI

Khi tới Vienne, nhà hiệp-sĩ dừng chân chờ đợi thư của người yêu. Lá thư đầy quyến rũ đến nỗi, đáng lẽ Bernardin

phải tiếp tục cuộc hành trình, thì lại quay về Varsovie. Tới nơi, Bernadin chạy ngay tới lâu đài nơi đường Piaristes. Nơi đây đang có cuộc tiếp đón những vị đại sứ ngoại quốc. Jacques Henri viết thư nhờ người hầu cận đem trao cho Marie. Không thấy trả lời, Bernardin đi thẳng vào và chạy kiếm nàng. Cuối cùng chàng gặp nàng nhưng Marie không còn thì giờ để hỏi han chàng. Một cái nhìn không bằng lòng kèm một nụ cười, đó là tất cả sự trả lời của nàng. Nhưng chàng hiệp sĩ si tình vẫn dai dẳng chờ đợi cho buổi khiêu vũ tan, mới lẹ làng lách qua một chiếc cửa nhỏ bí mật, đi thẳng vào buồng ngủ của nàng công chúa. Nhưng thay vì nói những chuyện yêu đương, nàng chỉ hỏi chàng lý do trở về.

Buồn rầu và mệt nhọc, Jacques Henri trở về căn nhà cũ của mình để ngủ. Sáng hôm sau, ngày 24 tháng năm, chàng bị thức giấc bởi lá thư của nàng gửi tới. Lá thư rất nồng nàn và khuyên răn. Nàng cho hay nàng sẽ trở về bà mẹ và chỉ viết thư cho chàng khi nàng có thể gửi thư tới Paris được,

MỐI TÌNH VÔ VỌNG

Coi thư xong, chàng hiệp sĩ đã tình ngất xỉu.

Sau đó chàng rời khỏi Varsovie, dừng lại ở Dresde ít lâu rồi trở về Paris. Nơi đây Bernardin không hề nhận được thư của Marie, những chỉ nhận được những tin buồn của gia đình. Cha chàng đã chết, người chị vào nhà tu, các ông anh đều sang Ấn Độ. Chỉ còn một mình chàng với mối sầu vạn cổ. Và chỉ còn một niềm

an ủi là viết về xứ Pologne.

Cuối cùng, vì không thể chịu đựng được sự chờ đợi người yêu, Bernardin đi Madagascar. Sau khi Bernardin đi thì Marie tới Paris nhưng nàng chỉ ở lại Paris có ít hôm vì chiến tranh đã nổi lên ở xứ nhà. Người ta chống lại bạo hành và lạm dụng của người Nga. Đó là liên-bang Bar.

(còn tiếp)



- Số 3 + 4 đã phát hành.
- Góp bàn những vấn đề về giáo dục, sinh viên, sự đôn-đầu của con người trước bệnh tật...
- Sáng tác văn nghệ : truyện dài, ngắn, truyện dịch, tùy bút, thơ v.v...

— Đã có bán tại các hiệu sách trong toàn quốc.

PHÁT HÀNH TRONG THÁNG 4-64

HÓA THÂN

THƠ VIÊN-LINH

TẬP CHÍ VĂN NGHỆ XUẤT BẢN

Dày 150 trang — Giá 70 đồng

Kẻ thù và bạn hữu của văn học nghệ thuật bây giờ

đều phát đọc : **Ý THỨC**

Số 1 ra ngày 28-3-64

tuần báo cùng những tên :

Đoan Quốc Sỹ — Nguyễn Sỹ Tế — Duy Thanh
Trần Thanh Hiệp — Thanh Tâm Tuyền — Mai Thảo
Thái Tuấn — Trần Lê Nguyễn — Ngọc Dung

Các bạn xem trong nhật báo



- ★ XÃ THUYẾT CHÍNH TRI của N.V.
- ★ THẠCH-BÍCH-SƠN, truyện bằng tranh của NGUYỄN-VỸ
- NHỮNG CHUYỆN R...RỪNG...R...RỖN của ĐIỀU-HUYỀN
- ★ NHẬT KÝ của ĐIỀU-HUYỀN

Phát hành mỗi ngày 120.000 số

Công - Ty Bảo - Hiểm

« **LE SECOURS** »

Công-Ty Bảo-Hiểm và Liên-Hiệp Bảo-Hiểm những tai-nạn, hỏa-hoạn, hàng-hóa, trộm cắp và tất cả các rủi ro

Trụ sở chánh :

50-32, đường Laffitte — Paris (9ème)

Chi-Cuộc Viễn-Đông :

16, đại-lộ Nguyễn-Huệ (Charner cũ) Saigon

Điện-Thoại : 20.461

- Bồi thường mau lẹ
- Nghi thức giản tiện

Khi hữu sự hãy hỏi thăm liền chớ ngần ngại — Mọi sự dễ dãi và tiếp rước niềm nở sẽ dành cho khách bảo-hiểm.

Nước Ngọt «CON CỌP»

Nguồn mạch Sức Khỏe
và Vui Tươi



Nước Ngọt «CON CỌP» mỗi chai
là nguồn Vui Mạnh kéo dài Tuổi Xuân

Sở-Số Kiến-Thiết Quốc-Gia
Giúp nước thêm nhà ta thêm cửa

3 LÔ ĐỘC ĐẮC
mỗi lô :

1.000.000\$

XỔ THỨ BA HÀNG TUẦN, MỖI VÉ 10\$

THẦN-TÀI CHẴNG VỊ RIÊNG AI
CỨ MUA VÉ SỐ
THÌ THẦN-TÀI SẼ ĐẾN THĂM



MỸ-DUNG-LÔ

Hồng - Nguyên

Làm cho da mặt mịn màng
Tiêu tan các vết nám đen
Các thối mụn trên mặt,
và rôm sảy cho trẻ em
Nhà thuốc HỒNG-NGUYỄN
246, đại-lộ Nguyễn-Hoàng
Chợ Lớn

Ở BÀN KHẮP NƠI

H. số 242, ngày 20-6-63

HO, Bề-phế linh-dơn Thụy-Lâm loại A
Bạch-Đới, *TR/* : Các chứng ho lâu năm, nhiều đàm, ho cảm, ho
 đàm, ho gió, yếu phổi, rang ngực, tự nhiên sút cân.
 hoàn Thụy-Lâm
TR/ : Cũng đau cơn, ngứa cửa mình, ra huyết
 trắng (Các tiệm thuốc Bắc đều có bán)
 Nhà thuốc **THỤY-LÂM** 191 Gia-Long Saigon
 K.N. số 425 ngày 25-9-63

Gần Đến kinh kỳ, Băn thần dã dượi, hay là đang
 hành kinh mà đau bụng uống :
Lôi Công Hoàn « ÔNG TIỀN ». Hỏi các tiệm thuốc Hoa-Việt.
 Saigon 228 Lê-thánh-Tôn. Nhà thuốc **Ông Tiên,** Phú Lâm Cholon
 K.N. BYT số 1— 9-5-63

Phong Ngứa, Ghê chốc, lở loét, gãi tới đâu lan tới đó
 không phải thoa phết sơ sài ngoài da mà
 hết, uống **Giải Phong Sát-Độc-Hoàn « ÔNG TIỀN »**
 30 sáng lập. Hỏi các tiệm thuốc Hoa-Việt.
 Nhà thuốc **Ông Tiên** Phú-Lâm Cholon (K.N BYT số 3— 9-5-63)

- 1) **CÁC CHỨNG HO** Ho Phong, ho đàm, ho siêng Ho rang
 tức ngực, ho lâu ngày, ho sồn hậu, nên dùng **HUỘT PHÁT**
PHÒNG LAO THẢO do Tang Nha chế tạo, đề mệnh Phôi lành ho.
- 2) Yếu Tim, Đau Tim, Thẩn Kinh suy yếu I dùng : **AN THẦN**
BỮU trị các chứng tim đập, hồi hộp, mất ngủ xây xam chóng mặt,
 Dùng để an thần định trí, mất gan để ngủ.
- 3) **ĐẠI BỔ LONG PHỤNG TINH** : Thuốc bổ cho người lao
 tâm, lao lực, mệt mỏi đau lưng kém ăn ít ngủ, và các chứng thiếu máu.
- 4) Bệnh của Phụ nữ : Kinh nguyệt bất thường thiếu máu, mặt
 mét, đau lưng, bạch đới hạ ít ăn ngủ, nhức mỏi tay chân quí Bà
 dùng **PHỤ NỮ HỒI XUÂN TỐ.**
- 5) Bệnh Phong Thấp, đau khớp xương, nhức gân, tê bại, tay chân
 hay đổ mồ hôi tứ chi bải hoải dùng **THẢO LINH SƠN** Di An Hòa.
- 6) Quí Bà có thai bị bệnh thiếu máu sanh ra ứa máu, bần thần,
 mỏi mệt, thai trắng đau lưng. Quí Bà dùng : **DƯỠNG THAI BẢO**
SẢN HOÀN Di An Hòa.
- 7) Ai có bệnh Phong ngứa, ghê chốc, lở loét ngoài da tìm thuốc
PHONG NGƯA Di An Hòa để lọc máu giải phong.
 (Có để bán ở các tiệm thuốc bắc)
 Tổng Phát hành : Nhà thuốc **DI ANH HÒA.**
 252A LÊ THÁNH TÔN Saigon — BYT/Kiểm Nhận ngày 18-12-1963

CÙ-LÀ



古
那
油

**VIÊN BẢO CHẾ
 NGUYỄN-CHÍ**
 K.N 697.BYT/QCDP, 24/2/64



GLUCOCÉ
TÉVÉTÉ

‘KÉO SINH TỔ’
CHỐNG MỆT-MỎI THỂ XÁC và TRÍ-ÓC
NGỪA NHIỄM-ĐỘC VI-TRÙNG
 CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY và TIỆN TRƯỞNG ĐƯỢC

K.N. số 252 BYT/QCDP/18-10-62



K.N số 260 ngày 20-6-63

KINH - LÝ VĂN - PHÒNG

110, đại lộ Nguyễn-Huệ — Saigon

Điện-thoại : 23.187

Phạm - uân - Lạng

Giám-Định Trắc địa-sư
Géomètre — Expert

373, Phan-thành-Giản

SAIGON

Giấy phép số 292 CDV/TT/NĐ ngày 9-10-1961

Quản nhiệm : **NGUYỄN-VỸ**

In tại **THƯ LÂM ÁN THƯ QUẢN**
231-233, Phạm Ngũ-Lão — Saigon

PHỔ - THÔNG

TẠP - CHÍ VĂN - HÓA CÓ UY - TÍN TRONG
NƯỚC VÀ Ở HẢI - NGOẠI

Phát - hành thường xuyên mỗi kỳ :

50.000 số



**NHẬT BÁO CÁCH MẠNG, BẢO VỆ
TỰ - DO DÂN - CHỦ**

phát hành mỗi ngày :

120.000 số